

Hướng dẫn Sử dụng Điện thoại Nokia 3230

CÔNG BỐ HỢP CHUẨN

Chúng tôi, NOKIA CORPORATION, trong phạm vi trách nhiệm của mình, xin công bố sản phẩm RM-51 đã tuân thủ các điều khoản qui định theo chỉ thị của Hội đồng: 1999/5/EC. Bản Công bố Hợp chuẩn có thể được tìm thấy tại địa chỉ http://www.nokia.com/phones/declaration_of_conformity/.

CE 168

Bản quyền © 2005 Nokia. Bản quyền đã đăng ký bảo hộ.

Nghiêm cấm sao chép, chuyển nhượng, phân phối hoặc lưu trữ một phần hay toàn bộ nội dung tài liệu này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được Nokia cho phép trước bằng văn bản.

Nokia, Nokia Connecting People, Pop-Port và Xpress-on là các nhãn hiệu đã đăng ký của Nokia Corporation. Những sản phẩm hoặc tên công ty khác được đề cập ở đây có thể là các nhãn hiệu hoặc tên thương mại của từng doanh nghiệp.

Nokia tune là nhãn hiệu âm thanh của Nokia Corporation.

symbian

Sản phẩm này có các phần mềm được Symbian Software Ltd. © 1998-2005 cấp bản quyền. Symbian và Symbian OS là các nhãn hiệu của Symbian Ltd.



Java™ và các nhãn hiệu dựa trên nền Java là các nhãn hiệu hoặc nhãn hiệu đã đăng ký của Sun Microsystems, Inc.

Stac®, LZS®, ©1996, Stac, Inc., ©1994-1996 Microsoft Corporation. Bao gồm một hoặc nhiều Bằng sáng chế của Mỹ: Số 4701745, 5016009, 5126739, 5146221, và 5414425. Các sáng chế đang chờ cấp bằng khác. Hi/fn®, LZS®, ©1988-98, Hi/fn. Bao gồm một hoặc nhiều Bằng sáng chế của Mỹ: Số 4701745, 5016009, 5126739, 5146221, và 5414425. Các sáng chế đang chờ cấp bằng khác. Phần mềm trong sản phẩm này là © Copyright ANT Ltd. 1998. Bản quyền đã đăng ký bảo hộ. m-Router Connectivity Components © 2000-2002 Intuwave Limited. Bản quyền đã đăng ký bảo hộ. (www.intuwave.com).

Bằng sáng chế của Mỹ số 5818437 và các sáng chế đang chờ cấp bằng khác. Bản quyền phần mềm nhập văn bản T9 (C) 1997-2005. Tegic Communications, Inc. Bản quyền đã đăng ký bảo hộ.

Bluetooth là nhãn hiệu đã đăng ký của Bluetooth SIG, Inc.

Nokia tune là nhãn hiệu âm thanh của Nokia Corporation.

Nokia thực hiện chính sách phát triển không ngừng. Nokia có quyền thay đổi và cải tiến bất kỳ sản phẩm nào được nêu trong tài liệu này mà không cần thông báo trước.

Nokia sẽ không chịu trách nhiệm trong mọi trường hợp về việc mất dữ liệu hay thu thập hoặc những thiệt hại khác có tính chất đặc biệt, ngẫu nhiên, tất yếu, hay gián tiếp.

Nội dung của tài liệu này được cung cấp 'theo tình trạng hiện tại'. Ngoại trừ do yêu cầu của luật áp dụng liên quan, sẽ không có bất kỳ sự bảo đảm nào được thể hiện rõ ràng hay ngụ ý, bao gồm nhưng không giới hạn các bảo hành thương mại được bao hàm và sử dụng sản phẩm phù hợp với mục đích cụ thể, liên quan đến tính chính xác, độ tin cậy hoặc nội dung của tài liệu này. Nokia có quyền sửa đổi hoặc thu hồi tài liệu này tại bất kỳ thời điểm nào mà không cần thông báo trước.

Quản lý Xuất khẩu

Điện thoại này có chứa các thành phần, công nghệ hoặc phần mềm tuân thủ theo luật lệ và quy tắc xuất khẩu của Mỹ và các quốc gia khác. Những việc trái với luật pháp bị cấm.

Tính khả dụng của các sản phẩm riêng biệt có thể khác nhau tùy theo từng khu vực. Xin liên hệ với đại lý Nokia gần nhất.

Số phát hành lần 1

Mục lục

An toàn cho người

sử dụng..... vii

Thông tin tổng quát x

Mã truy cập..... x

Mã PIN x

Mã PIN2 x

Mã khóa x

Mã PUK và PUK2 x

1. Để bắt đầu sử dụng 1

Lắp thẻ SIM và thẻ MMC..... 1

Tháo thẻ Multimedia trong khi
điện thoại đang hoạt động..... 2

Sạc pin 3

Bật và tắt điện thoại..... 3

2. Điện thoại của bạn 5

Các phím và bộ phận 5

Các chỉ báo cần biết..... 6

Khóa bàn phím

(Bảo vệ phím) 7

Menu 7

Các thao tác chung cho

tất cả ứng dụng..... 8

Điều chỉnh âm lượng..... 9

Help 10

3. Các chức năng gọi điện 11

Thực hiện cuộc gọi thoại 11

Speed dialling

(Quay số nhanh) 11

Conference call (Cuộc gọi

hội nghị - dịch vụ mạng)..... 12

Trả lời hoặc từ chối

cuộc gọi 12

Call waiting (dịch vụ mạng) 13

Các tùy chọn trong khi gọi..... 13

Push To Talk (Bộ đàm)..... 13

Các cài đặt bộ đàm 14

Kết nối dịch vụ bộ đàm..... 15

Thực hiện cuộc gọi bộ đàm 15

Các yêu cầu gọi lại 16

Sử dụng các nhóm 17

Log-Nhật ký điện thoại

và nhật ký chung 19

Nhật ký cuộc gọi mới nhất 19

Call duration (Thời gian gọi) 20

Xem nhật ký chung 20

Bộ đếm dữ liệu GPRS 21

4. Viết văn bản 22

Sử dụng kiểu nhập

truyền thống..... 22

Sử dụng kiểu nhập

tiên đoán..... 22

Mẹo nhỏ khi viết văn bản..... 23

Copy văn bản 24

5. Thông tin Cá nhân 25

Contact (Danh bạ) 25

Quản lý số liên lạc 25

Thêm nhạc chuông 26

Quay số bằng khẩu lệnh 26

Gán các phím quay

số nhanh 27

Dịch vụ Presence	28	Movie director	49
Thay đổi thông tin		Setting (Cài đặt)	50
khả dụng của bạn	28	7. Messaging	51
Thay đổi người có thể xem		Viết và gửi tin nhắn	52
thông tin Hiện diện của bạn	29	Cài đặt đa phương tiện	54
Cập nhật thông tin Hiện diện ...	31	Cài đặt dành cho e-mail	54
Cấu hình Presence	32	Inbox (Hộp thư đến)	54
Positioning (Định vị)	32	Xem các đối tượng đa	
Calendar (Lịch)	33	phương tiện	55
Tạo các mục nhập lịch	33	Nhận tin nhắn thông minh	55
Xem lịch	34	Nhận tin nhắn dịch vụ	56
To do (Công việc)	34	My folders (Thư mục riêng)..	56
Nhập dữ liệu từ điện		Mailbox	57
thoại tương thích	35	Tải e-mail về từ hộp thư	57
6. Media (Phương tiện)	36	Xóa các tin nhắn e-mail	58
Gallery (Bộ sưu tập)	36	Outbox	59
Mở tập tin	36	Xem các tin nhắn	
Các thư mục mặc định khác	37	trong thẻ SIM	59
Downloading files	37	Cell broadcast	60
Uploading images to		Service command	60
an image server	38	Cài đặt nhắn tin	60
Camera	38	Text message	60
Chụp hình hoặc ghi một		Tin nhắn đa phương tiện	61
đoạn video clip	38	E-mail	62
Cài đặt camera	39	Service msg	64
Xem hình	40	Cell broadcast	64
Visual Radio	41	Cài đặt thư mục Other	64
Bật radio	42	Chat	65
Dò sóng và lưu kênh radio	43	Kết nối đến một server	
Sử dụng radio	43	trò chuyện	65
Sử dụng danh sách kênh	44	Hiệu chỉnh cài đặt trò chuyện ...	66
Xem Nội dung Trực quan	45	Tham gia và thoát khỏi	
Cài đặt Visual Radio	46	nhóm trò chuyện	66
Danh mục Kênh	46	Tìm người sử dụng và	
RealPlayer™	47	nhóm trò chuyện	67
Phát các tập tin media	48		
Thay đổi cài đặt	49		

Tán gẫu trong nhóm trò chuyện	67	Date and time	90
Bắt đầu và xem cuộc trò chuyện riêng	68	Security	90
Các liên lạc	69	Call barring (Chặn cuộc gọi)	93
Tạo nhóm trò chuyện mới	70	Mạng	93
Server Trò chuyện và Presence	71	Enhancement (Phụ kiện)	94
8. Tools.....	72	Go to (Menu nhanh)	94
Application.....	72	10. Extra (Mở rộng).....	96
Tải một ứng dụng	72	Note (Ghi chú)	96
Cài đặt ứng dụng.....	73	Calculator (Máy tính)	96
Vào một ứng dụng.....	75	Converter (Bộ chuyển đổi)... ..	96
Memory Status (Hiện trạng bộ nhớ Ứng Dụng).....	75	Chuyển đổi đơn vị	96
Xóa một ứng dụng.....	75	Cài đặt tiền tệ và tỉ giá hối đoái	97
File Manager		Recorder (Máy ghi âm).....	98
(Quản lý tập tin)	76	Clock (Đồng hồ).....	98
Nhận các tập tin qua Hồng ngoại.....	76	Thay đổi cài đặt đồng hồ.....	98
Dung lượng bộ nhớ đã dùng.....	77	Cài đặt âm báo	98
Voice command.....	77	Memory card (Thẻ nhớ)	99
Gán một lệnh thoại cho một ứng dụng	78	Định dạng thẻ nhớ.....	100
Kích hoạt một ứng dụng bằng lệnh thoại	79	Dự phòng và khôi phục thông tin.....	100
Phát lại, xóa hoặc đổi lệnh thoại	79	Khóa thẻ nhớ.....	100
Device manager	79	Kiểm tra dung lượng bộ nhớ đã dùng	100
9. Cài đặt riêng điện thoại	81	Wallet (Chi tiêu)	101
Profiles (Cấu hình).....	81	Nhập mã chi tiêu	101
Themes	82	Lưu chi tiết thẻ cá nhân	101
Settings	83	Tạo ghi chú cá nhân.....	102
Thay đổi cài đặt chung.....	83	Tạo cấu hình chi tiêu	102
Phone settings	84	Lấy thông tin từ chi tiêu trên trang trình duyệt	103
Call settings	85	Xem chi tiết vé.....	104
Connection settings	86	Cài đặt chi tiêu	104
		Cài đặt lại chi tiêu và mã chi tiêu	104

11. Các Dịch vụ và Ứng dụng.....	105	13. Giải quyết sự cố	121
Web (Trình duyệt di động) ..	105	Hỏi&Đáp	122
Các bước cơ bản để truy cập .	105	14. Thông tin về pin	125
Cài đặt dịch vụ duyệt web cho điện thoại	105	Sạc và Xả pin	125
Tạo kết nối	106	Phải An toàn. Sử dụng Sản phẩm chính hãng.	126
Bookmark (Chỉ mục)	106	15. Các phụ kiện chính hãng	128
Trình duyệt	107	Điện nguồn	128
Tải về	109	Bộ Sạc Chuẩn (ACP-7)	128
Ngưng kết nối	110	Bộ sạc du lịch (ACP-12)	129
Cài đặt trình duyệt	110	Âm thanh	129
Games (Trò chơi)	111	Bộ tai nghe (HDB-4)	129
12. Connectivity (Kết nối)	112	Từ mục	136
Bộ PC Suite	112		
Kết nối Bluetooth	112		
Cài đặt kết nối Bluetooth	113		
Gửi dữ liệu qua công nghệ Bluetooth	113		
Giao diện thiết bị ghép nối	115		
Nhận dữ liệu qua công nghệ vô tuyến Bluetooth	116		
Ngắt kết nối Bluetooth	116		
Kết nối Hồng ngoại	116		
Connection manager (Quản lý kết nối)	117		
Xem chi tiết kết nối	117		
Ngưng kết nối	118		
Kết nối điện thoại của bạn với máy tính tương thích	118		
Sử dụng điện thoại làm modem	118		
Synchronise (Đồng bộ)	119		
Tạo một cấu hình đồng bộ mới	119		
Đồng bộ dữ liệu	120		

An toàn cho người sử dụng

Dưới đây là những hướng dẫn đơn giản và dễ hiểu. Việc không tuân theo các quy tắc này có thể gây nguy hiểm hoặc bị xem là phạm pháp. Đọc sách hướng dẫn sử dụng đầy đủ để biết thêm thông tin.



BẬT MÁY AN TOÀN

Không nên bật điện thoại nếu bị cấm hoặc có thể gây nhiễu sóng hoặc nguy hiểm.



AN TOÀN GIAO THÔNG LÀ TRÊN HẾT

Nên tuân thủ các quy định của địa phương. Luôn giữ tay được rảnh để điều khiển xe. Điều quan tâm đầu tiên trong khi lái xe là an toàn giao thông.



NHIỄU SÓNG

Tất cả các điện thoại vô tuyến đều có thể gây nhiễu sóng làm ảnh hưởng đến hoạt động của máy.



TẮT ĐIỆN THOẠI KHI TRONG BỆNH VIỆN

Tuân theo bất kỳ hạn chế nào. Tắt điện thoại khi ở gần các thiết bị y tế.



TẮT ĐIỆN THOẠI KHI TRÊN MÁY BAY

Tuân theo bất kỳ hạn chế nào. Các thiết bị vô tuyến có thể gây nhiễu liên lạc trên máy bay.



TẮT ĐIỆN THOẠI KHI ĐANG TIẾP NHIÊN LIỆU

Không nên sử dụng điện thoại tại trạm tiếp nhiên liệu. Không nên sử dụng điện thoại gần nơi có nhiên liệu hoặc hóa chất.



TẮT ĐIỆN THOẠI KHI Ở GẦN NƠI CÓ PHÁT NỔ

Tuân theo bất kỳ hạn chế nào. Không nên sử dụng điện thoại nơi đang có phát nổ.



SỬ DỤNG ĐIỆN THOẠI ĐÚNG CÁCH

Chỉ sử dụng điện thoại ở vị trí thông thường như được hướng dẫn trong tài liệu hướng dẫn sử dụng điện thoại. Không nên chạm vào ăng-ten khi không cần thiết.



SỬ DỤNG DỊCH VỤ CÓ CHẤT LƯỢNG

Chỉ những nhân viên có đủ khả năng chuyên môn mới được lắp đặt hoặc sửa chữa điện thoại.



PHỤ KIỆN VÀ PIN

Chỉ sử dụng phụ kiện cải tiến và pin đã kiểm duyệt. Không kết nối điện thoại với những sản phẩm không tương thích.



CHỐNG VÔ NƯỚC

Điện thoại này không thể chống vô nước. Nên giữ điện thoại thật khô.



DỰ PHÒNG

Luôn nhớ lưu dự phòng hoặc giữ lại bản viết tay tất cả thông tin quan trọng được lưu trong điện thoại.



KẾT NỐI VỚI NHỮNG THIẾT BỊ KHÁC

Khi kết nối điện thoại với bất kỳ thiết bị nào, hãy đọc kỹ hướng dẫn sử dụng của thiết bị đó để biết những hướng dẫn chi tiết về an toàn. Không kết nối điện thoại với những sản phẩm không tương thích.



CÁC CUỘC GỌI KHẨN CẤP

Bảo đảm điện thoại đã được bật và đang trong trạng thái hoạt động. Bấm phím **kết thúc** nhiều lần để xóa màn hình hiển thị và trở về màn hình bắt đầu. Nhập số điện thoại khẩn cấp rồi bấm phím **gửi**. Cho biết nơi bạn đang ở. Không nên cúp điện thoại trừ khi được yêu cầu.

■ Giới thiệu điện thoại

Điện thoại vô tuyến mô tả trong sách hướng dẫn sử dụng này được phép sử dụng trên mạng gồm các băng tần EGSM 900, GSM 1800 và GSM 1900. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để biết thêm thông tin về mạng.

Khi sử dụng những tính năng của thiết bị này, hãy tuân thủ pháp luật và tôn trọng sự riêng tư và những quyền hợp pháp của người khác.



Cảnh báo: Bạn phải bật điện thoại để sử dụng các chức năng của nó, ngoại trừ chức năng báo thức. Không nên bật điện thoại nếu có thể gây nhiễu sóng hoặc nguy hiểm.

■ Các dịch vụ mạng

Để sử dụng điện thoại, bạn phải có dịch vụ do nhà cung cấp dịch vụ vô tuyến cung cấp. Nhiều chức năng trên điện thoại phụ thuộc vào các chức năng trên mạng vô tuyến để hoạt động. Các Dịch vụ Mạng này không có sẵn trên tất cả các mạng và bạn phải thỏa thuận với nhà cung cấp dịch vụ trước khi bạn có thể sử dụng các Dịch vụ Mạng. Nhà cung cấp dịch vụ sẽ cung cấp thêm cho bạn các thông tin hướng dẫn sử dụng và mức phí sẽ được áp dụng khi sử dụng các dịch vụ mạng này. Một số mạng có thể có các hạn chế ảnh hưởng đến cách sử dụng các Dịch vụ Mạng. Ví dụ một số mạng có thể không hỗ trợ tất cả ký tự và dịch vụ tùy thuộc ngôn ngữ.

Nhà cung cấp dịch vụ có thể yêu cầu bạn ngưng sử dụng hoặc tắt một số chức năng trong điện thoại của bạn. Nếu vậy, các chức năng này sẽ không hiển thị trên menu của điện thoại. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để biết thêm thông tin.

Điện thoại hỗ trợ giao thức WAP 2.0 (HTTP và SSL) chạy trên giao thức TCP/IP. Một số tính năng của điện thoại này yêu cầu mạng hỗ trợ các công nghệ này.

■ Bộ nhớ dùng chung

Các tính năng sau đây trên điện thoại sử dụng bộ nhớ dùng chung: danh bạ, tin nhắn văn bản và tin nhắn đa phương tiện, hình ảnh và kiểu chuông, máy quay video, RealOne Player™, lịch, ghi chú việc, visual radio và các ứng dụng được tải về. Việc sử dụng bất kỳ tính năng nào cũng có thể làm giảm bộ nhớ dành cho các tính năng dùng chung bộ nhớ. Ví dụ lưu nhiều hình ảnh sẽ chiếm hết bộ nhớ dùng chung. Điện thoại sẽ hiển thị thông báo bộ nhớ đầy khi bạn cố sử dụng một tính năng của bộ nhớ dùng chung. Trong trường hợp này, bạn hãy xóa một số mục hoặc thông tin đã lưu trong bộ nhớ dùng chung trước khi tiếp tục lưu. Một số tính năng có thể có dung lượng bộ nhớ nhất định dành riêng cho chúng để chia sẻ bộ nhớ với các tính năng khác.

■ Phụ kiện, pin và bộ sạc

Kiểm tra số hiệu của bộ sạc trước khi sử dụng với điện thoại này. Điện thoại này được thiết kế sử dụng điện do các bộ sạc ACP-7 và ACP-12 cung cấp.



Cảnh báo: Chỉ sử dụng pin, bộ sạc và phụ kiện cải tiến được Nokia phê chuẩn cho riêng kiểu điện thoại này. Việc sử dụng bất kỳ loại nào khác sẽ làm mất hiệu lực kiểm duyệt hoặc bảo hành và có thể gây nguy hiểm.

Liên hệ với đại lý của bạn để biết về các phụ kiện cải tiến chính hãng hiện có. Khi bạn rút dây dẫn của bất kỳ phụ kiện nào ra, cắm vào phích cắm, không nên kéo dây.

Điện thoại và các phụ kiện điện thoại có các linh kiện nhỏ. Giữ các phụ kiện ngoài tầm tay trẻ em.

Thông tin tổng quát

■ Mã truy cập

Mã PIN

Mã PIN (Số Nhận diện Cá nhân, 4 đến 8 chữ số) giúp bảo vệ thẻ SIM không bị sử dụng trái phép. Mã PIN thường được cấp cùng với thẻ SIM.

Sau khi bạn nhập sai mã PIN ba lần liên tiếp, mã PIN sẽ bị khóa lại. Nếu mã PIN bị khóa, bạn cần phải giải khóa mã PIN bằng mã PUK trước khi có thể dùng thẻ SIM trở lại.

Mã PIN2

Mã PIN2 (4 đến 8 chữ số), được cung cấp cùng với thẻ SIM, dùng để truy cập một số các chức năng.

Mã khóa

Mã khóa (5 chữ số) có thể được sử dụng để khóa máy và bàn phím để tránh việc sử dụng trái phép.

Mã được cài trước là 12345. Để tránh việc sử dụng điện thoại trái phép, hãy thay đổi mã khóa. Giữ kỹ mã mới ở nơi an toàn tách biệt với điện thoại.

Mã PUK và PUK2

Mã PUK (Mã số Mở Khóa Cá nhân, 8 chữ số) được yêu cầu khi đổi mã PIN bị khóa. Mã PUK2 được yêu cầu khi đổi mã PIN2 bị khóa. Nếu các mã này không được cấp cùng với thẻ SIM, liên hệ với nhà điều hành mạng của thẻ SIM mà bạn đang dùng để biết các mã này.

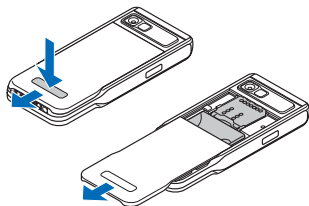
1. Để bắt đầu sử dụng



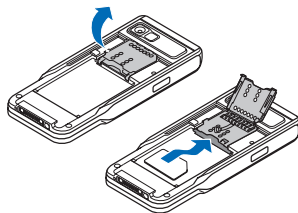
Lưu ý: Trước khi tháo vỏ điện thoại, luôn tắt điện thoại và ngắt kết nối với bộ sạc và các thiết bị khác. Tránh chạm vào các bộ phận điện tử trong khi thay đổi vỏ điện thoại. Luôn cất giữ và sử dụng điện thoại với vỏ gắn kèm.

■ Lắp thẻ SIM và thẻ MMC

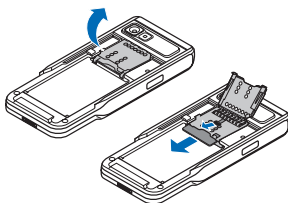
1. Để mở điện thoại, trượt vỏ điện thoại về phía phần dưới điện thoại.



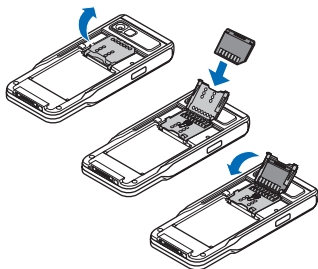
2. Mở ngăn chứa thẻ nhớ bằng cách kéo ra nhẹ nhàng. Lắp thẻ SIM vào khe dưới. Bảo đảm là góc vát của thẻ SIM được đặt nằm hướng về phần trên của điện thoại và mặt tiếp xúc mạ vàng được đặt úp xuống.



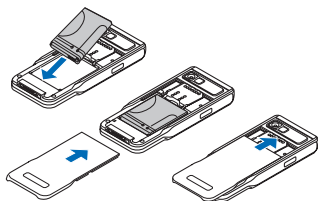
3. Để tháo thẻ SIM, mở ngăn chứa thẻ nhớ và sử dụng dụng cụ trượt để trượt thẻ SIM ra khỏi ngăn chứa.



4. Lắp thẻ MMC vào khe chứa. Bảo đảm góc vát và vùng tiếp xúc màu vàng của thẻ MMC úp xuống.



5. Đóng ngăn chứa thẻ nhớ bằng cách ấn xuống cho đến khi vào khớp vị trí.
6. Canh thẳng hàng các mặt tiếp xúc mạ vàng của pin với các đầu nối tương ứng trên điện thoại, đẩy đầu đối diện của pin cho đến khi vào khớp vị trí.



7. Đóng nắp điện thoại bằng cách trượt vỏ về phía đầu điện thoại.

Giữ mọi thẻ SIM cỡ nhỏ ngoài tầm với trẻ em. Liên hệ với nhà cung cấp thẻ SIM để biết tính khả dụng và thông tin về việc sử dụng các dịch vụ SIM. Đây có thể là nhà cung cấp dịch vụ, nhà điều hành mạng hoặc đại lý khác.

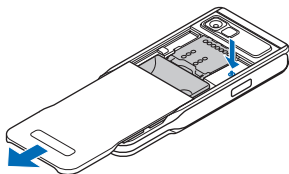
Chỉ sử dụng thẻ MMC tương thích với kiểu điện thoại này. Thẻ MMC tương thích với điện thoại của bạn là thẻ Reduced Size Dual Voltage MultiMediaCard. Các loại thẻ nhớ khác, như thẻ SD sẽ không vừa với khe thẻ MMC và cũng không tương thích với điện thoại này. Sử dụng thẻ nhớ không tương thích có thể làm hư thẻ cũng như thiết bị và dữ liệu lưu trong thẻ có thể bị mất.

■ Tháo thẻ Multimedia trong khi điện thoại đang hoạt động

Bạn có thể tháo hoặc thay thẻ Multimedia trong khi điện thoại đang hoạt động mà không cần tắt điện thoại.

Chú ý: Không tháo thẻ Multimedia khi điện thoại đang bật khác với cách được mô tả bên dưới. Việc mất dữ liệu có thể xảy ra.

1. Mở vỏ điện thoại.

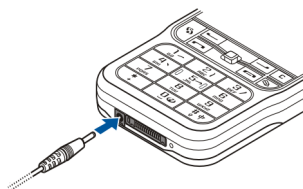


2. Chọn **Menu** → **Extras** → **Memory card**. và chọn **Options** → *Remove mem. card* hay nhấn công tắc bên phải ngăn giữ thẻ nhớ Multimedia.

Điện thoại sẽ hiển thị thông báo: *Removing memory card will close all open applications. Remove anyway?*

3. Bấm **Yes** và lật phía sau điện thoại.
4. Mở ngăn chứa thẻ Multimedia, tháo hoặc thay thẻ và đóng nắp ngăn chứa lại.
5. Lật mặt trước điện thoại và bấm **OK**.
6. Đóng vỏ điện thoại.

■ Sạc pin



1. Nối đầu sạc vào điện thoại.
2. Nối dây nguồn bộ sạc vào điện thoại.
3. Nối bộ sạc vào ổ cắm điện. Thanh chỉ báo pin bắt đầu di chuyển trên màn hình. Lưu ý bạn có thể sử dụng điện thoại trong khi đang sạc pin. Khi pin đã được sạc đầy, thanh chỉ báo sẽ ngưng di chuyển.

Ngắt bộ sạc ra khỏi ổ cắm điện và điện thoại trước. Xem phần "**Thông tin về pin**" ở trang 125.

■ Bật và tắt điện thoại

Để bật và tắt điện thoại, nhấn và giữ nút công tắc nguồn trên đầu điện thoại.

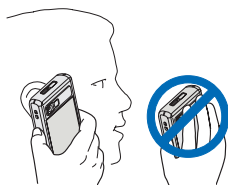


Cảnh báo: Không nên bật điện thoại nếu bị cấm hoặc có thể gây nhiễu sóng hoặc nguy hiểm.

Điện thoại có một ăng-ten bên trong.



Lưu ý: Cũng giống như bất kỳ thiết bị vô tuyến nào khác, không chạm vào ăng-ten khi đang bật điện thoại nếu không cần thiết. Sự tiếp xúc với ăng-ten sẽ ảnh hưởng đến chất lượng cuộc gọi và có thể làm hao pin hơn bình thường. Việc tránh tiếp xúc với ăng-ten khi đang gọi điện sẽ giúp tối ưu hóa hoạt động của ăng-ten và tuổi thọ của pin.



VỊ TRÍ THÔNG THƯỜNG: Cầm điện thoại như hình minh họa ở trên.

Nếu điện thoại yêu cầu mã PIN:

Mã PIN thường được cấp cùng với thẻ SIM.

- Nhập mã vào (được hiển thị dưới dạng *****) và bấm **phím chọn trái**.

Nếu điện thoại yêu cầu mã khóa:

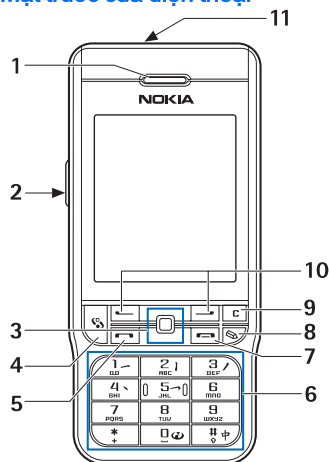
- Nhập mã khóa vào (được hiển thị dưới dạng *****) và bấm **phím chọn trái**.

Giá trị cài đặt gốc của mã khóa là 12345.

2. Điện thoại của bạn

■ Các phím và bộ phận

Mặt trước của điện thoại



1. Tai nghe

2. Phím bộ đàm (PTT)

Để kích hoạt chức năng Bộ đàm. Xem phần "[Push To Talk \(Bộ đàm\)](#)" ở trang 13.

3. Phím điều khiển

Cho phép di chuyển qua tên, số điện thoại, menu hoặc cài đặt. Phím điều khiển cũng có thể được sử dụng để di chuyển con trỏ lên xuống, sang trái và phải khi viết văn bản, sử dụng lịch và trong một số ứng dụng trò chơi.

Bấm nhanh phím điều khiển để chọn chức năng.

4. Phím menu dùng để mở Menu chính.

5. Phím đàm thoại dùng để quay số điện thoại và trả lời cuộc gọi. Ở chế độ chờ, bấm phím này để hiển thị tất cả các số điện thoại vừa gọi.

6. - dùng để nhập số và ký tự.

* và # được sử dụng cho nhiều mục đích đối với các chức năng khác nhau.

7. Phím kết thúc dùng để kết thúc cuộc gọi hiện thời. Dùng để thoát khỏi các chức năng.

8. Phím soạn thảo để mở danh sách các lệnh khi bạn đang chỉnh sửa văn bản, ví dụ như *Copy*, *Cut* và *Paste*.

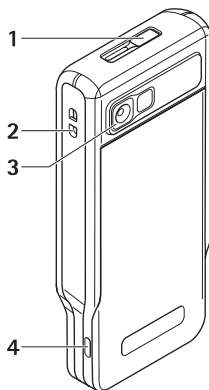
9. Phím xóa để xóa một nội dung hoặc đối tượng và thoát khỏi các chức năng khác nhau.

10. Các phím chọn Chức năng của các phím này tùy thuộc vào các ghi chú hướng dẫn hiển thị trên màn hình phía trên các phím. Để hiển thị menu chính, bấm .

11. Phím nguồn

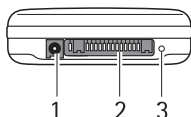
Bật và tắt điện thoại. Khi bàn phím bị khóa, bấm nhanh phím nguồn để bật đèn màn hình điện thoại sáng trong khoảng 15 giây.

Phía sau, phía trên và bên cạnh



1. Phím nguồn và Loa
2. Lỗ xâu dành cho dây đeo cổ tay
3. Ống kính máy ảnh
4. Cổng hồng ngoại (IR)

Các cổng kết nối



1. Đầu nối bộ sạc
2. Đầu nối Pop-Port™ dành cho tai nghe hoặc cáp dữ liệu.

3. Micro

■ Các chỉ báo cần biết

- Điện thoại đang được sử dụng trong mạng GSM.

- Bạn nhận được một hoặc nhiều tin nhắn trong thư mục Hộp thư đến trong menu Tin nhắn.

- Có các tin nhắn đang chờ để gửi trong Hộp thư đi. Xem phần "[Messaging](#)" ở trang 51.

và - Bạn có cuộc gọi bị nhỡ. Xem phần "[Nhật ký cuộc gọi mới nhất](#)" ở trang 19.

- Sẽ hiển thị nếu *Ringring type* được cài là *Silent* và *Message alert tone*, *Chat alert tone*, và *E-mail alert tone* được cài là *Off*. Xem phần "[Profiles \(Cấu hình\)](#)" ở trang 81.

- Bàn phím điện thoại bị khóa. Xem phần "[Khóa bàn phím \(Bảo vệ phím\)](#)" ở trang 7.

- Bạn có cài báo thức. Xem phần "[Clock \(Đồng hồ\)](#)" ở trang 98.

- Tất cả cuộc gọi đến điện thoại sẽ được chuyển hướng đến một số khác.

- Thẻ nhớ đang được đọc hoặc đang được ghi.

 - Một tai nghe được nối với điện thoại.

 - Một bộ trợ thính được nối với điện thoại.

 - Mất kết nối bộ tai nghe Bluetooth.

 - Cuộc gọi data được kích hoạt.

 - Kết nối dữ liệu gói (GPRS) hiện đang hoạt động.

 - Hiện thị khi kết nối dữ liệu gói đang ở trạng thái chờ. Các biểu tượng này sẽ được hiển thị thay cho chỉ báo cường độ tín hiệu (được hiển thị phía góc trên bên trái màn hình khi ở chế độ chờ). Xem phần "**GPRS**" ở trang 89.

 - Bluetooth được kích hoạt.

 - Một kết nối hồng ngoại đang được kích hoạt.

 - Dữ liệu đang được truyền qua Bluetooth. Xem phần "**Kết nối Bluetooth**" ở trang 112.

 - Kết nối USB được kích hoạt.

■ Khóa bàn phím (Bảo vệ phím)

Sử dụng chức năng khóa bàn phím để ngăn việc tình cờ bấm phím.

Để khóa: Ở chế độ chờ, bấm **phím chọn trái** và sau đó bấm phím *. Khi bàn phím bị khóa,

 sẽ hiển thị trên màn hình điện thoại.

Để mở khóa: Bấm **phím chọn trái** sau đó bấm phím *.

Khi bật chức năng khóa bàn phím, bạn chỉ có thể gọi đến các số điện thoại khẩn cấp được lập trình trong điện thoại.

■ Menu



Bấm  để hiển thị menu chính. Trong chức năng menu, bạn có thể truy cập tất cả các ứng dụng trong điện thoại.

 Các tùy chọn trong Menu: *Open, App. downloads, List view/Grid view, Move, Move to folder, New folder, Memory details, Help và Exit.*

List view hoặc Grid view

- Chọn **Options** → *List view* hoặc *Grid view* để thay đổi giữa kiểu hiển thị các ứng dụng ở dạng danh sách hoặc dạng lưới.

Di chuyển trong Menu

- Di chuyển phím điều khiển lên, xuống, sang trái và sang phải để di chuyển trong menu.

Mở các ứng dụng hoặc thư mục

- Di chuyển đến một ứng dụng hoặc một thư mục và bấm phím điều khiển để mở ra.

Đóng ứng dụng

- Bấm **Back** hoặc **Exit** nhiều lần nếu cần để trở về chế độ chờ hoặc chọn **Options** → *Exit*.

Hiển thị và chuyển đổi giữa các ứng dụng

- Bấm và giữ  để chuyển từ một ứng dụng đang mở sang một ứng dụng khác. Cửa sổ chuyển đổi ứng dụng sẽ mở ra hiển thị một danh sách các ứng dụng hiện đang mở. Di chuyển đến một ứng dụng và bấm phím điều khiển để vào ứng dụng đó.
- Việc mở nhiều ứng dụng sẽ làm hao pin và giảm thời gian hoạt động của pin. Thoát khỏi các ứng dụng không dùng đến.

■ Các thao tác chung cho tất cả ứng dụng

- **Xem các mục** - Di chuyển đến một mục và bấm phím điều khiển hoặc chọn **Options** → *Open*.
- **Chỉnh sửa mục** - Mở mục để xem và chọn **Options** → *Edit*. Dùng phím điều khiển để di chuyển qua tất cả các trường của mục.
- **Di chuyển, xóa mục** - Di chuyển đến mục và chọn **Options** → *Delete* hoặc

bấm phím **xóa**. Để xóa nhiều mục cùng một lúc, trước tiên bạn phải chọn các mục đó.

- **Đánh dấu một mục** - Có nhiều cách để chọn mục khi bạn đang ở trong một danh sách.
 - Để chọn một mục, di chuyển đến mục đó và chọn **Options** → *Mark/Unmark* → *Mark* hoặc bấm phím **chỉnh sửa** và di chuyển phím điều khiển cùng lúc. Dấu chọn sẽ được đặt kế bên mục được chọn.
 - Để chọn tất cả các mục trong danh sách, chọn **Options** → *Mark/Unmark* → *Mark all*.
 - Để chọn nhiều mục, bấm và giữ phím **chỉnh sửa**, sau đó di chuyển phím điều khiển lên hoặc xuống. Khi di chuyển để chọn, một dấu chọn sẽ được đặt bên cạnh các mục. Để kết thúc việc chọn, ngưng di chuyển phím điều khiển và thả phím **chỉnh sửa** ra.Khi bạn đã chọn tất cả các mục theo ý muốn, bạn có thể chuyển hoặc xóa các mục này bằng cách chọn **Options** → *Move to folder* hoặc *Delete*.

- **Bỏ đánh dấu một mục** - Di chuyển đến mục đó và chọn **Options** → *Mark/Unmark* → *Unmark* hoặc bấm phím **chỉnh sửa** và phím điều khiển cùng lúc.
- **Tạo thư mục** - Chọn **Options** → *New folder*. Bạn sẽ được yêu cầu đặt tên cho thư mục (tối đa 35 ký tự).
- **Chuyển các mục đến một thư mục** - Chọn **Options** → *Move to folder* (sẽ không hiển thị nếu hiện không có thư mục nào). Khi bạn chọn *Move to folder*, một danh sách các thư mục sẽ mở ra và bạn có thể nhìn thấy thư mục gốc của ứng dụng (để di chuyển một mục ra khỏi một thư mục). Chọn vị trí bạn muốn di chuyển mục này đến và bấm **OK**.
- **Gửi các mục** - Di chuyển đến mục và chọn **Options** → *Send*. Chọn cách gửi, các tùy chọn là *Via multimedia*, *Via bluetooth*, *Via e-mail*, *Via fax* và *Via infrared*.
 - Nếu bạn chọn gửi qua e-mail hoặc tin nhắn đa phương tiện, một trình soạn thảo sẽ mở ra. Bấm phím điều khiển để chọn (những) người nhận trong Danh bạ, hoặc nhập số

điện thoại hoặc địa chỉ e-mail của người nhận vào trường *To*. Thêm văn bản hoặc âm thanh và chọn **Options** → *Send*. Xem phần "**Viết và gửi tin nhắn**" ở trang 52.

- Qua Bluetooth. Xem phần "**Gửi dữ liệu qua công nghệ Bluetooth**" ở trang 113.

Việc bảo vệ bản quyền có thể sẽ không cho phép sao chép, chỉnh sửa hay chuyển tiếp một số hình ảnh, kiểu chuông hay nội dung khác.

■ Điều chỉnh âm lượng

Các biểu tượng âm lượng:

-  - dành cho tai nghe,
-  - dành cho loa.

Khi bạn đang có một cuộc gọi hoặc đang nghe nhạc, bấm phím điều khiển sang phải hoặc sang trái để tăng hoặc giảm mức âm lượng tương ứng.

Chức năng loa cho phép bạn nói và nghe điện thoại từ một khoảng cách ngắn mà không cần phải cầm điện thoại gần tai, ví dụ như khi bạn để điện thoại trên một cái bàn gần đó. Loa có thể được sử dụng trong một cuộc gọi, với các ứng dụng âm thanh và video, và khi xem các tin nhắn đa phương

tiện. Ứng dụng âm thanh và video sử dụng loa theo mặc định. Loa giúp cho việc sử dụng các ứng dụng khác dễ dàng hơn trong khi đang có cuộc gọi.

Để sử dụng loa khi cuộc gọi đã diễn ra, chọn

Options →

Activate

loudsp.. Một

âm báo sẽ phát ra,  sẽ hiển thị trên thanh di chuyển và chỉ báo âm lượng sẽ thay đổi.

Bạn không thể kích hoạt được chức năng loa trong khi đang có cuộc gọi khi bạn đã nổi tai nghe với điện thoại.



CẢNH BÁO! Không để điện thoại gần tai khi sử dụng loa vì âm lượng loa có thể rất lớn.

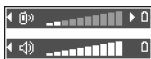
Để tắt loa khi bạn đang có cuộc gọi, chọn **Options** → *Activate handset*.

■ Help



↔ Chọn **Menu** → **Help**.

Help cung cấp thông tin sử dụng cho nhiều ứng dụng trên điện thoại. Di chuyển phím điều khiển sang trái hoặc sang phải để chuyển đổi giữa danh sách mục trợ giúp  hoặc danh sách các từ khóa  *abc*. Chọn một danh mục hoặc một từ khóa bằng cách di chuyển hoặc sử dụng trường nhập văn bản để vào mục hoặc từ khóa theo ý muốn. Bấm phím điều khiển để hiển thị văn bản trợ giúp liên quan.



* Hiển thị tùy thuộc vào chủ đề được chọn.

3. Các chức năng gọi điện

■ Thực hiện cuộc gọi thoại

1. Khi ở chế độ chờ, nhập số điện thoại, bao gồm cả mã vùng. Để xóa một số, bấm phím **xóa**. Để gọi điện quốc tế, bấm phím * hai lần cho ký tự + (thay thế mã truy cập quốc tế), và nhập mã quốc gia, mã vùng (bỏ số 0 đầu nếu cần) và số điện thoại.
2. Bấm phím **gọi** để gọi số điện thoại đó.
3. Bấm phím **kết thúc** để kết thúc cuộc gọi (hoặc hủy cuộc gọi). Bấm phím **kết thúc** sẽ luôn kết thúc cuộc gọi, cho dù đang có một ứng dụng khác đang được kích hoạt.

 **Mẹo:** Di chuyển phím điều khiển sang trái hoặc sang phải để tăng hoặc giảm âm lượng khi đang có cuộc gọi.

Thực hiện cuộc gọi trong Danh bạ - Bấm  và chọn **Contacts**. Di chuyển đến tên bạn muốn hoặc nhập các ký tự đầu tiên của tên đó vào trường Tìm. Các số liên lạc tương ứng sẽ được liệt kê. Bấm phím **gọi** để gọi điện.

Gọi hộp thư thoại (dịch vụ mạng)

- Để gọi số hộp thư thoại, bấm và giữ phím **1** khi ở chế độ chờ.



Mẹo: Để thay đổi số của hộp thư thoại, bấm  và chọn **Tools** → **Voice mailbox** và chọn **Options** → *Change number*. Nhập số vào (nhận được từ nhà cung cấp dịch vụ) và bấm **OK**.

Gọi lại số điện thoại vừa gọi -

Ở chế độ chờ, bấm phím **gọi** để truy cập danh sách 20 số điện thoại mà bạn đã gọi hoặc cố gọi nhưng không được. Di chuyển đến số điện thoại bạn muốn và bấm **gọi** để gọi số điện thoại đó.

Speed dialling (Quay số nhanh)

Để gán một số điện thoại cho một trong các phím quay số nhanh (**2 - 9**), bấm  và chọn **Tools** → **Speed dial**. Phím **1** được dành cho hộp thư thoại.

Để gọi điện: Khi ở chế độ chờ, bấm phím đã ấn định số quay nhanh, sau đó bấm phím **gọi** hoặc bấm và giữ phím có ấn định đó.

Conference call (Cuộc gọi hội nghị - dịch vụ mạng)

1. Gọi điện cho thành viên thứ nhất.
2. Để gọi điện cho thành viên khác, chọn **Options** → *New call*. Cuộc gọi đầu sẽ tự động chuyển sang trạng thái giữ.
3. Khi cuộc gọi mới được trả lời, nói thành viên thứ nhất vào cuộc gọi hội nghị. Chọn **Options** → *Conference*.
 - Để thêm người mới vào cuộc gọi, lặp lại bước 2 và chọn **Options** → *Conference* → *Add to conference*. Điện thoại hỗ trợ các cuộc gọi hội nghị với tối đa sáu thành viên tham gia, kể cả bạn.
 - Để trò chuyện riêng với một trong các thành viên, chọn **Options** → *Conference* → *Private*. Chọn một thành viên và bấm **Private**. Cuộc gọi hội nghị sẽ được chuyển sang trạng thái giữ. Những thành viên khác vẫn có thể tiếp tục cuộc gọi hội nghị. Khi bạn đã kết thúc cuộc gọi riêng, chọn **Options** → *Add to conference* để trở về cuộc gọi hội nghị.

- Để loại bớt một thành viên, chọn **Options** → *Conference* → *Drop participant*, di chuyển đến thành viên và bấm **Drop**.
4. Để kết thúc cuộc gọi hội nghị, bấm phím **kết thúc**.

■ Trả lời hoặc từ chối cuộc gọi

- Để trả lời cuộc gọi, bấm phím **gọi**.
- Để tắt âm chuông báo khi có cuộc gọi đến, bấm **Silence**.



Mẹo: Nếu tai nghe tương thích được nối với điện thoại, bấm phím tai nghe để trả lời và kết thúc cuộc gọi.

- Nếu bạn không muốn trả lời cuộc gọi, bấm phím **kết thúc** để từ chối cuộc gọi đó. Người gọi sẽ nghe âm báo bận máy. Nếu bạn đã kích hoạt chức năng **Call divert** → **If busy** để chuyển hướng cuộc gọi, việc từ chối cuộc gọi đến cũng sẽ chuyển hướng cuộc gọi đó.

Call waiting (dịch vụ mạng)

Bạn có thể trả lời cuộc gọi trong khi đang có một cuộc gọi khác nếu bạn đã kích hoạt chức năng Dịch vụ cuộc gọi chờ trong

Settings → **Call settings** → **Call waiting**.

- Để trả lời cuộc gọi chờ, bấm phím **gọi**. Cuộc gọi đầu sẽ ở trạng thái giữ.
- Để chuyển qua lại giữa hai cuộc gọi, bấm **Swap**. Chọn **Options** → **Transfer** để kết nối một cuộc gọi đến hoặc một cuộc gọi đang giữ với cuộc gọi hiện tại và tách bạn ra khỏi hai cuộc gọi này. Để kết thúc cuộc gọi hiện tại, bấm phím **kết thúc**. Để kết thúc cả hai cuộc gọi, chọn **Options** → **End all calls**.

Các tùy chọn trong khi gọi

Nhiều tùy chọn mà bạn có thể sử dụng trong khi gọi là các dịch vụ mạng. Chọn **Options** khi đang gọi cho một số tùy chọn sau đây:

Mute hoặc *Unmute*, *Answer*, *Reject*, *Swap*, *Hold* hoặc *Unhold*, *Activate handset*, *Activate loudsp.*, hoặc *Activate handsfree* (nếu một tai nghe Bluetooth tương thích được nối vào), *End*

active call hoặc *End all calls*, *New call*, *Conference*, và *Transfer*. Chọn:

- **Swap** - để chuyển đổi giữa cuộc gọi hiện thời và cuộc gọi đang giữ.
- **Transfer** - để kết nối một cuộc gọi đến hoặc một cuộc gọi đang giữ với cuộc gọi hiện tại và tách bạn ra khỏi hai cuộc gọi này.
- **Replace** - để kết thúc cuộc gọi hiện tại và trả lời cuộc gọi đang chờ.
- **Send DTMF** - để gửi các chuỗi âm DTMF, ví dụ mật mã. Nhập chuỗi DTMF hoặc tìm trong Danh bạ. Để nhập một ký tự chờ (**w**) hoặc ký tự ngưng (**p**), bấm * liên tục. Bấm **OK** để gửi âm.



Mẹo: Bạn có thể thêm các âm DTMF vào *Phone number* hoặc các trường *DTMF* vào thẻ liên lạc.

■ Push To Talk (Bộ đàm)

↩ Chọn **Menu** → **Push to talk**.

Chức năng Bộ đàm qua mạng di động là một dịch vụ vô tuyến hai chiều (dịch vụ mạng) có sẵn trên mạng di động GSM/GPRS. Chức năng Bộ đàm cung cấp

các cuộc điện đàm trực tiếp được kết nối bằng cách bấm phím **Bộ đàm**.

Bạn có thể sử dụng chức năng bộ đàm để đàm thoại với một người hoặc một nhóm người có thiết bị tương thích. Khi cuộc gọi của bạn được kết nối, người hoặc nhóm bạn đang gọi không cần trả lời điện thoại. Ngoài bộ đàm GPRS, nhật ký điện thoại chỉ lưu các cuộc gọi cá nhân trong danh sách cuộc gọi gần đây trong thư mục **Log**. Các thành viên tham gia nên xác nhận xem việc liên lạc có phù hợp hay không, vì không có cách nào khác để xác nhận việc người nhận đã nghe được cuộc gọi.

Để kiểm tra tính khả dụng và mức cước phí cũng như cách thức đăng ký thuê bao dịch vụ, xin liên hệ nhà điều hành mạng và nhà cung cấp dịch vụ. Lưu ý các dịch vụ chuyển vùng có thể bị giới hạn nhiều hơn so với cuộc gọi thông thường.

Trước khi bạn có thể sử dụng dịch vụ bộ đàm, bạn phải xác định rõ các cài đặt dịch vụ bộ đàm cần thiết.

Khi bạn đã kết nối với dịch vụ bộ đàm, bạn có thể sử dụng các chức năng khác của điện thoại. Dịch vụ bộ đàm không liên kết

với dịch vụ gọi điện thoại thông thường, và do đó nhiều dịch vụ hiện có liên quan đến dịch vụ điện thoại thường (ví dụ hộp thư thoại) sẽ không hỗ trợ cho dịch vụ bộ đàm.

Các cài đặt bộ đàm

↩ Chọn **Options** → *Settings*.

Đối với các cài đặt dịch vụ bộ đàm, liên hệ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ. Bạn có thể nhận các cài đặt này qua mạng.

- *Notification tone* - Âm báo có cuộc gọi bộ đàm đến.
- *Default nickname* - Biệt hiệu của bạn sẽ hiển thị trên máy người gọi.
- *Show my PTT address* - Chọn *No* nếu bạn muốn ẩn địa chỉ bộ đàm của bạn trên máy người nhận khi thực hiện các cuộc gọi nhóm và cá nhân.
- *Domain* - Tên miền mặc định.
- *Access point name* - Tên điểm truy cập dành cho dịch vụ bộ đàm.
- *Server address* - Địa chỉ server bộ đàm.
- *User name* - Tên thuê bao của bạn sẽ được sử dụng để nhập dịch vụ bộ đàm.

- *PTT password* - Mật mã của bạn sẽ được sử dụng để nhập dịch vụ bộ đàm.
- *Realm* - Tên miền được sử dụng để xác nhận người dùng nhóm.

Sau khi thay đổi cài đặt, khởi động lại ứng dụng bộ đàm.

Kết nối dịch vụ bộ đàm

➡ Chọn **Menu** → **Push to talk**. Tương ứng, bấm và giữ phím **Bộ đàm** trong một vài giây để kết nối với dịch vụ.

Ứng dụng bộ đàm sẽ cố kết nối tự động với dịch vụ bộ đàm. Nếu đăng nhập thành công, giao diện các phiên kết nối bộ đàm sẽ mở ra.

🔔 chỉ báo kết nối bộ đàm. Nếu bạn đã thêm (các) nhóm vào điện thoại, bạn sẽ được tự động tham gia vào các nhóm đang hoạt động, và tên của nhóm mặc định sẽ được hiển thị ở chế độ chờ.

🔕 chỉ báo dịch vụ tạm thời không hoạt động. Máy tự động thử kết nối lại với dịch vụ cho đến khi bạn ngắt kết nối khỏi dịch vụ bộ đàm. Nếu không đăng nhập được, bạn sẽ nhận được một thông báo lỗi *Unable to switch Push to talk on*. Chọn **Options** → *Switch PTT on* để thử đăng nhập lại một lần nữa, *Settings*

để mở giao diện cài đặt, hoặc *Exit* để đóng ghi chú lỗi.

Để ngắt kết nối dịch vụ bộ đàm, chọn **Options** → *Deactivate*.

▴ Các tùy chọn trong giao diện các phiên kết nối:
Deactivate loudsp./
Activate loudsp., Active members, PTT contacts, PTT log, Settings, Help, Deactivate, và *Exit*.

Thực hiện cuộc gọi bộ đàm

Chọn **Options** → *Deactivate loudsp./Activate loudsp.* để sử dụng loa hoặc tai nghe khi sử dụng dịch vụ liên lạc bộ đàm. Khi chọn tai nghe, bạn có thể sử dụng điện thoại ở vị trí bình thường bên tai bạn.



Cảnh báo: Không để điện thoại gần tai khi sử dụng loa vì âm lượng loa có thể rất lớn.

Để thực hiện cuộc gọi bộ đàm

1. Chọn **Options** → *PTT contacts* và tìm người hoặc nhóm liên lạc.
Để mở giao diện *Push to talk groups*, bấm phím điều khiển về phía bên phải.
2. Bấm phím **Bộ đàm** hoặc phím **gọi**. Thao tác này sẽ khởi động cuộc gọi bộ đàm.

HOẶC

Chọn **Options** → *Send callback req.*. Thao tác này sẽ gửi yêu cầu gọi lại cho nhóm hoặc số liên lạc bộ đàm được chọn.

Một âm báo phát ra cho biết bạn được phép truy cập, và điện thoại sẽ hiển thị biệt hiệu và tên nhóm của bạn.

- Để yêu cầu một lượt nói chuyện, nhấn phím **Bộ đàm**. Điện thoại sẽ gửi yêu cầu của bạn. Chờ đến khi máy của bạn nhận được tín hiệu lượt nói chuyện. Khi điện thoại hiển thị *Talk*, bạn có 30 giây để nói ở lượt nói chuyện của bạn.

Bấm và giữ phím **Bộ đàm** suốt thời gian bạn đang nói, và giữ máy ở phía trước bạn để bạn có thể nhìn thấy màn hình. Khi bạn nói xong, thả phím ra. Cuộc đàm thoại được thực hiện theo nguyên tắc đến trước - được trước. Khi có người nào đó ngừng nói chuyện, người đầu tiên bấm phím **Bộ đàm** có thể nói chuyện kế tiếp.

- Để chuyển giữa các phiên hoạt động, chọn **Swap**.
- Để kết thúc phiên hoạt động, chọn **Deactiv.**

Nếu bạn có các phiên hoạt động khác, điện thoại sẽ chuyển đến phiên tiếp theo.

Nếu không có, điện thoại sẽ hiển thị một thông báo không có phiên hoạt động.

- Để thoát khỏi ứng dụng bộ đàm, chọn **Options** → *Exit*.

Nhận cuộc gọi bộ đàm

Một âm báo ngắn sẽ thông báo cho bạn biết có một cuộc gọi nhóm hoặc cuộc gọi cá nhân. Bấm **Accept** để nhận cuộc gọi hoặc **Silence** để từ chối cuộc gọi.

Khi nhận một cuộc gọi nhóm, tên nhóm và biệt hiệu của người gọi sẽ được hiển thị. Khi nhận cuộc gọi cá nhân từ một người mà thông tin của người đó đã được bạn lưu vào *Contacts*, tên đã lưu sẽ hiển thị; nếu không, chỉ biệt hiệu của người gọi được hiển thị.

Các yêu cầu gọi lại

↩ Chọn **Options** → *PTT contacts* hoặc *PTT log*.

Gửi yêu cầu gọi lại

Nếu bạn thực hiện một cuộc gọi cá nhân và không nhận được hồi âm, bạn có thể gửi yêu cầu để người đó gọi lại cho bạn. Bạn có thể gửi yêu cầu gọi lại theo nhiều cách khác nhau:

- Để gửi một yêu cầu gọi lại từ danh sách số liên lạc trong menu **Push to talk**, chọn **Options** → *PTT contacts*. Di chuyển đến một số liên lạc và chọn **Options** → *Send callback req..*
- Để gửi yêu cầu gọi lại đến một số liên lạc trong **Contacts**, bấm phím điều khiển xuống khi ở chế độ chờ, và di chuyển đến số liên lạc bạn cần. Bấm **Details**, di chuyển đến địa chỉ bộ đàm và chọn **Options** → *Send callback req..*
- Để gửi yêu cầu gọi lại cho một nhóm trong danh sách nhóm ở menu **Push to talk**, chọn **Options** → *PTT contacts* và di chuyển phím điều khiển về phía bên phải. Di chuyển đến nhóm bạn cần và chọn **Options** → *Send callback req..*
- Để gửi yêu cầu gọi từ danh sách yêu cầu gọi lại trong menu **Push to talk**, chọn **Options** → *PTT log*. Chọn *Received callback reqs.* và chọn **Options** → *Open*. Di chuyển đến một số liên lạc và chọn **Options** → *Send callback req..*

Lưu người gửi yêu cầu gọi lại

Khi bạn nhận được yêu cầu gọi lại từ một người không ở trong danh sách số liên lạc của bạn, bạn có thể lưu tên người này vào danh bạ của bạn.

1. Để mở yêu cầu, chọn **Options** → *PTT log* → *Received callback reqs..*
2. Di chuyển đến một số liên lạc và chọn **Options** → *Add to Contacts*.

Sử dụng các nhóm

↩ Chọn **Options** → *PTT contacts*.

Khi bạn gọi một nhóm, tất cả thành viên đã tham gia vào nhóm sẽ nghe cuộc gọi cùng lúc.

Mỗi thành viên trong các nhóm được nhận dạng theo tên thuê bao do nhà cung cấp dịch vụ cung cấp. Các thành viên nhóm có thể chọn một biệt hiệu được sử dụng trong từng nhóm, được hiển thị như một mã ID của người gọi.

Các nhóm được đăng ký bằng một địa chỉ URL. Một người dùng đăng ký địa chỉ URL nhóm trong mạng bằng cách tham gia phiên đàm thoại nhóm đầu tiên.

Thêm nhóm

1. Chọn **Options** → *PTT contacts* và di chuyển phím điều khiển về phía bên phải. Thao tác này sẽ mở giao diện *Push to talk groups*.
2. Chọn **Options** → *Add group* → *Create new*.
3. Nhập *Group name*, và bấm **OK**.
4. Chọn tùy chọn *Group privacy*.
5. Nhập biệt hiệu của bạn vào *Nickname in group*.
6. Để thêm hình ảnh dạng thu nhỏ vào nhóm, chọn **Options** → *Add thumbnail*.
7. Bấm **Done**. Để thêm thành viên và để gửi lời mời đến nhóm, bấm **Yes** khi điện thoại yêu cầu *Send group invitation to all members now?*. Thao tác này sẽ mở một giao diện nơi bạn có thể chọn các thành viên cho nhóm.
Các thành viên bạn mời vào các nhóm mới cũng có thể mời thêm thành viên vào nhóm.

Tham gia vào nhóm hiện hữu

Để biết thêm thông tin chi tiết về nhóm, xin liên hệ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ. Bạn có thể nhận các chi tiết này qua mạng.

1. Bấm **Menu** → **Push to talk** → **PTT contacts** và di chuyển phím điều khiển về phía bên phải. Thao tác này sẽ mở giao diện *Push to talk groups*.
2. Chọn **Options** → *Add group* → *Join existing*.
3. Vào menu *Group address*, *Group name*, và *Nickname in group*. Bạn cũng có thể thêm *Group thumbnail*.
4. Bấm *Done*.

Nhận lời mời

Khi bạn nhận được lời mời nhóm dưới dạng tin nhắn văn bản, bạn sẽ nhận được các thông tin sau:

- *From* - Xem thông tin liên lạc của người gửi lời mời.
- *Nickname* - Xem biệt hiệu của người gửi lời mời.
- *Group name* - Xem tên nhóm nếu nhóm không phải là nhóm bảo mật.
- *Group address* - Xem địa chỉ nhóm nếu nhóm không phải là nhóm bảo mật.

Chọn **Options** → *Save group* để thêm nhóm vào điện thoại. Sau khi nhóm được lưu lại, điện thoại sẽ hỏi xem bạn có muốn kết nối với nhóm đã lưu hay không.

Để từ chối lời mời, bấm **Back** và **Yes**.

■ Log-Nhật ký điện thoại và nhật ký chung



↩ Chọn **Menu** → **Log**.

Trong Nhật ký, bạn có thể Theo dõi thông tin về các cuộc gọi, tin nhắn văn bản, các kết nối truyền dữ liệu và fax và cuộc gọi dữ liệu do điện thoại ghi lại. Bạn có thể lọc nhật ký để chỉ xem một loại sự kiện và tạo các thẻ liên lạc mới dựa trên thông tin được lưu lại.

Các kết nối từ xa vào hộp thư, trung tâm nhắn tin đa phương tiện, hoặc các trang trình duyệt sẽ được hiển thị dưới dạng cuộc gọi data hoặc kết nối truyền dữ liệu trong nhật ký chung.

Nhật ký cuộc gọi mới nhất

↩ Chọn **Menu** → **Log** → **Recent calls**.

Điện thoại ghi lại số điện thoại của các cuộc gọi bị nhỡ, cuộc gọi vừa nhận và các số đã gọi, thời lượng của các cuộc gọi. Điện thoại chỉ ghi lại các cuộc gọi bị nhỡ và các cuộc gọi vừa nhận nếu mạng hỗ trợ các chức năng này, khi điện thoại được bật và đang trong vùng phủ sóng.

▴ Các tùy chọn trong giao diện Cuộc gọi bị nhỡ, Cuộc gọi vừa nhận và Các cuộc đã gọi: *Call, Create message, Use number, Delete, Clear list, Add to Contacts, Help*, và *Exit*.

Cuộc gọi bị nhỡ và cuộc gọi vừa nhận

Để xem danh sách 20 số điện thoại sau cùng của những người đã cố gọi cho bạn nhưng không được (dịch vụ mạng), vào **Log** → *Recent calls* → *Missed calls*.

Để xem danh sách 20 số điện thoại hoặc tên sau cùng mà bạn vừa nhận (dịch vụ mạng), vào **Log** → *Recent calls* → *Received calls*.

Các số vừa gọi

Để xem danh sách 20 số điện thoại mà bạn vừa gọi hoặc cố gọi, vào **Log** → *Recent calls* → *Dialled nos..*

Xóa danh sách cuộc gọi gần đây

- Để xóa tất cả danh sách cuộc gọi mới nhất, chọn **Options** → *Clear recent calls* trong giao diện Các cuộc gọi mới nhất.
- Để xóa một trong các nhật ký cuộc gọi, mở nhật ký bạn muốn xóa và chọn **Options** → *Clear list*.
- Để xóa một sự kiện, mở một nhật ký, di chuyển đến sự kiện đó và bấm **xóa**.

Call duration (Thời gian gọi)

➡ Chọn **Menu** → **Log** → **Call duration**.

Cho phép bạn xem thời gian của các cuộc gọi đến và các cuộc gọi đi.



Lưu ý: Thời gian thực sự mà nhà cung cấp dịch vụ tính cước cho các cuộc gọi có thể khác nhau, tùy thuộc các tính năng mạng, hoàn tất việc thanh toán, v.v...

Xóa bộ báo giờ cuộc gọi - Chọn **Options** → *Clear timers*. Để thực hiện được, bạn cần phải có mã khóa. Xem phần "**Security**" ở trang 90.

Xem nhật ký chung

➡ Chọn **Menu** → **Log** và di chuyển phím điều khiển về phía bên phải.

Trong nhật ký chung, đối với từng sự kiện liên lạc, bạn có thể nhìn thấy tên người gửi hoặc tên người nhận, số điện thoại, tên của nhà cung cấp dịch vụ hoặc điểm truy cập.

Các sự kiện phụ, ví dụ như tin nhắn văn bản đã được gửi thành nhiều phần và nhiều phiên kết nối dữ liệu, sẽ được ghi lại dưới dạng sự kiện liên lạc.

Lọc nhật ký

1. Chọn **Options** → *Filter*. Một danh sách bộ lọc sẽ mở ra.
2. Di chuyển đến một bộ lọc và bấm **Select**.

Xóa nội dung nhật ký

- Để xóa tất cả các nội dung nhật ký, Nhật ký cuộc gọi mới nhất và Báo cáo gửi tin nhắn cố định, chọn **Options** → *Clear log*. Xác nhận bằng cách bấm **Yes**.

Bộ đếm dữ liệu gói và thời gian kết nối

- Để xem bao nhiêu dữ liệu, được đo bằng KB, đã được chuyển và thời gian kết nối GPRS, di chuyển đến một sự kiện Đến và Đi với biểu tượng điểm truy cập  và chọn **Options** → *View details*.

Cài đặt nhật ký

- Chọn **Options** → *Settings*. Danh sách các cài đặt sẽ mở ra.
 - Log duration* - Các sự kiện sẽ được lưu giữ trong bộ nhớ điện thoại trong một số ngày nhất định, sau đó chúng sẽ bị xóa để làm trống bộ nhớ.

- Nếu bạn chọn *No log*, tất cả các nội dung nhật ký, Nhật ký cuộc gọi mới nhất và Báo cáo gửi tin nhắn sẽ bị xóa.
- Show call duration*. Xem phần "*Call duration (Thời gian gọi)*" ở trang 20.

Bộ đếm dữ liệu GPRS

↔ Chọn **Menu** → **Log** → **GPRS counter**.

Bộ đếm dữ liệu GPRS cho phép bạn kiểm tra dung lượng dữ liệu đã gửi và nhận trong quá trình kết nối dữ liệu (GPRS).

4. Viết văn bản

Bạn có thể sử dụng kiểu nhập truyền thống hoặc kiểu nhập tiên đoán để nhập văn bản, ví dụ như khi viết tin nhắn.

■ Sử dụng kiểu nhập truyền thống

Chỉ báo  sẽ hiển thị ở phía trên bên phải màn hình khi bạn đang viết văn bản sử dụng kiểu nhập văn bản tiên đoán.

- Bấm một phím số (1 - 9), cho đến khi ký tự bạn cần sử dụng hiển thị. Lưu ý sẽ có nhiều ký tự hơn hiện ra so với số ký tự đã được in trên phím số.
- Để thêm số, bấm và giữ phím số. Để chuyển giữa chế độ chữ và số, bấm và giữ phím #.
- Nếu chữ kế tiếp nằm cùng phím với chữ hiện tại, hãy đợi đến khi con trỏ hiển thị (hoặc di chuyển phím điều khiển sang phải để kết thúc khoảng thời gian nghỉ rồi nhập chữ đó vào).
- Để thêm khoảng trắng, bấm phím 0. Để di chuyển con trỏ đến dòng kế tiếp, bấm phím 0 ba lần.
- Để chuyển giữa kiểu chữ hoa và chữ thường, bấm phím #.

■ Sử dụng kiểu nhập tiên đoán

Bạn có thể nhập ký tự bất kỳ chỉ với một lần bấm phím bằng cách sử dụng kiểu nhập văn bản tiên đoán. Để kích hoạt kiểu nhập văn bản tiên đoán, bấm phím **chỉnh sửa** và chọn *Dictionary on*. Thao tác này sẽ kích hoạt kiểu nhập văn bản tiên đoán cho tất cả các trình soạn thảo trên điện thoại. Chỉ báo  sẽ hiển thị ở phía trên màn hình.

1. Nhập từ mà bạn muốn bằng cách bấm các phím từ 2 - 9. Chỉ bấm mỗi phím một lần để nhập một chữ cái. Từ sẽ thay đổi sau mỗi lần bấm phím.
2. Khi bạn đã viết xong một từ, kiểm tra xem từ đó có đúng không.
 - Nếu từ đó đúng, bạn có thể xác nhận bằng cách di chuyển phím điều khiển về phía bên phải hoặc bằng cách bấm phím 0 để chèn một khoảng trắng. Đường gạch dưới sẽ biến mất và bạn có thể bắt đầu viết từ mới.

- Nếu từ đó không đúng, bạn có các tùy chọn sau:
 - Bấm phím * liên tục để xem các từ thích hợp mà từ điển đã tìm thấy.
 - Bấm phím **chỉnh sửa** và chọn *Dictionary* → *Matches* để xem danh sách các từ tương ứng. Di chuyển đến từ bạn muốn sử dụng và bấm phím điều khiển để chọn từ đó.
- Nếu ký tự ? hiển thị sau từ đó, từ bạn định viết không có trong từ điển. Để thêm một từ vào từ điển, bấm **Spell**, nhập từ vào (tối đa 32 ký tự) sử dụng kiểu nhập văn bản truyền thống và bấm **OK**. Từ này sẽ được thêm vào từ điển. Khi từ điển đầy, một từ mới sẽ thay cho từ được thêm vào cũ nhất.
- Để xóa ký tự ? và xóa từng ký tự của một từ, bấm phím **xóa**.

■ Mẹo nhỏ khi viết văn bản

- Để thay đổi giữa các kiểu ký tự khác nhau **Abc**, **abc**, và **ABC**, bấm phím **#**. Lưu ý nếu bạn bấm nhanh phím **#** hai lần, kiểu nhập văn bản tiên đoán sẽ được tắt.
- Để chèn số khi ở chế độ nhập kiểu chữ, bấm và giữ phím số bạn cần hoặc bấm phím **chỉnh sửa** và chọn kiểu số, nhập các số bạn muốn và bấm **OK**.

- Các dấu chấm câu phổ biến nhất hiện có bên trong phím **1**. Bấm phím **1** liên tục cho đến khi chọn được dấu bạn cần.

Bấm phím * để mở danh sách các ký tự đặc biệt. Sử dụng phím điều khiển để di chuyển qua danh sách và bấm **Select** để chọn một ký tự, hoặc bấm phím **chỉnh sửa** và chọn *Insert symbol*.

Kiểu nhập văn bản tiên đoán sẽ thử đoán dấu câu thường được sử dụng (.,?!") nếu cần. Thứ tự và tính khả dụng của các dấu câu tùy thuộc vào ngôn ngữ trong từ điển.

Khi một từ được nhập vào bằng kiểu nhập văn bản tiên đoán, bạn có thể bấm phím **chỉnh sửa**, chọn *Dictionary* và chọn:

- *Matches* - Để xem danh sách các từ tương thích với các phím bấm. Di chuyển đến từ bạn cần và bấm phím điều khiển.
- *Insert word* - Để thêm một từ (tối đa 32 chữ) vào từ điển bằng cách sử dụng kiểu nhập tiên đoán. Khi từ điển đầy, một từ mới sẽ thay cho từ được thêm vào cũ nhất.
- *Edit word* - Để mở giao diện nơi bạn có thể chỉnh sửa từ, chỉ có nếu từ đó được kích hoạt (được gạch dưới).
- *Off* - Để tắt kiểu nhập văn bản tiên đoán cho tất cả các trường chỉnh sửa trong điện thoại.

Viết từ ghép

- Nhập nửa phần đầu của từ đó và xác nhận bằng cách di chuyển phím điều khiển sang phải. Nhập phần còn lại và kết thúc từ ghép bằng cách bấm phím **0** để thêm một khoảng trắng.

■ Copy văn bản

Để copy văn bản vào, bạn có các phương pháp sau:

1. Để chọn các chữ và từ, bấm và giữ phím **chỉnh sửa**. Cùng lúc, di chuyển phím điều khiển sang trái hoặc sang phải. Khi vùng chọn di chuyển, văn bản sẽ được tô sáng.

Để chọn các dòng chữ, bấm và giữ phím **chỉnh sửa**. Cùng lúc, di chuyển phím điều khiển lên hoặc xuống.

2. Để kết thúc việc chọn, thả phím điều khiển ra khi đang giữ phím **chỉnh sửa**.
3. Để copy văn bản khi đang giữ phím **chỉnh sửa**, bấm **Copy**.

Hoặc, thả phím **chỉnh sửa** ra, sau đó bấm phím một lần để mở danh sách các lệnh chỉnh sửa, ví dụ *Copy* hoặc *Cut*.

Nếu bạn muốn xóa văn bản được chọn khỏi tài liệu, bấm phím **xóa**.

4. Để chèn văn bản vào tài liệu, bấm và giữ phím **chỉnh sửa** và bấm **Paste**.

Hoặc bấm phím **chỉnh sửa** một lần và chọn *Paste*.

5. Thông tin Cá nhân

■ Contact (Danh bạ)



➡ Chọn **Menu** → **Contacts**.

Trong Danh bạ, bạn có thể lưu và quản lý thông tin liên lạc, ví dụ như tên, số điện thoại và địa chỉ.

Bạn cũng có thể thêm vào kiểu chuông riêng, khẩu lệnh hoặc một hình ảnh dạng thu nhỏ vào thẻ liên lạc. Bạn có thể tạo các nhóm liên lạc cho phép bạn gửi tin nhắn văn bản hoặc e-mail đến nhiều người nhận cùng một lúc.

Bạn chỉ có thể gửi hoặc nhận thông tin liên lạc từ các thiết bị tương thích.

▀ Các tùy chọn trong Danh bạ: *Open, Call, Create message, New contact, Open conversation, Edit, Delete, Duplicate, Mark/Unmark, Copy to SIM direct., Send, Contacts info, SIM directory, Help, và Exit.*

Quản lý số liên lạc

▀ Các tùy chọn khi chỉnh sửa số liên lạc: *Add thumbnail, Remove thumbnail, Add detail,*

Delete detail, Edit label, Help, và Exit.

1. Bấm phím điều khiển khi ở chế độ chờ hoặc vào **Menu** → **Contacts**.
 2. Chọn **Options** → *New contact.*
 3. Điền vào các trường theo ý bạn và bấm **Done**.
- Để chỉnh sửa một số liên lạc mở số đó và chọn **Options** → *Edit.*
 - Để xóa một số liên lạc, mở số đó ra và chọn **Options** → *Delete.*
 - Để đính kèm hình ảnh thu nhỏ vào một số liên lạc, mở thẻ liên lạc, chọn **Options** → *Edit*, sau đó chọn **Options** → *Add thumbnail.*
 - Để gán các số điện thoại và địa chỉ mặc định vào số liên lạc, mở thẻ liên lạc và chọn **Options** → *Defaults*. Một cửa sổ pop-up sẽ mở ra, liệt kê tất cả các tùy chọn khác nhau.

- Để copy tên và số điện thoại từ thẻ SIM sang điện thoại, chọn **Options** → *SIM directory*, di chuyển đến (những) tên bạn muốn copy và chọn **Options** → *Copy to Contacts*.
- Để copy số điện thoại, fax, hoặc số máy nhắn tin từ Danh bạ sang thẻ SIM, di chuyển đến thẻ liên lạc bạn muốn copy và chọn **Options** → *Copy to SIM direct*.

Thêm nhạc chuông

Bạn có thể cài một kiểu chuông cho từng thẻ liên lạc và nhóm. Khi số liên lạc hoặc thành viên của nhóm đó gọi cho bạn, điện thoại sẽ phát kiểu chuông được chọn (nếu số điện thoại của người gọi được gửi cùng với cuộc gọi và điện thoại của bạn nhận ra số này).

1. Bấm phím điều khiển để mở một thẻ liên lạc hoặc vào danh sách Nhóm và chọn một nhóm liên lạc.
2. Chọn **Options** → *Ringtone*. Danh sách các kiểu chuông sẽ mở ra.
3. Sử dụng phím điều khiển để chọn kiểu chuông bạn muốn sử dụng cho số liên lạc hoặc nhóm và bấm **Select**.

- Để xóa kiểu chuông, chọn *Default tone* trong danh sách kiểu chuông.

Quay số bằng khẩu lệnh

↩ Chọn **Menu** → **Contacts**.

Bạn có thể gọi điện bằng cách đọc khẩu lệnh đã được gán cho một thẻ liên lạc. Bất kỳ từ nào được nói ra đều có thể là khẩu lệnh.

Trước khi sử dụng chức năng khẩu lệnh, nên lưu ý:

- Khẩu lệnh không tùy thuộc vào ngôn ngữ mà tùy thuộc vào giọng người nói.
- Bạn phải đọc tên chính xác như khi ghi âm khẩu lệnh.
- Khẩu lệnh rất nhạy với tiếng ồn xung quanh. Ghi âm khẩu lệnh và sử dụng chúng trong môi trường yên tĩnh.
- Không chấp nhận các tên quá ngắn. Sử dụng các tên dài và tránh các tên tương tự cho các số điện thoại khác nhau.



Lưu ý: Việc sử dụng khẩu lệnh có thể gặp khó khăn trong một môi trường ồn ào hoặc trong trường hợp khẩn cấp, vì thế bạn không nên chỉ dựa vào chức năng quay số bằng khẩu lệnh trong mọi trường hợp.

Gán một khẩu lệnh cho một số điện thoại

Các khẩu lệnh chỉ có thể được gán cho các số điện thoại được lưu trong bộ nhớ máy. Xem phần "Quản lý số liên lạc" ở trang 25.

1. Trong giao diện **Contacts**, di chuyển đến số liên lạc bạn muốn thêm khẩu lệnh và bấm phím điều khiển để mở thẻ liên lạc.
2. Di chuyển đến số bạn muốn thêm khẩu lệnh và chọn **Options** → *Add voice tag*.
3. Bấm **Start** để ghi âm khẩu lệnh. Sau khi nghe âm phát ra, đọc rõ từ bạn muốn ghi âm làm khẩu lệnh.
4. Sau khi ghi âm, điện thoại sẽ phát khẩu lệnh đã ghi và thông báo *Playing voice tag* sẽ hiển thị.
5. Khi đã lưu xong khẩu lệnh, thông báo *Voice tag saved* sẽ hiển thị và một tiếng bíp sẽ phát ra. Bạn sẽ nhìn thấy một biểu tượng  kế bên số điện thoại trong thẻ liên lạc.

Gọi điện bằng khẩu lệnh

1. Ở chế độ chờ, bấm và giữ **phím chọn phải**. Một âm ngắn sẽ phát ra và thông báo *Speak now* sẽ hiển thị.

2. Để gọi điện bằng khẩu lệnh, giữ điện thoại ở khoảng cách gần so với miệng và mặt và phát âm khẩu lệnh thật rõ ràng.
3. Điện thoại sẽ phát lại khẩu lệnh gốc, hiển thị tên và số điện thoại và sau một vài giây sẽ quay số điện thoại tương ứng với khẩu lệnh được nhận dạng.
 - Nếu điện thoại phát sai khẩu lệnh hoặc bạn muốn thử quay số bằng khẩu lệnh lại, bấm **Retry**.

Bạn không thể sử dụng tính năng quay số bằng khẩu lệnh khi đang có một cuộc gọi hoặc một kết nối GPRS đang hoạt động.

Gán các phím quay số nhanh

Quay số nhanh là một cách nhanh chóng để gọi đến các số điện thoại thường được sử dụng. Bạn có thể gán các phím quay số nhanh cho tám số điện thoại. Số 1 được dành cho hộp thư thoại.

1. Mở thẻ liên lạc mà bạn muốn gán phím quay số nhanh và chọn **Options** → *Assign speed dial*.

2. Di chuyển đến một số điện thoại và bấm **Assign**. Khi bạn trở về giao diện thông tin liên lạc, bạn có thể nhìn thấy biểu tượng phím quay số nhanh kế bên số điện thoại.

 - Để gọi điện thoại bằng chức năng quay số nhanh, trở về chế độ chờ và bấm phím quay số nhanh và phím **gọi**.

■ Dịch vụ Presence



↩ Chọn **Menu** → **Presence**.

▮ Các tùy chọn trong giao diện Presence: *Open, My availability, Viewers, Update presence, Login, Logout, Settings, Help*, và *Exit*.

Sử dụng chức năng Presence (dịch vụ mạng) để thông báo cho người khác về tính khả dụng của bạn, có nghĩa là thông báo thời gian, nơi chốn và cách bạn muốn được liên lạc. Chức năng Presence cho phép bạn xem và tạo một cấu hình động về các chi tiết liên lạc, cho phép những người sử dụng dịch vụ khác có thể nhìn thấy, để chia sẻ thông tin hoặc kiểm soát dịch vụ. Thông tin Presence có thể bao gồm tính khả dụng, qua điện thoại hoặc tin nhắn, nơi ở và công việc bạn đang làm.

Trước khi bạn có thể sử dụng dịch vụ Presence, bạn cần phải tìm một dịch vụ bạn muốn sử dụng và sau đó lưu lại thông số cài đặt của dịch vụ đó. Bạn có thể nhận các cài đặt dịch vụ trong một tin nhắn văn bản đặc biệt, còn gọi là tin nhắn thông minh, từ nhà cung cấp dịch vụ, nơi cung cấp dịch vụ Presence. Xem phần "**Nhận tin nhắn thông minh**" ở trang 55. Để biết thêm thông tin, xin liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ của bạn.

Ứng dụng Presence cho phép bạn thay đổi thông tin của riêng bạn và quản lý người được quyền nhìn thấy thông tin hiện diện của bạn. Bạn phải sử dụng Danh bạ để xem thông tin hiện diện của người khác. Xem phần "**Contact (Danh bạ)**" ở trang 25.

Thay đổi thông tin khả dụng của bạn

↩ Chọn **Options** → *My availability* và chọn:

- *Available* - Bạn sẵn sàng nhận cuộc gọi hay tin nhắn. Ví dụ, khi bạn đã chọn tùy chọn này cho cấu hình chung của bạn. Xem phần "**Profiles (Cấu hình)**" ở trang 81.

- *Busy* - Bạn có thể sẵn sàng nhận cuộc gọi hoặc tin nhắn từ một người, ví dụ, khi điện thoại của bạn đang ở cấu hình hội họp.
- *Not available* - Bạn không sẵn sàng nhận cuộc gọi hoặc tin nhắn từ một người, ví dụ, điện thoại của bạn đang ở cấu hình im lặng.

Thay đổi người có thể xem thông tin Hiện diện của bạn

➡ Chọn **Options** → *Viewers* và chọn:

- *Public pres.* - Hiện thị thông tin được giới hạn, để quản lý cách mọi người sẽ liên lạc với bạn. Chức năng này chỉ có hiệu lực đối với những người bạn không chặn.
 - *My availability* - Chọn *Available*, *Busy*, hoặc *Not available*.
 - *Viewers* - Sẽ mở giao diện *Current viewers* của *Public pres.*. Xem phần "Người xem chung" ở trang 30.
 - *Update presence* - Cập nhật thông tin hiện diện của bạn cho server presence.
- *Login/Logout* - Kết nối hoặc ngắt kết nối với server presence. Xem phần "[Server Trò chuyện và Presence](#)" ở trang 71.
- *Settings* - Để quản lý cách công bố thông tin hiện diện của bạn.
- *Private pres.* - Hiện thị thông tin riêng, vì vậy bạn có thể chia sẻ thêm nhiều thông tin cá nhân. Chức năng này chỉ có hiệu lực đối với người mà bạn đã chỉ định quyền được xem thông tin riêng của bạn. Bạn có thể chọn các tùy chọn sau:
 - *My availability* - Chọn *Available*, *Busy*, hoặc *Not available*.
 - *Private message* - Viết một tin nhắn văn bản tối đa 40 ký tự để mô tả tính khả dụng hiện tại của bạn.
 - *My presence logo* - Thêm một logo vào thông tin khả dụng của bạn. Các tập tin logo sẽ được lưu vào Bộ sưu tập. Xem phần "[Gallery \(Bộ sưu tập\)](#)" ở trang 36.
 - *Viewers* - Mở giao diện *Private list* của *Private pres.*. Xem phần "[Người xem riêng](#)" ở trang 30.

- *Update presence* - Cập nhật thông tin hiện diện của bạn cho server presence.
- *Login/Logout* - Kết nối hoặc ngắt kết nối với server presence. Xem phần "[Server Trò chuyện và Presence](#)" ở trang 71.
- *Settings* - Để quản lý cách công bố thông tin hiện diện của bạn.
- *Blocked pres.* - Hiển thị màn hình không có thông tin chi tiết cá nhân. Xem phần "[Người xem bị khóa](#)" ở trang 31.

Người xem chung

Chọn *Public pres.* và chọn **Options** → *Viewers* → *Current viewers* để xem tên, số điện thoại hoặc mã thuê bao của những người mà bạn không muốn cho xem các tin nhắn hiện diện riêng, trừ những người hiện đang xem thông tin hiện diện chung của bạn. Bạn có thể di chuyển đến một người xem, bấm **Options**, và chọn:

- *Add to private list* - Cho phép người xem cũng có thể xem thông tin hiện diện riêng của bạn.
- *Block* - Ngăn không cho người xem nhìn thấy thông tin hiện diện của bạn.
- *Add to contacts* - Thêm người xem vào mục Danh bạ.
- *Reload lists* - Kết nối với server presence để cập nhật các danh sách người xem. Tùy chọn này chỉ có khi bạn chưa kết nối vào mạng.

Người xem riêng

Chọn *Private pres.* và chọn **Options** → *Viewers* → *Private list* để xem tên, số điện thoại hoặc mã thuê bao của những người mà bạn không muốn cho xem các tin nhắn hiện diện riêng của bạn. Để ngăn người xem nhìn thấy các tin nhắn hiện diện riêng của bạn, di chuyển đến người xem đó và bấm phím **xóa**. Bạn có thể di chuyển đến một người xem, bấm **Options**, và chọn:

- *Add new* - Thêm một người xem mới vào theo cách thủ công hoặc từ mục Danh bạ. Bạn chỉ có thể chọn một số liên lạc của người đã có Mã thuê bao trong thẻ liên lạc.
- *Block* - Ngăn không cho người xem nhìn thấy thông tin hiện diện của bạn.

- *Add to contacts* - Thêm người xem vào mục Danh bạ.
- *Remove from list* - Xóa người xem khỏi danh sách riêng. Tùy chọn này cũng sẽ có khi chọn các mục được đánh dấu chọn. Nếu danh sách trống, tùy chọn này sẽ không sử dụng được.
- *View details* - Hiển thị thông tin Mã thuê bao của người xem.
- *Reload lists* - Kết nối với server presence để cập nhật các danh sách người xem. Tùy chọn này chỉ có khi bạn chưa kết nối vào mạng.

Người xem bị khóa

Chọn **Options** → *Viewers* → *Blocked pres.* để xem những người mà bạn đã ngăn không cho thấy các tin nhắn hiện diện chung và riêng của bạn. Để cho phép người xem nhìn thấy thông tin hiện diện của bạn, di chuyển đến người xem đó và bấm phím **XÓA**. Bạn có thể di chuyển đến một người xem, bấm **Options**, và chọn:

- *Add to private list* - Cho phép người xem cũng có thể xem thông tin hiện diện riêng của bạn.
- *Add new* - Thêm một người xem mới vào theo cách thủ công hoặc từ mục Danh bạ.

Bạn chỉ có thể chọn một số liên lạc của người đã có Mã thuê bao trong thẻ liên lạc.

- *Add to contacts* - Thêm người xem vào mục Danh bạ.
- *View details* - Hiển thị thông tin Mã thuê bao của người xem.
- *Reload lists* - Kết nối với server presence để cập nhật các danh sách người xem. Tùy chọn này chỉ có khi bạn chưa kết nối vào mạng.

Cập nhật thông tin Hiện diện

↔ Chọn **Menu** → **Presence**.

Khi kết nối đã được thiết lập:

1. Nhập tên thuê bao và mật mã của bạn vào và bấm phím điều khiển để đăng nhập vào.

Nhà cung cấp dịch vụ sẽ cung cấp cho bạn mã thuê bao và mật mã.

2. Chọn **Options** → *Update presence*. Tùy chọn sẽ có khi bạn đăng nhập vào server dịch vụ và đã thay đổi thông tin hiện diện của bạn hoặc trong giao diện *Private pres.* hoặc *Public pres.* và chưa cập nhật nó.
3. Để thoát ra, chọn **Options** → *Logout*.

Cấu hình Presence

↩ Chọn **Options** → **Settings**.

Xem phần "**Server Trò chuyện và Presence**" ở trang 71.

- *Show presence to* - Chọn:
 - *Private & public* - Cả thông tin hiện diện chung và hiện diện riêng đều được công bố.
 - *Private viewers* - Chỉ người xem riêng có thể nhìn thấy thông tin hiện diện của bạn.
 - *Public viewers* - Cả người xem riêng và người xem chung đều có thể nhìn thấy thông tin hiện diện của bạn.
 - *No one* - Thông tin hiện diện của bạn sẽ không được công bố.
- *Sync. with Profiles* - Chỉ định thuộc tính Hiện diện nào sẽ được thay đổi khi bạn thay đổi cấu hình. Chọn:
 - *Off* - Thuộc tính hiện diện không thay đổi, thậm chí khi bạn đã thay đổi cấu hình.
 - *On* - Cả hai *My availability* và *Private message* sẽ được thay đổi khi bạn thay đổi cấu hình.

- *Availability only* - *Private message* sẽ không thay đổi khi bạn thay đổi cấu hình.
- *Private msg. only* - *My availability* sẽ không thay đổi khi bạn thay đổi cấu hình.

Positioning (Định vị)



↩ Chọn **Menu** → **Positioning**.

Định vị (dịch vụ mạng) cho phép mạng nhận biết vị trí gần đúng của điện thoại của bạn. Bằng cách bật hoặc tắt chức năng Định vị, bạn sẽ chọn khi nào sẽ báo thông tin vị trí về mạng.

Để bật chức năng Định vị trên điện thoại, chọn *Settings* → *Positioning* → *On*.

Khi bạn nhận được một *Position request*, một thông báo sẽ hiển thị cho biết dịch vụ đang thực hiện yêu cầu. Bấm **Accept** để cho phép gửi thông tin vị trí của bạn đi hoặc bấm **Reject** để từ chối yêu cầu.

Position request được lưu trong danh sách *Recv. requests*.

Để xem chúng, chọn **Menu** → *Positioning* → *Recv. requests*. Biểu tượng bên cạnh từng yêu cầu sẽ cho biết yêu cầu đó là mới, bị từ chối hoặc được chấp nhận. Để xem thông tin chi tiết của một yêu cầu, di chuyển đến yêu cầu đó và bấm phím điều khiển. Để xóa danh sách *Recv. requests*, chọn **Options** → *Clear list*.

■ Calendar (Lịch)



↩ Chọn **Menu** → **Calendar**.

Trong Lịch, bạn có thể theo dõi các cuộc hẹn, cuộc họp, ngày sinh nhật, ngày kỷ niệm và các sự kiện khác. Bạn cũng có thể cài âm báo cho lịch để nhắc bạn các sự kiện sắp diễn ra. Chức năng Lịch sử dụng bộ nhớ dùng chung. Xem phần "**Bộ nhớ dùng chung**" ở trang ix.

Tạo các mục nhập lịch

1. Chọn **Options** → *New entry* và chọn:

- *Meeting* - Nhắc bạn ngày và giờ cụ thể của cuộc hẹn.
- *Memo* - Viết một mục chung trong ngày.

- *Anniversary* - Nhắc bạn các ngày sinh nhật hoặc các ngày đặc biệt. Các mục ngày kỷ niệm sẽ được lặp lại hàng năm.
2. Điền thông tin vào các trường cho sẵn. Sử dụng phím điều khiển để di chuyển giữa các trường.
- *Subject/Occasion* - Viết dòng mô tả sự kiện.
 - *Location* - Vị trí tổ chức cuộc họp, tùy chọn.
 - *Start time, End time, Start date, và End date*.
 - *Alarm* - Bấm phím điều khiển để kích hoạt cài đặt báo thức như *Alarm time* và *Alarm date*.
 - *Repeat* - Bấm phím điều khiển để thay đổi mục cần được lặp lại. Được hiển thị bằng  trong giao diện Ngày.
 - *Repeat until* - Cài ngày kết thúc cho mục được lặp lại, ví dụ ngày kết thúc của khóa học hàng tuần mà bạn đang theo. Tùy chọn này chỉ hiển thị khi bạn đã chọn lặp lại sự kiện.

- *Synchronisation - Private* - Sau khi đồng bộ, chỉ có bạn là người có thể nhìn thấy mục lịch; và người khác sẽ không nhìn thấy mục này cho dù họ đang truy cập trực tuyến vào chức năng lịch.
Public - Mục lịch này sẽ hiển thị cho những người đang truy cập trực tuyến vào lịch. *None* - Bạn sẽ không copy được mục lịch khi bạn đang đồng bộ chức năng ngày.

3. Để lưu lại mục, bấm **Done**.

Để chỉnh sửa hoặc xóa một mục được lập lại, hãy chọn cách bạn thực hiện: *All occurrences* - thay đổi tất cả các mục lặp lại *This entry only* - sẽ chỉ thay đổi mục hiện tại.

Xem lịch

■ Các tùy chọn trong các giao diện lịch khác nhau: *Open*, *New entry*, *Week view*, *Month view*, *Delete*, *Go to date*, *Send*, *Settings*, *Help*, và *Exit*.

Bấm phím **#** trong mục xem Ngày, Tuần hoặc Tháng để tự động đánh dấu cuộc hẹn của ngày hôm nay.

Để nhập một mục lịch, bấm phím số bất kỳ (**1 - 0**) trong bất kỳ giao diện lịch nào. Mục Cuộc họp sẽ được mở và các ký tự mà bạn đã nhập vào sẽ được thêm vào trường *Subject*.

- Để vào một ngày cụ thể, chọn **Options** → *Go to date*. Nhập ngày vào và bấm **OK**.
- **Các biểu tượng** trong giao diện Ngày và Tuần:
 - *Memo* và  - *Anniversary*.
- **Các biểu tượng đồng bộ hóa** trong giao diện Tháng:
 - *Private*,  - *Public*,  - *None*, và  - nếu ngày đó có nhiều mục.

■ To do (Công việc)



↔ Chọn **Menu** → **To-do**.

Trong Công việc, bạn có thể theo dõi danh sách các công việc bạn cần phải làm. Công việc sử dụng bộ nhớ dùng chung. Xem phần "**Bộ nhớ dùng chung**" ở trang ix.

1. Để viết ghi chú việc, bấm phím số bất kỳ (**1 - 0**). Trình chỉnh sửa sẽ mở ra và con trỏ sẽ nhấp nháy phía sau các ký tự mà bạn đã nhập vào.

2. Viết công việc vào trường *Subject*. Bấm phím * để thêm các ký tự đặc biệt.
 - Để cài ngày sẽ làm việc đó, di chuyển đến trường *Due date* và nhập một ngày vào.
 - Để cài mức độ ưu tiên cho ghi chú việc, di chuyển đến trường *Priority* và bấm phím điều khiển.
3. Để lưu ghi chú việc, bấm **Done**. Nếu bạn xóa tất cả các ký tự và bấm **Done**, ghi chú sẽ bị xóa, ngay cả khi bạn chỉnh sửa một ghi chú được lưu trước đó.
 - **Để mở một ghi chú việc**, di chuyển đến ghi chú đó và bấm phím điều khiển.
 - **Để xóa một ghi chú việc**, di chuyển đến ghi chú đó và chọn **Options** → *Delete* hoặc bấm phím **xóa**.
 - **Để đánh dấu công việc đã hoàn tất**, di chuyển đến công việc đó và chọn **Options** → *Mark as done*.
 - **Để khôi phục một ghi chú việc**, chọn **Options** → *Mark as not done*.

■ Nhập dữ liệu từ điện thoại tương thích

Bạn có thể di chuyển lịch, danh bạ và dữ liệu công việc từ điện thoại Nokia tương thích vào điện thoại bằng ứng dụng Nokia PC Suite Content Copier trên máy PC tương thích.

6. Media (Phương tiện)

■ Gallery (Bộ sưu tập)



↩ Chọn **Menu** → **Gallery**.

Sử dụng Bộ sưu tập để lưu và sắp xếp các hình ảnh, đoạn âm thanh, danh sách nhạc, các đoạn video clip, các liên kết trực tuyến và các tập tin RAM.

Bộ sưu tập sử dụng bộ nhớ dùng chung. Xem phần "**Bộ nhớ dùng chung**" ở trang ix.

Mở Bộ sưu tập để xem danh sách các thư mục trong bộ nhớ điện thoại. Di chuyển phím điều khiển sang bên phải để xem các thư mục trên thẻ nhớ, nếu bạn đang sử dụng thẻ nhớ.

Chọn một thư mục *Images*, *Sound clips*, hoặc *Video clips* (hoặc thư mục khác mà bạn đã tạo) và bấm phím điều khiển để mở thư mục đó.

Trong thư mục vừa mở, bạn có thể thấy:

- một biểu tượng đại diện cho loại tập tin trong thư mục, hoặc trong trường hợp của một hình ảnh, hình thu nhỏ, là chế độ xem trước hình
- tên của tập tin

- ngày và giờ lưu tập tin hoặc kích thước tập tin
- thư mục phụ, nếu có.

▲ Các tùy chọn: *Open* (thư mục hoặc mục), *Gallery downloads*, *Send*, *Delete*, *Create new*, *Move to folder*, *New folder*, *Mark/Unmark*, *Rename*, *Image uploader*, *Receive via infrared*, *View details*, *Add to 'Go to'*, *Settings*, *Help*, và *Exit*.

Bạn có thể trình duyệt, mở và tạo các thư mục, cũng như đánh dấu chọn, copy và chuyển các mục vào thư mục. Xem phần "**Các thao tác chung cho tất cả ứng dụng**" ở trang 8.

Việc bảo vệ bản quyền có thể sẽ không cho phép sao chép, chỉnh sửa hay chuyển tiếp một số hình ảnh, kiểu chuông hay nội dung khác.

Mở tập tin

Chọn tập tin bất kỳ và bấm phím điều khiển để mở tập tin đó. Mỗi tập tin sẽ được mở bằng ứng dụng tương ứng như sau:

- Hình ảnh - mở bằng chương trình xem Hình ảnh. Xem phần "[Xem hình](#)" ở [trang 40](#).
- File âm thanh - mở và phát trong ứng dụng Máy nghe nhạc.
- Video clip, các tập tin RAM và các liên kết trực tuyến - Mở và phát trong ứng dụng RealPlayer. Xem phần "[RealPlayer™](#)" ở [trang 47](#).
- Các thư mục phụ - mở để hiển thị nội dung.

Các thư mục mặc định khác

Picture message

Sử dụng thư mục này để lưu hình ảnh được gửi đến bạn qua tin nhắn hình.

- Chọn thư mục *Images* → *Picture msgs..*

 Các tùy chọn trong thư mục tin nhắn Hình: *Open*, *Send*, *Delete*, *Mark/Unmark*, *Rename*, *View details*, *Help*, và *Exit*.

Để xem hình bạn đã nhận được trong tin nhắn hình, vào **Messaging** → *Inbox*, mở tin nhắn và chọn **Options** → *Save picture*.

Wallpapers

Sử dụng thư mục này để lưu hình ảnh bạn muốn cài làm hình nền cho tin nhắn đa phương tiện.

- Chọn thư mục *Images* → *Wallpapers*.

Presence logos

Sử dụng thư mục này để lưu các logo dành cho Presence. Xem phần "[Dịch vụ Presence](#)" ở [trang 28](#).

- Chọn thư mục *Images* → *Presence logos*.

Downloading files

 Chọn **Options** → *Gallery downloads*.

Chọn trong *Graphic downloads*, *Video downloads*, hoặc *Tone downloads*. Trình duyệt sẽ mở ra và bạn có thể chọn một chỉ mục của trang sẽ tải về. Xem phần "[Bookmark \(Chỉ mục\)](#)" ở [trang 106](#).

Để tải về các tập tin, bạn phải cấu hình điểm truy cập mặc định trước. Xem phần "[Access point](#)" ở [trang 86](#). Để biết thêm thông tin về việc tải về, Xem phần "[Tải về](#)" ở [trang 109](#).

Khi các mục đã được tải về, phiên trình duyệt sẽ đóng và điện thoại sẽ trở về giao diện Bộ sưu tập.

Uploading images to an image server

➡ Chọn **Options** → *Image uploader*.

Bạn có thể gửi hình đến server hình ảnh để cho phép mọi người cùng chia sẻ hình ảnh trực tuyến (dịch vụ mạng).

Trước khi bạn có thể tải hình ảnh lên, bạn phải nhập các thông số cài đặt cho server hình ảnh. Bạn có thể nhận các thông số cài đặt này từ nhà cung cấp dịch vụ.

Cài đặt server hình ảnh

1. Chọn **Settings** → *Image servers* và bấm **phím chọn trái**. Điền chi tiết vào từng trường. Xem phần "**Access point**" ở trang 86.

2. Bấm **phím chọn phải**.

Đang tải hình lên

1. Để bắt đầu tải lên, đánh dấu hình và chọn *Upload*.
2. Nhập tên của thư mục sẽ lưu hình trên server hình ảnh và bấm **phím chọn trái**.

■ Camera

➡ Chọn **Menu** → **Camera**.

Bạn có thể chụp hình và quay các đoạn video clip bằng Camera tích hợp của điện thoại. Hình ảnh sẽ được tự động lưu

vào ứng dụng Bộ sưu tập, nơi bạn có thể đổi tên và sắp xếp hình ảnh trong các thư mục. Xem phần "**Gallery (Bộ sưu tập)**" ở trang 36. Bộ nhớ điện thoại hoặc thẻ nhớ sẽ được sử dụng làm nơi lưu hình ảnh hoặc video, tùy thuộc vào cài đặt *Memory in use*. Xem phần "**Cài đặt camera**" ở trang 39.

Bạn cũng có thể gửi hình ảnh trong tin nhắn đa phương tiện dưới dạng e-mail đính kèm hoặc qua công nghệ Bluetooth hoặc kết nối hồng ngoại. Camera sẽ tạo ra các bức ảnh dạng JPEG và các đoạn video clip dạng 3GP.

Chụp hình hoặc ghi một đoạn video clip

▴ Các tùy chọn trước khi chụp hình/quay video: *Capture/Record, New, Activate night mode, Self-timer/Mute, Go to Gallery, Settings, Help, và Exit*.

1. Di chuyển phím điều khiển sang trái hoặc phải để kích hoạt chế độ video.
2. Di chuyển phím điều khiển lên để phóng to chủ thể trước hoặc trong khi chụp hình hoặc quay một đoạn video clip. Di chuyển phím điều khiển xuống để thu nhỏ. Chỉ báo độ phóng to/thu nhỏ ảnh sẽ hiển thị trên màn hình.



3. Để chụp hình, bấm phím điều khiển (**Capture**). Khi chụp hình, không nên di chuyển điện thoại trước khi ứng dụng Camera bắt đầu để lưu hình ảnh. Camera sẽ hiển thị hình ảnh và tự động lưu vào Bộ sưu tập. Để trở về chế độ kính ngắm, bấm **Back**. Để chụp hình khác, bấm phím điều khiển (**Capture**) một lần nữa.
4. Để bắt đầu quay một đoạn video clip, bảo đảm bạn đã chọn trước chế độ Video. Sau đó bấm nhanh phím điều khiển (**Record**) để bắt đầu quay phim. Để tạm ngưng quay phim bất kỳ lúc nào, bấm **Pause**. Để tiếp tục việc ghi hình, bấm **Continue**. Khi ghi hình, bạn có thể nhìn thấy bộ đếm, cho biết thời gian ghi hình.
5. Để ngừng việc ghi hình, bấm **Stop**.

Camera sẽ chuyển sang chế độ tiết kiệm pin nếu không có phím nào được bấm trong 1 phút. Để tiếp tục chụp hình, bấm phím điều khiển.

Bạn có thể chèn hình vào thẻ liên lạc. Xem phần "**Quản lý số liên lạc**" ở trang 25.

Ban đêm

Nếu ánh sáng mờ và camera cần một thời gian phơi sáng lâu hơn để chụp hình có chất lượng tốt, sử dụng tùy chọn *Activate night mode*. Lưu ý trong các điều kiện ánh sáng mờ, bất kỳ chuyển động nào trong khi chụp hình cũng có thể làm cho hình không rõ nét.

Chụp tự động

Để kích hoạt camera tự chụp ảnh sau một khoảng thời gian nhất định, chọn **Options** → *Self-timer* và chọn thời gian kích hoạt 10, 20 hoặc 30 giây. Để khởi động chế độ *Self-timer* bấm **Activate**. Một tiếng bíp sẽ phát ra trong một giây và hai tiếng bíp sẽ phát ra trong vòng một giây trong suốt ba giây còn lại trước khi được kích hoạt.

Cài đặt camera

↩ Chọn **Options** → *Settings*.

Trong cài đặt ứng dụng **Camera** bạn có thể điều chỉnh cài đặt *Image* và *Video*.

Cài đặt Image

- *Show captured image*: Chọn **No** để chụp hình với tỉ lệ lặp lại thấp. Hình đã chụp sẽ không được hiển thị.

- *Image quality* - *High*, *Normal*, and *Basic*. Chất lượng hình ảnh càng cao, càng cần nhiều dung lượng bộ nhớ.
- *Default image name* - Theo mặc định, camera đặt tên hình ảnh theo dạng "Image.jpg". *Default image name* cho phép bạn đặt tên cho những hình đã lưu.
- *Memory in use* - Chọn nơi bạn muốn lưu hình ảnh trong bộ nhớ điện thoại hoặc trên thẻ nhớ, nếu bạn sử dụng một trong hai bộ nhớ này.

Video

- *Length* - Với *Maximum*, độ dài của đoạn video đã ghi chỉ được hạn chế trong bộ nhớ hiện có. Với *Short*, thời gian ghi video được tối ưu để gửi MMS.
- *Video resolution* - Chọn hai độ phân giải video sau:
 - 128 x 96 cho độ phân giải chuẩn
 - 176 x 144 cho độ phân giải cao
- *Default video name* - Theo mặc định, camera sẽ đặt tên các đoạn video clips theo định dạng "Video.3gp". *Default video name* cho phép bạn đặt tên cho các đoạn video clip đã lưu.

- *Memory in use* - Chọn nơi bạn muốn lưu các đoạn video clip trong bộ nhớ điện thoại hoặc trên thẻ nhớ, nếu bạn sử dụng một trong hai bộ nhớ này.

Xem hình

↩ Chọn **Menu** → **Gallery**.

Hình ảnh được chụp bằng **Camera** sẽ được lưu dưới mục hình ảnh trong Bộ sưu tập. Xem phần "**Gallery (Bộ sưu tập)**" ở [trang 36](#). Hình ảnh có thể được gửi đến bạn trong tin nhắn hình hoặc tin nhắn đa phương tiện, dưới dạng e-mai đính kèm hoặc qua kết nối Bluetooth. Sau khi nhận được hình trong Hộp thư đến, bạn phải lưu vào bộ nhớ điện thoại hoặc thẻ nhớ. Bạn có thể lưu hình chụp gửi đến bạn qua tin nhắn hình vào thư mục Picture message. Xem phần "**Picture message**" ở [trang 37](#).

▀ Các tùy chọn khi xem hình:

Send, Set as wallpaper, Rotate, Zoom in, Zoom out, Full screen, Delete, Rename, View details, Add to 'Go to', Help, và Exit.

Chọn một hình trong danh sách hình ảnh trong thư mục *Images* trong Bộ sưu tập để mở trình ứng dụng xem và hiển thị hình.

Khi đang xem một hình, di chuyển phím điều khiển sang phải hoặc sang trái sẽ chuyển sang hình kế tiếp hoặc hình trước đó trong thư mục hiện thời.

Trong chế độ xem hình thu nhỏ:

1. Di chuyển phím điều khiển sang phải hoặc sang trái để chuyển giữa điện thoại và thẻ nhớ.
2. Để xem danh sách hình ảnh, di chuyển phím điều khiển lên và xuống.
3. Bấm phím điều khiển để mở một hình. Khi hình được mở, bạn có thể nhìn thấy tên hình.

Bạn có thể xem các tập tin động dạng GIF tương tự như khi xem hình khác.

Phóng to/thu nhỏ một ảnh đã lưu

1. Chọn **Options** → *Zoom in* hoặc *Zoom out*. Bạn có thể thấy tỉ lệ phóng ở phía trên màn hình. Xem phần "**Phím tắt trong khi phóng to/thu nhỏ**" ở trang 41.
2. Bấm **Back** để trở về trạng thái xem ban đầu. Tỉ lệ sẽ không được lưu cố định.

Khi bạn chọn **Options** → *Full screen*, các đường kẻ bao quanh hình sẽ được xóa bỏ và vì vậy, bạn có thể xem hình rõ hơn. Bấm **phím chọn phải** để trở về trạng thái xem ban đầu.

Khi phóng to/thu nhỏ một hình, sử dụng phím điều khiển để di chuyển đến các vùng bên trái, phải, trên hoặc dưới, và vì vậy, bạn có thể xem cận cảnh một vùng nào đó trên hình, ví dụ như vùng ở góc trên bên phải chẳng hạn.

Phím tắt trong khi phóng to/thu nhỏ

- Bấm phím **1** để xoay hình 90° ngược chiều kim đồng hồ, bấm phím **3** để xoay hình 90° theo chiều kim đồng hồ. Trạng thái xoay sẽ không được lưu lại.
- Bấm phím **5** để phóng to và phím **0** để thu nhỏ, bấm và giữ phím **0** để trở về chế độ xem bình thường.
- Bấm phím ***** để thay đổi giữa chế độ xem toàn màn hình và chế độ xem bình thường.

Visual Radio



Bạn có thể sử dụng ứng dụng Visual Radio™ như một đài FM bình thường với chức năng chỉnh đài tự động và các kênh được cài sẵn, hoặc với thông tin trực quan song hành liên quan đến chương trình radio trên màn hình, nếu bạn chỉnh đến các đài cung cấp dịch vụ Visual Radio. Các dịch vụ Visual Radio sử dụng GPRS

(dịch vụ mạng). Bạn có thể nghe radio FM trong khi sử dụng các ứng dụng khác trên điện thoại.

Để sử dụng dịch vụ Visual Radio, bạn phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Đài bạn chọn nghe và nhà điều hành mạng phải hỗ trợ dịch vụ này.
- Điện thoại phải được bật lên.
- Điện thoại phải có một thẻ SIM hợp lệ.
- Điểm truy nhập Internet của bạn phải được xác định để truy nhập đến server visual radio của nhà điều hành.
- Kênh radio được cài sẵn phải có số ID dịch vụ Visual Radio đúng và có hỗ trợ dịch vụ Visual Radio. Xem phần "[Cài đặt Visual Radio](#)" ở trang 46 để biết thêm chi tiết.

Nếu bạn không thể truy cập được dịch vụ Visual Radio, các nhà điều hành và trạm phát radio tại khu vực của bạn có thể không hỗ trợ dịch vụ này. Dịch vụ Visual Radio có thể không có tại tất cả các khu vực và quốc gia.



Lưu ý: Đài FM sử dụng dây của tai nghe làm ăng-ten. Bạn phải gắn tai nghe tương thích với điện thoại để đài FM hoạt động đúng.

Bạn có thể nghe đài FM trên điện thoại bằng loa tích hợp hoặc tai nghe tương thích. Khi sử dụng loa, phải cắm tai nghe vào điện thoại. Dây dẫn của bộ tai nghe có chức năng như một ăng-ten radio, vì vậy không để dây xoắn lại.



Cảnh báo: Bạn nên nghe nhạc với âm lượng vừa phải. Việc nghe liên tục ở mức âm lượng lớn có thể ảnh hưởng xấu đến thính giác của bạn.

Bạn có thể gọi hoặc trả lời cuộc gọi đến bình thường khi đang nghe radio. Chức năng radio sẽ tắt khi có cuộc gọi. Khi cuộc gọi kết thúc, bạn phải bật lại chức năng radio.

Lưu ý chất lượng phát sóng radio phụ thuộc vào mức độ phủ sóng của đài radio ở từng khu vực cụ thể.

Bật radio

↔ Chọn **Menu** → **Vis. Radio**.

Điện thoại sẽ hiển thị:

- Số vị trí kênh và tên của kênh radio.
- Tần số kênh radio được sử dụng gần nhất.
- Sáu nút hình vẽ:
 - và . Chọn để di chuyển đến kênh đã lưu trước đó và kế tiếp. Các

nút sẽ không hoạt động nếu không có kênh nào được lưu.

-  và . Chọn để bắt đầu dò đài tự động lên hoặc xuống.
-  Bắt đầu cung cấp nội dung Visual Radio nếu ID Visual Radio được xác định hoặc yêu cầu ID Visual Radio nếu ID Visual Radio chưa được xác định. Xem phần "[Truy cập vào Danh mục Kênh bằng phím Visual Radio](#)" ở trang 46.

Nếu bạn đã lưu các kênh radio trước đó, di chuyển đến kênh muốn nghe hoặc chọn vị trí bộ nhớ kênh bằng cách bấm phím tương ứng từ 0 đến 9.

Khi sử dụng tai nghe tương thích, bấm phím tai nghe để di chuyển đến kênh radio đã lưu theo ý muốn.

Điều chỉnh âm lượng bằng cách nhấn phím điều khiển sang phải hoặc sang trái.

Để tắt radio, bấm **Exit**.

Dò sóng và lưu kênh radio

Để bắt đầu dò kênh khi chức năng radio bật, chọn  hoặc .

Việc tìm kiếm sẽ kết thúc khi đã dò đúng kênh. Để lưu kênh, chọn **Options** → *Save channel*. Chọn vị trí cho kênh

bằng phím điều khiển và bấm **Select**. Nhập tên kênh và bấm **OK**.

Sử dụng radio

 Khi chức năng radio bật, chọn **Options** và chọn một trong các tùy chọn sau:

- *Start visual service* - Bắt đầu xem nội dung trực quan. Xem phần "[Xem Nội dung Trực quan](#)" ở trang 45.
- *Save channel* - Lưu lại kênh radio mà bạn đã dò được. Xem phần "[Dò sóng và lưu kênh radio](#)" ở trang 43. Bạn có thể lưu được 20 kênh.
- *Channels* - Mở danh sách kênh. Xem phần "[Sử dụng danh sách kênh](#)" ở trang 44.
- *Manual tuning* - Cài tần số kênh theo cách thủ công. Bấm nhanh phím điều khiển lên hoặc xuống để dò kênh lên hoặc xuống 0,05 MHz. Bấm và giữ phím điều khiển lên hoặc xuống để tìm nhanh một kênh lên hoặc xuống.

Nếu bạn biết tần số kênh mà bạn muốn nghe (từ 87,5 MHz đến 108,0 MHz), nhập tần số kênh đó và bấm **OK**.

- *Activate loudsp.* - Nghe đài FM bằng bộ tai nghe tích hợp (IHF). Bộ tai nghe tích hợp cho phép bạn nói và nghe radio hay các tập tin âm thanh mà không cần giữ điện thoại gần tai. Khi bộ tai nghe tích hợp được kích hoạt, tai nghe sẽ bị tắt tiếng.
- *Deactivate loudsp.* - Nghe đài FM bằng tai nghe.
- *Settings* - để kiểm soát cài đặt Visual Radio. Xem phần "[Cài đặt Visual Radio](#)" ở trang 46.
- *Help* - Mở văn bản trợ giúp theo ngữ cảnh.
- *Exit* - Tắt radio.
- *Channel* → *Edit* - Xem cài đặt của kênh được đánh dấu sáng. Xem phần "[Thiết lập kênh](#)" ở trang 44.
- *Channel* → *Move* - Di chuyển một kênh đến vị trí khác trong danh sách kênh: Đánh dấu kênh cần chuyển, bấm **Move**, sau đó đánh dấu vị trí nơi kênh được chọn sẽ được chuyển đến. Bấm **OK** để di chuyển kênh.
- *Channel* → *Delete* - Xóa kênh được đánh dấu sáng trong danh sách kênh.
- *Channel directory* - Kích hoạt Danh mục kênh (dịch vụ mạng) để tìm các Trạm Visual Video trong mạng và lưu lại để sử dụng sau. Xem phần "[Danh mục Kênh](#)" ở trang 46.
- *Activate loudsp.* - Nghe đài FM bằng bộ tai nghe tích hợp (IHF).
- *Deactivate loudsp.* - Nghe đài FM bằng tai nghe.
- *Help* - Mở văn bản trợ giúp theo ngữ cảnh.
- *Exit* - Tắt radio.

Sử dụng danh sách kênh

Khi đã bật radio, chọn **Options** → *Channels*.

Danh sách kênh được dùng để quản lý các kênh radio đã lưu. Danh sách có tất cả 20 kênh. Khi bạn mở danh sách, kênh hoạt động hiện thời sẽ được tô sáng, nếu kênh này đã được lưu. Nếu không, kênh lưu đầu tiên sẽ được tô sáng.

 Chọn **Options** và chọn một trong các tùy chọn sau:

- *Channel* → *Listen* - Nghe kênh được chọn.

Thiết lập kênh

Đánh dấu kênh trong danh sách, bấm phím điều khiển và chọn *Edit* để thay đổi các thông số kênh sau:

- *Name* - Chọn **Options** → *Change* để chỉnh sửa tên kênh.
- *Location* - Chọn **Options** → *Change* để chỉnh sửa vị trí của đài radio.
- *Frequency* - Chọn **Options** → *Change* để chỉnh sửa tần số kênh.
- *Visual service ID* - Chọn **Options** → *Change* để chỉnh sửa ID Visual Service.
- *Enable visual service* - Chọn **Options** → *Change* để cho phép (*Yes*) hoặc ngăn chặn (*No*) nội dung trực quan của kênh radio hiện thời.

Bấm **Back** để trở về danh sách kênh.

Xem Nội dung Trực quan

Bạn chỉ có thể xem Nội dung Trực quan nếu kênh liên quan được lưu trong danh sách kênh và kênh này được phép sử dụng Dịch vụ Trực quan. Xem phần "[Sử dụng danh sách kênh](#)" ở [trang 44](#).

Để kiểm tra tính khả dụng, cước phí và việc đăng ký thuê bao dịch vụ, xin liên hệ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ.

Để xem Nội dung Trực quan của kênh hiện thời, chọn nút Visual Radio  hoặc chọn **Options** → *Start visual service*.

Nếu ID Visual Service không được lưu vào danh sách kênh, bạn sẽ được yêu cầu nhập ID Visual Service. Nhập ID Visual Service vào và bấm **OK**. Nếu bạn không có ID Visual Service, bấm **Retrieve** để truy cập Danh mục Kênh (dịch vụ mạng). Xem phần "[Danh mục Kênh](#)" ở [trang 46](#).

Khi kết nối với Visual Service được thiết lập, màn hình sẽ hiển thị Nội dung Trực quan hiện thời và biểu tượng cường độ tín hiệu GPRS **G**. Nội dung Trực quan có thể chứa hình ảnh, văn bản, các nút và các trường nhập, và được nhà cung cấp nội dung thiết kế.

Để xem qua các nội dung được hiển thị, nhấn phím điều khiển lên hoặc xuống. Trọng tâm là chuyển từ mục này sang mục khác.

Nếu không có sẵn Nội dung Trực quan hợp lệ từ dịch vụ, logo đài radio hoặc nền Visual Radio sẽ hiển thị.

 Các tùy chọn trong giao diện Nội dung Trực quan: *Activate loudsp.*, *Deactivate loudsp.*, *Display settings*, *Help*, và *Exit*.

Để kết thúc Nội dung Trực quan nhưng không kết thúc radio FM, bấm **Close**. Để đóng cả hai ứng dụng, chọn **Options** → *Exit*.

Để cài chế độ đèn và thời gian nghỉ cho màn hình riêng, chọn **Options** → *Display settings*.

Cài đặt Visual Radio

Khi bật radio, chọn **Options** → *Settings* để kiểm soát cài đặt Visual Radio sau:

- *Auto-start service* - Chọn **Options** → *Change* để bật (*Yes*) hoặc tắt (*No*) tự khởi động Nội dung Trực quan.
- *Access point* - Chọn **Options** → *Change* để chỉnh sửa địa chỉ điểm truy cập.

Danh mục Kênh

Với Danh mục Kênh (dịch vụ mạng), bạn có thể chọn bật Visual Radio hoặc đài radio truyền thống từ một danh sách, được tập hợp thành nhiều thư mục. Một thư mục có thể trình bày các vùng địa lý, ví dụ như các châu lục, quốc gia, vùng hoặc thành phố và có thể chứa các thư mục khác hoặc dữ liệu các đài radio.

Để kiểm tra tính khả dụng và mức cước phí cũng như cách thức đăng ký thuê bao dịch vụ,

xin liên hệ nhà điều hành mạng và nhà cung cấp dịch vụ.

Để truy cập Danh mục Kênh, chọn phím  và bấm phím điều khiển hoặc chọn *Options* trong danh sách kênh (Xem phần "[Sử dụng danh sách kênh](#)" ở [trang 44](#)) và chọn *Channel directory*.

Truy cập vào Danh mục Kênh bằng phím Visual Radio

Để nạp ID Visual Service và để bắt đầu nội dung Trực quan cho đài radio đã chỉnh hiện thời, chọn nút  và bấm phím điều khiển. Sau khi kết nối với Danh mục Kênh, bạn được yêu cầu chọn vị trí gần nơi bạn ở nhất từ một danh sách thư mục được đánh dấu . Đánh dấu vị trí theo ý muốn và bấm phím điều khiển.

Máy sẽ so sánh các tần số của các đài radio được liệt kê với tần số đã chỉnh hiện thời. Nếu tìm thấy một tần số phù hợp, ID Visual Service của đài radio đã chỉnh sẽ hiển thị. Bấm **OK** để bắt đầu xem Nội dung Trực quan. Xem phần "[Xem Nội dung Trực quan](#)" ở [trang 45](#).

Nếu có nhiều đài radio có tần số phù hợp, các đài radio liên quan và ID Visual Service của chúng sẽ hiển thị trong danh sách.

Đánh dấu đài radio theo ý muốn trong danh sách và bấm **Select**. Đài radio đã chỉnh và ID Visual Service sẽ hiển thị. Bấm **OK** để bắt đầu xem Nội dung Trực quan. Xem phần "[Xem Nội dung Trực quan](#)" ở trang 45.

Truy cập Danh mục Kênh qua Danh sách tùy chọn

Để truy cập Danh mục Kênh, chọn **Options** trong danh sách kênh (Xem phần "[Sử dụng danh sách kênh](#)" ở trang 44) và chọn *Channel directory*.

Sau khi kết nối với Danh mục Kênh, bạn được yêu cầu chọn vị trí gần nơi bạn ở nhất từ một danh sách thư mục được đánh dấu ✱. Đánh dấu vị trí theo ý muốn và bấm phím điều khiển. Lặp lại quy trình này cho đến khi bạn có được danh sách các đài radio gần nơi bạn ở hiện thời.

Các đài radio cung cấp nội dung Trực quan được đánh dấu bằng ✱, các đài radio truyền thống được đánh dấu bằng ✱.

Đánh dấu đài radio theo ý muốn bằng cách bấm phím điều khiển lên hoặc xuống và bấm phím điều khiển để mở menu chọn:

- Chọn *Listen* để chuyển sang đài radio được đánh dấu sáng. Để xác nhận cài đặt tần số, bấm **Yes** hoặc bấm phím

điều khiển. Bấm **No** để trở về tần số đã chỉnh trước đó.

Danh sách các đài radio sẽ hiển thị lại và bạn có thể chọn một đài radio khác.

- Chọn *Start visual service* để mở Nội dung Trực quan của đài radio đã chọn (nếu có). Xem phần "[Xem Nội dung Trực quan](#)" ở trang 45.
- Chọn *Save* để lưu chi tiết của đài radio đã chọn cho danh sách kênh.

■ RealPlayer™

↩ Chọn **Menu** → **RealPlayer**.



Với RealPlayer™, bạn có thể phát các tập tin media lưu trong bộ nhớ điện thoại hoặc thẻ nhớ hay xem qua các liên kết trực tuyến. Liên kết trực tuyến có thể được kích hoạt trong khi đang trình duyệt hoặc được lưu lại trong bộ nhớ điện thoại hoặc thẻ nhớ.

Các tập tin media là video, nhạc hoặc các đoạn âm thanh.

RealPlayer hỗ trợ các tập tin có phần mở rộng .3gp, .aac, .amr, .mp3, .mp4, .rm và .ram.

RealPlayer không nhất thiết hỗ trợ tất cả các định dạng hay biến thể của các dạng tập tin. Ví dụ, RealPlayer sẽ phát tất cả các tập

tin dạng .mp4. Tuy nhiên, một số tập tin .mp4 có các nội dung không tương thích chuẩn 3GPP và vì vậy, không được điện thoại hỗ trợ. Trong trường hợp này, ứng dụng có thể không hoạt động hoặc chỉ có thể phát được một đoạn hoặc thông báo lỗi.

RealPlayer sử dụng bộ nhớ dùng chung. Xem phần "[Bộ nhớ dùng chung](#)" ở trang ix.

 Các tùy chọn trong RealPlayer khi đang mở tập tin: *Play, Continue, Stop, Mute, Unmute, Clip details, Send, Settings, Help, và Exit.*

Phát các tập tin media

Để phát tập tin media lưu trong bộ nhớ điện thoại hoặc thẻ nhớ, di chuyển đến tập tin và bấm phím điều khiển để phát tập tin này, hoặc di chuyển đến RealPlayer và chọn **Options** → *Open* và:

- *Saved clip* - Để phát một tập tin được lưu trong Bộ sưu tập. Xem phần "[Gallery \(Bộ sưu tập\)](#)" ở trang 36.
- *Mem. card sound clips* - Để nghe các tập tin âm thanh được lưu trên thẻ nhớ.

Để phát qua mạng:

- Chọn một liên kết được lưu trong Bộ sưu tập. Trước khi

phát trực tuyến, điện thoại sẽ kết nối vào trang và truy nhập vào tập tin.

- Mở liên kết đến một tập tin trong trình duyệt.

Để phát nội dung trực tuyến, bạn phải cấu hình điểm truy cập mặc định trước. Xem phần "[Access point](#)" ở trang 86.

Nhiều nhà cung cấp dịch vụ sẽ yêu cầu bạn sử dụng Điểm Truy cập Internet (IAP) làm điểm truy cập mặc định. Các nhà cung cấp dịch vụ khác cho phép bạn sử dụng điểm truy cập WAP. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để biết thêm thông tin.

Trong RealPlayer, bạn chỉ có thể mở một địa chỉ URL `rtsp://` Bạn không thể mở địa chỉ URL `http://`; tuy nhiên, RealPlayer sẽ nhận ra một liên kết `http` đến một tập tin .ram vì .ram là một tập tin văn bản có chứa liên kết `rtsp`.



Cảnh báo: Không để điện thoại gần tai khi sử dụng loa vì âm lượng loa có thể rất lớn.

Các phím tắt trong khi phát

Khi đang phát tập tin media, sử dụng phím điều khiển để tìm (luột nhanh đến tập tin media), và để tắt âm, thực hiện như sau:

Di chuyển phím điều khiển lên để tiến về trước, hoặc xuống để quay trở lại trong tập tin media.

Di chuyển phím điều khiển sang trái cho đến khi chỉ báo  hiển thị để ngắt âm thanh.

Di chuyển phím điều khiển sang phải cho đến khi bạn nhìn thấy biểu tượng  để bật âm thanh.

Thay đổi cài đặt

↩ Chọn **Options** → *Settings* → *Video*, *Audio* hoặc *Connection*.

Di chuyển phím điều khiển sang phải hoặc sang trái để di chuyển giữa các thẻ cài đặt khác nhau dành cho *Video* và *Connection*.

Chọn *Video* để thay đổi danh sách các cài đặt sau:

- *Contrast* - Mở khung trượt để thay đổi độ tương phản.
- *Repeat* - Chọn *On* để tự động bắt đầu phát lại tập tin video hiện thời khi đã hoàn tất.

Chọn *Audio* để thay đổi danh sách các cài đặt sau:

- *Repeat* - Chọn *On* để điện thoại tự động phát tập tin âm thanh hiện thời khi đã hoàn tất.
- *Random play* - Chọn *On* để máy chọn và phát các tập tin âm thanh theo ngẫu nhiên.

Chọn *Connection* để thay đổi cài đặt kết nối.

■ Movie director



"muvees" là các đoạn video clip ngắn được biên tập có chứa video, nhạc và văn bản. Một *Quick muvee* đã được tự động tạo bằng chương trình Movie director sau khi bạn đã chọn kiểu muvee. Chương trình Movie director sử dụng văn bản và âm nhạc mặc định kết hợp với kiểu đã chọn. Mỗi kiểu có đặc điểm riêng, ví dụ như phông chữ, màu sắc, nhạc và giai điệu riêng. Với *Custom muvee*, bạn có thể chọn đoạn video và đoạn nhạc, hình ảnh và kiểu riêng, và bạn cũng có thể thêm phần thông điệp mở đầu và kết thúc. Bạn có thể gửi muvee qua MMS.

↩ Chọn **Menu** → **Movie** và di chuyển phím điều khiển sang phải hoặc sang trái để di chuyển giữa giao diện  đạo diễn phim và  muvee-clip. Để trở về giao diện chính trong giao diện  muvee-clip, bấm **Done**.

Giao diện  muvee-clip có một danh sách các đoạn muvee video clip mà bạn có thể *Play*, *Send*, *Rename*, và *Delete*.



Mẹo: Để tải các kiểu mới về điện thoại, chọn *Style downloads* từ giao diện **Movie director**.

- Để tạo một quick muvee, chọn *Quick muvee* và bấm phím điều khiển. Chọn một kiểu trong danh sách và bấm phím điều khiển. Muvée vừa tạo sẽ được lưu trong danh sách Movie director. Muvée sẽ được phát tự động sau khi lưu.
 - Để tạo một custom muvee, chọn *Custom muvee*. Với *Video, Image, Style*, hoặc *Music*, chọn các đoạn phim bạn muốn đưa vào muvee. Với *Message*, bạn có thể thêm phần văn bản mở đầu và kết thúc cho muvee. Chọn *Create muvee* và chọn độ dài muvee:
 - *Multimedia message* - độ dài muvee được tối ưu hóa để gửi qua tin nhắn MMS.
 - *Same as music* - để cài thời lượng muvee giống như đoạn nhạc đã chọn.
-  Các tùy chọn trong menu danh sách muvee: *Play, Send, Rename, Delete, Help* và *Exit*.
- *User defined* - để xác định độ dài đoạn muvee.

Bấm **OK** để khởi động tạo muvee.

- Để xem muvee tùy chỉnh trước khi lưu, trong giao diện *Preview muvee*, chọn **Options** → *Play*.
- Để tạo một muvee tùy chỉnh mới bằng cách sử dụng cài đặt cùng loại, chọn **Options** → *Recreate*.
- Để thêm đoạn văn bản mở đầu và kết thúc cho đoạn muvee tùy chỉnh khi đang tạo, trong giao diện *Create muvee*, chọn *Message*. Nhập thông điệp mở đầu và kết thúc vào và chọn **Done**.

Setting (Cài đặt)

Chọn *Settings* để chỉnh sửa các tùy chọn sau:

- *Memory in use* - Chọn nơi lưu các đoạn muvee của bạn.
- *Resolution* - Chọn độ phân giải cho các đoạn muvee của bạn.
- *Default muvee name* - Đặt tên mặc định cho các đoạn muvee.

7. Messaging

↔ Chọn **Menu** → **Messaging**.

Trong mục Nhắn tin, bạn có thể tạo, gửi, nhận, xem, chỉnh sửa, và sắp xếp các tin nhắn văn bản, tin nhắn đa phương tiện, tin nhắn e-mail, bản trình chiếu, tài liệu, tin nhắn thông minh và những tin nhắn văn bản đặc biệt có chứa dữ liệu. Bạn cũng có thể nhận tin nhắn và dữ liệu qua kết nối hồng ngoại hoặc công nghệ Bluetooth, nhận tin nhắn dịch vụ, tin nhắn quảng bá và gửi các lệnh dịch vụ.

Lưu ý chỉ những điện thoại có hỗ trợ chức năng tin nhắn hình mới có thể nhận và hiển thị tin nhắn hình.

Các tin nhắn văn bản và tin nhắn đa phương tiện sử dụng bộ nhớ dùng chung. Xem phần "**Bộ nhớ dùng chung**" ở trang ix.

Điện thoại hỗ trợ gửi tin nhắn văn bản không quá giới hạn 160 ký tự. Nếu tin nhắn vượt quá 160 ký tự, nó sẽ được gửi dưới dạng một chuỗi hai hoặc nhiều tin nhắn.

Trong thanh chỉ dẫn phía trên màn hình, bạn có thể thấy chỉ báo độ dài tin nhắn đếm lùi từ 160. Ví dụ, 10 (2) nghĩa là bạn vẫn có thể thêm 10 ký tự cho văn bản để gửi đi thành hai tin nhắn.

Lưu ý sử dụng các ký tự đặc biệt (Unicode) như ã, â, ã, ã sẽ chiếm nhiều khoảng trống hơn.

Nếu có các ký tự đặc biệt trong tin nhắn, chỉ báo sẽ không hiển thị đúng độ dài tin nhắn. Trước khi tin nhắn được gửi đi, điện thoại sẽ thông báo nếu tin nhắn vượt quá độ dài tối đa của một tin nhắn. Bạn có thể hủy việc gửi tin nhắn bằng cách bấm **Cancel** hoặc bạn có thể lưu tin nhắn vào.

▴ Các tùy chọn trong giao diện Nhắn tin: *Create message*, *Connect* (chỉ hiển thị nếu bạn đã xác định cài đặt cho hộp thư), hoặc *Disconnect* (chỉ hiển thị nếu đang có một kết nối đến hộp thư), *SIM messages*, *Cell broadcast*, *Service command*, *Settings*, *Help*, và *Exit*.

Khi bạn mở mục Nhắn tin, bạn có thể nhìn thấy chức năng *New message* và một danh sách các thư mục mặc định:

↓ **Inbox** - Chứa các tin nhắn đã nhận ngoại trừ e-mail và các tin nhắn quảng bá. E-mail sẽ được lưu trong *Mailbox*. Bạn có thể đọc các tin nhắn quảng bá bằng cách chọn **Options** → *Cell broadcast*.

 **My folders** - sắp xếp hoặc lưu các tin nhắn của bạn vào thư mục này.

 **Mailbox** - Khi bạn mở thư mục này, bạn có thể kết nối với hộp thư từ xa để nhận e-mail hoặc xem các e-mail đã tải về trước đó trong tình trạng không kết nối vào mạng. Sau khi bạn đã xác định cài đặt cho hộp thư mới, tên của hộp thư đó sẽ thay thế *Mailbox* trong giao diện chính. Xem phần "**E-mail**" ở [trang 62](#).

 **Drafts** - Lưu các tin nhắn nhấp chưa được gửi đi.

 **Sent** - Lưu 20 tin nhắn đã được gửi mới nhất. Bạn có thể thay đổi số tin nhắn cần lưu. Xem phần "**Cài đặt thư mục Other**" ở [trang 64](#).

Tin nhắn hoặc dữ liệu đã được gửi qua kết nối hồng ngoại hoặc công nghệ Bluetooth sẽ không được lưu trong thư mục Nháp hoặc Đã gửi.

 **Outbox** - Là nơi lưu tạm thời các tin nhắn đang chờ gửi.

 **Reports** (dịch vụ mạng) - Bạn có thể yêu cầu mạng gửi báo cáo tin nhắn văn bản, tin nhắn thông minh và tin nhắn đa phương tiện mà bạn đã gửi. Để bật chức năng nhận báo cáo, chọn **Options** → *Settings* →

Text message hoặc *Multimedia message*, di chuyển đến *Receive report*, và chọn *Yes*.

Bạn sẽ không thể nhận được báo cáo đã gửi tin nhắn đa phương tiện đến một địa chỉ e-mail.

■ Viết và gửi tin nhắn

↩ Chọn **Menu** → **Messaging**.

▴ Các tùy chọn trong trình chỉnh sửa tin nhắn văn bản:

Send, Add recipient, Insert, Delete, Check contacts, Message details, Sending options, Help, và Exit.

Trước khi tạo tin nhắn đa phương tiện, viết một e-mail hoặc kết nối với hộp thư từ xa, bạn phải thiết lập đúng thông số cài đặt kết nối. Xem phần "**Cài đặt dành cho e-mail**" ở [trang 54](#). Xem phần "**Cài đặt đa phương tiện**" ở [trang 54](#).

1. Chọn *New message*. Danh sách các tùy chọn tin nhắn sẽ mở ra. Chọn:

- *Create:* → *Text message* để tạo tin nhắn văn bản.

Để gửi một tin nhắn hình, chọn **Options** → *Insert* → *Picture*.

Mỗi tin nhắn hình được tạo thành từ nhiều tin nhắn văn bản. Vì vậy, gửi một tin nhắn hình có thể tốn kém hơn gửi một tin nhắn văn bản.

- *Create*: → *Multimedia message* để gửi tin nhắn đa phương tiện (MMS).

Việc bảo vệ bản quyền có thể sẽ không cho phép sao chép, chỉnh sửa hay chuyển tiếp một số hình ảnh, kiểu chuông hay nội dung khác.

- *Create*: → *E-mail* để gửi e-mail. Nếu bạn chưa thiết lập tài khoản e-mail, bạn sẽ được yêu cầu thực hiện điều này.

Để thêm một đối tượng media vào e-mail, chọn **Options** → *Insert* → *Image, Sound clip, Video clip, Note* hoặc *Template*.

2. Bấm phím điều khiển để chọn (những) người nhận trong Danh bạ, hoặc nhập số điện thoại hoặc địa chỉ e-mail của người nhận vào trường *To*: nếu bạn đang gửi tin MMS hoặc e-mail đến người nhận. Bấm phím * để thêm dấu chấm phẩy (;) để tách biệt từng người nhận.

3. Di chuyển phím điều khiển xuống để đến trường tin nhắn.
4. Viết tin nhắn.

- Để thêm một đối tượng media vào tin nhắn đa phương tiện, chọn **Options** → *Insert object* → *Image, Sound clip* hoặc *Video clip*. Để thêm một đối tượng media mới vào, chọn **Options** → *Insert new* → *Image, Sound clip, Video clip* hoặc *Slide*. Chọn mục bạn muốn thêm vào. Khi âm thanh đã được thêm vào, biểu tượng  sẽ hiển thị trên thanh di chuyển. Nếu bạn chọn *Insert new* → *Sound clip*, Máy ghi âm sẽ mở ra và bạn có thể ghi âm đoạn âm thanh mới. Đoạn âm thanh sẽ được tự động lưu lại và bản copy sẽ được chèn vào tin nhắn.

5. Để gửi tin nhắn, chọn **Options** → *Send* hoặc bấm phím **gọi**.



Lưu ý: Chức năng tin nhắn hình chỉ có thể được dùng nếu nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ hỗ trợ. Chỉ những điện thoại có hỗ trợ chức năng nhắn tin hình mới có thể nhận và hiển thị tin nhắn hình. Chỉ các điện thoại tương thích có các tính năng tin nhắn đa phương tiện hoặc e-mail mới có thể nhận và hiển thị tin nhắn đa phương tiện.

Cài đặt đa phương tiện

↔ Chọn **Options** → *Settings* → *Multimedia message*.

Mở *Access point in use* và chọn điểm truy cập mà bạn đã tạo. Xem phần "**Tin nhắn đa phương tiện**" ở trang 61.

Bạn có thể nhận thông số cài đặt dưới dạng tin nhắn thông minh từ nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ. Xem phần "**Nhận tin nhắn thông minh**" ở trang 55.

Để biết tính khả dụng và thuê bao dịch vụ dữ liệu, xin liên hệ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ.

Cài đặt mặc định của dịch vụ tin nhắn đa phương tiện là bật.

Hình thức của tin nhắn đa phương tiện có thể thay đổi tùy thuộc vào điện thoại nhận tin nhắn.

Cài đặt dành cho e-mail

Trước khi bạn có thể gửi, nhận, truy lại, trả lời và chuyển tiếp e-mail đến một tài khoản e-mail riêng biệt, bạn phải:

- Cấu hình đúng Điểm Truy cập Internet (IAP). Xem phần "**Connection settings**" ở trang 86.
- Xác định đúng thông số cài đặt e-mail. Xem phần "**E-mail**" ở trang 62.

Thực hiện theo các hướng dẫn nhận được từ hộp thư từ xa và nhà cung cấp dịch vụ Internet.

Inbox (Hộp thư đến)



↔ Chọn **Menu** → **Messaging** → **Inbox**.

▴ Các tùy chọn trong Hộp thư đến: *Open, Create message, Reply, Delete, Message details, Move to folder, Mark/Unmark, Help*, và *Exit*.

Khi có tin nhắn chưa đọc trong Hộp thư đến, biểu tượng sẽ thay đổi thành .

Trong Hộp thư đến, biểu tượng tin nhắn sẽ cho bạn biết loại tin nhắn đó. Sau đây là một số biểu tượng mà bạn thường gặp:

 cho biết tin nhắn văn bản chưa đọc và  cho biết tin nhắn thông minh chưa đọc

 cho biết có tin nhắn đa phương tiện chưa đọc

 cho biết có tin nhắn dịch vụ WAP chưa đọc

 cho biết dữ liệu được nhận qua hồng ngoại

 cho biết dữ liệu được nhận qua công nghệ Bluetooth

 cho biết loại tin nhắn chưa được nhận dạng.

Xem các đối tượng đa phương tiện

 Các tùy chọn trong giao diện Đối tượng: *Open*, *Save*, *Send*, *Call*, và *Exit*.

Để xem loại đối tượng media đính kèm trong tin nhắn đa phương tiện, mở tin nhắn và chọn **Options** → *Objects*. Trong Đối tượng, bạn có thể xem các tập tin đã được đính kèm trong tin nhắn đa phương tiện. Bạn có thể chọn để lưu tập tin trong điện thoại hoặc để gửi, ví dụ qua hồng ngoại hoặc công nghệ Bluetooth đến một thiết bị tương thích khác.



Chú ý: Thận trọng khi mở các tin nhắn. Các tin nhắn có thể chứa phần mềm nguy hại hay có thể có hại cho thiết bị hoặc máy PC của bạn.

Nhận tin nhắn thông minh

Điện thoại có thể nhận nhiều loại tin nhắn thông minh, tin nhắn văn bản có chứa dữ liệu (còn được gọi là tin nhắn OTA). Xem phần "**Cài đặt đa phương tiện**" và phần "**Cài đặt dành cho e-mail**" ở [trang 54](#) để biết thêm thông tin về cài đặt cho máy. Để mở một tin nhắn thông minh, mở Hộp thư đến, di chuyển đến tin nhắn đó () và bấm phím điều khiển.

- *Picture message* - Để lưu hình trong thư mục *Picture messages* trong Bộ sưu tập để sử dụng sau, chọn **Options** → *Save picture*.
- *Business card* - Để lưu thông tin liên lạc, chọn **Options** → *Save business card*.
- *Ringtone* - Để lưu kiểu chuông vào Bộ sưu tập, chọn **Options** → *Save*.

- *Operator logo* - Để lưu logo, chọn **Options** → *Save*. Logo mạng bây giờ có thể được nhìn thấy ở chế độ chờ thay vì biểu tượng nhận dạng của nhà điều hành mạng.
- *Calendar entry* - Để lưu lời mời vào mục Lịch, chọn **Options** → *Save to Calendar*.
- *Web message* - Để lưu chỉ mục, chọn **Options** → *Save to bookmarks*. Chỉ mục sẽ được thêm vào danh sách Chỉ mục trong dịch vụ trình duyệt.

Nếu tin nhắn có chứa cài đặt điểm truy cập trình duyệt và chỉ mục, để lưu dữ liệu, chọn **Options** → *Save all*. Hoặc chọn **Options** → *View details* để xem chỉ mục và thông tin điểm truy cập riêng. Nếu bạn không muốn lưu tất cả dữ liệu, chọn một cài đặt hoặc chỉ mục, mở thông tin chi tiết và chọn **Options** → *Save to Settings* hoặc *Save to bookmarks* tùy thuộc vào thông tin mà bạn đang xem.

- *E-mail notification* - Cho bạn biết có bao nhiêu e-mail mới đã nhận được trong hộp thư từ xa. Một thông báo mở rộng sẽ liệt kê các thông tin chi tiết như chủ đề, người gửi, các tập tin đính kèm, v.v...

- Ngoài ra, bạn có thể nhận số dịch vụ tin nhắn văn bản, số hộp thư thoại, thông số cài đặt cấu hình cho việc đồng bộ từ xa, thông số cài đặt điểm truy cập để trình duyệt, nhắn tin đa phương tiện hoặc e-mail, thông số cài đặt mã đăng nhập điểm truy cập hoặc thông số cài đặt e-mail.

Để lưu cài đặt, chọn **Options** → *Save to SMS sett.*, *Save to Voice mail*, *Save to Settings*, hoặc *Save to e-mail sett.*

Nhận tin nhắn dịch vụ

Tin dịch vụ (dịch vụ mạng) là những thông báo, ví dụ như các tiêu đề tin tức, và có thể chứa tin nhắn văn bản hoặc địa chỉ dịch vụ trình duyệt. Để biết tính khả dụng và thuê bao, xin liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ.

■ My folders (Thư mục riêng)



↩ Chọn **Menu** → **Messaging** → **My folders**.

Trong Thư mục riêng, bạn có thể sắp xếp tin nhắn của bạn trong các thư mục, tạo thư mục mới, đổi tên và xóa thư mục.

■ Mailbox

☛ Chọn **Menu** →
Messaging →
Mailbox.



Khi bạn mở thư mục này, bạn có thể kết nối vào hộp thư từ xa (dịch vụ mạng) để:

- truy lại tiêu đề e-mail hoặc tin nhắn hoặc
- xem các tiêu đề e-mail hoặc tin nhắn đã truy lại trước đó.

Khi bạn di chuyển đến hộp thư và bấm phím điều khiển, điện thoại sẽ hỏi bạn có muốn

Connect to mailbox? Chọn *Yes* để kết nối với hộp thư hoặc *No* để xem các tin nhắn e-mail đã tải về trước đó ở trạng thái ngoại tuyến.

Cách khác để kết nối là chọn **Options** → *Connect*.

Nếu bạn chọn *New message* → *Create*: → *E-mail* hoặc *Mailbox* trong giao diện Nhấn tin chính và bạn chưa cài đặt tài khoản e-mail, điện thoại sẽ nhắc bạn thực hiện điều đó. Xem phần "**Cài đặt dành cho e-mail**" ở trang 54.

Khi bạn tạo một hộp thư mới, tên mà bạn đặt cho hộp thư sẽ tự động thay thế *Mailbox* trong giao diện Nhấn tin. Bạn có thể có nhiều hộp thư (tối đa sáu).

Khi bạn đang trực tuyến, chọn **Options** → *Disconnect* để kết thúc cuộc gọi dữ liệu hoặc ngắt kết nối GPRS với hộp thư từ xa.

Tải e-mail về từ hộp thư

☛ Chọn **Options** → *Connect*.

Thao tác này sẽ khởi tạo kết nối với hộp thư từ xa.

1. Khi bạn đang có một kết nối với hộp thư từ xa, chọn **Options** → *Retrieve e-mail* → :

- *New* - Để tải tất cả e-mail mới về điện thoại.
- *Selected* - Để chỉ tải về các e-mail đã được đánh dấu. Sử dụng chức năng **Options** → *Mark/Unmark* để chọn từng tin nhắn. Xem phần "**Các thao tác chung cho tất cả ứng dụng**" ở trang 8.

- *All* - Để tải về tất cả tin nhắn trong hộp thư.

Để hủy việc tải về, bấm **Cancel**.

2. Sau khi tải xong tin nhắn e-mail, bạn có thể xem tin nhắn đó trực tuyến. Chọn **Options** → *Disconnect* để đóng kết nối và để xem các tin nhắn e-mail ở trạng thái ngoại tuyến.

3. Để mở một tin nhắn e-mail, di chuyển đến e-mail bạn muốn xem và bấm phím điều khiển. Trong trường hợp e-mail chưa được tải về (mũi tên trong biểu tượng lúc này hướng ra ngoài) và bạn đang ở chế độ không kết nối mạng và chọn **Options** → *Open*, bạn sẽ được hỏi liệu bạn có muốn tải tin nhắn này về từ hộp thư không.

- Để xem e-mail đính kèm, mở một tin nhắn có chỉ báo đính kèm  và chọn **Options** → *Attachments*. Trong Tập tin đính kèm, bạn có thể tải về, mở hoặc lưu tập tin đính kèm với định dạng được hỗ trợ. Bạn cũng có thể gửi tập tin đính kèm qua hồng ngoại hoặc công nghệ Bluetooth.

Nếu hộp thư của bạn sử dụng giao thức IMAP4, bạn có thể xác định chỉ tải về tiêu đề e-mail, tin nhắn hoặc tin nhắn và các tập tin đính kèm. Với giao thức POP3, các tùy chọn là chỉ tiêu đề e-mail hoặc tin nhắn và tập tin đính kèm. Xem phần "**E-mail**" ở trang 62.



Chú ý: Thận trọng khi mở các tin nhắn. Các tin nhắn có thể chứa phần mềm nguy hại hay có thể có hại cho thiết bị hoặc máy PC của bạn.

Xóa các tin nhắn e-mail

- Để xóa một e-mail từ điện thoại trong khi vẫn giữ e-mail trong hộp thư từ xa:

Chọn **Options** → *Delete* → *Phone only*.

Điện thoại sẽ sao lại tiêu đề e-mail trong hộp thư từ xa. Vì vậy, mặc dù bạn đã xóa nội dung tin nhắn, tiêu đề e-mail vẫn còn lưu trong điện thoại. Để xóa cả tiêu đề, xóa tin nhắn e-mail từ hộp thư từ xa trước, sau đó kết nối điện thoại với hộp thư từ xa lại để cập nhật tình trạng.

- Để xóa e-mail trong cả điện thoại và hộp thư từ xa:

Chọn **Options** → *Delete* → *Phone and server*.

Nếu bạn chưa kết nối vào mạng, e-mail trong điện thoại sẽ bị xóa trước. Trong lần kết nối kế tiếp vào hộp thư từ xa, e-mail sẽ được xóa tự động khỏi hộp thư từ xa. Nếu bạn đang sử dụng giao thức

POP3, tin nhắn được đánh dấu xóa sẽ bị xóa chỉ sau khi bạn đã ngắt kết nối với hộp thư từ xa.

- Để hủy việc xóa e-mail trong cả điện thoại và server, di chuyển đến một e-mail đã được đánh dấu xóa trong lần kết nối kế tiếp và chọn **Options** → *Undelete*.

■ Outbox

↩ Chọn **Menu** → **Messaging** → **Outbox**.



Hộp thư đi là nơi lưu tạm thời các tin nhắn đang chờ gửi.

Tình trạng tin nhắn trong Hộp thư đi:

- *Sending* - Kết nối sẽ được thực hiện và tin nhắn sẽ được gửi.
- *Waiting/Queued* - Ví dụ, nếu có hai loại tin nhắn tương tự trong Hộp thư đi, một tin nhắn sẽ đợi cho đến khi tin nhắn đầu tiên được gửi.
- *Resend at XXX* (thời gian) - Không gửi được tin nhắn. Điện thoại sẽ gửi lại tin nhắn sau thời gian nghỉ. Bấm **Options** → *Send* nếu bạn muốn gửi lại ngay.

- *Deferred* - Bạn có thể cài các tài liệu ở trạng thái "giữ" khi đang ở trong Hộp thư đi. Di chuyển đến tin nhắn đang chờ gửi và chọn **Options** → *Defer sending*.
- *Failed* - Sau khi cố gắng gửi lại với số lần gửi tối đa. Nếu bạn đang cố gắng gửi một tin nhắn văn bản, mở tin nhắn đó và kiểm tra xem cài đặt Gửi có đúng không.



Lưu ý: Khi gửi tin nhắn, điện thoại sẽ hiển thị thông báo "Đã gửi tin". Thông báo này cho biết điện thoại đã gửi tin nhắn đến số trung tâm nhắn tin được lập trình trong điện thoại. Điều này không cho biết nơi dự định gửi đến đã nhận được tin nhắn hay chưa. Để biết thêm chi tiết về dịch vụ tin nhắn, xin kiểm tra với nhà cung cấp dịch vụ.

■ Xem các tin nhắn trong thẻ SIM

Trước khi bạn có thể xem các tin nhắn trong thẻ SIM, bạn cần phải copy các tin nhắn này vào một thư mục trong điện thoại. Xem phần "**Các thao tác chung cho tất cả ứng dụng**" ở trang 8.

■ Cell broadcast



↩ Chọn **Menu** →
Messaging → **Options**
→ **Cell broadcast**.

Bạn có thể nhận tin nhắn theo các chủ đề khác nhau, ví dụ như dự báo thời tiết hoặc điều kiện giao thông từ nhà cung cấp dịch vụ (dịch vụ mạng). Để biết về các chủ đề có sẵn và các chủ đề thích hợp, liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ. Trong giao diện chính, bạn có thể thấy:

- tình trạng của chủ đề: - dành cho các tin nhắn mới, đã đăng ký và
 - dành cho các tin nhắn mới, chưa đăng ký

▀ Các tùy chọn trong Tin nhắn quảng bá: *Open, Subscribe, Unsubscribe, Hotmark, Remove hotmark, Topic, Settings, Help, và Exit.*

- số chủ đề, tên chủ đề và có được đánh dấu () theo dõi hay không. Bạn sẽ được thông báo khi có tin nhắn đến thuộc chủ đề được đánh dấu.

Kết nối dữ liệu gói (GPRS) có thể ngăn không cho nhận tin nhắn quảng bá. Liên hệ với nhà điều hành mạng để có thông số cài đặt GPRS đúng.

■ Service command



↩ Chọn **Menu** → **Messaging** → **Options** → **Service command**.

Nhập và gửi các yêu cầu dịch vụ (còn gọi là lệnh USSD), ví dụ như các lệnh khởi động cho dịch vụ mạng, đến nhà cung cấp dịch vụ.

■ Cài đặt nhắn tin

↩ Chọn **Menu** → **Messaging** → **Options** → **Settings**.

Text message

↩ Chọn **Text message**. Danh sách các cài đặt sau sẽ mở ra:

- *Message centres* - Liệt kê tất cả các trung tâm nhắn tin đã được xác nhận.

▀ Các tùy chọn khi chỉnh sửa cài đặt trung tâm nhắn tin: *New msg. centre, Edit, Delete, Help, và Exit.*

- *Msg. centre in use* (Trung tâm nhắn tin đang sử dụng) - Xác định trung tâm nhắn tin nào đang được sử dụng để gửi tin nhắn văn bản và tin nhắn thông minh, ví dụ như tin nhắn hình ảnh hạn.
- *Receive report* (báo cáo) - Khi dịch vụ mạng này được cài *Yes*, tình trạng của tin nhắn đã gửi (*Pending, Failed,*

Delivered) sẽ hiển thị trong phần Báo cáo (Dịch vụ Mạng). Bạn sẽ không thể nhận được báo cáo đã gửi tin nhắn đa phương tiện đến một địa chỉ e-mail.

- *Message validity* - Nếu người nhận không nhận được tin nhắn trong thời hạn còn hiệu lực, tin nhắn sẽ bị xóa khỏi trung tâm dịch vụ tin nhắn. Lưu ý mạng phải hỗ trợ tính năng này. *Maximum time* là khoảng thời gian hiệu lực tối đa mà tin nhắn được phép lưu trên mạng.
- *Message sent as* - Các tùy chọn là *Text*, *Fax*, *Paging*, và *E-mail*. Để biết thêm thông tin, xin liên hệ với nhà điều hành mạng.
- *Preferred connection* - Bạn có thể gửi tin nhắn văn bản qua mạng GSM thông thường hoặc qua GPRS, nếu được mạng hỗ trợ.
- *Reply via same ctr.* (dịch vụ mạng) - Bằng cách cài đặt tùy chọn này sang *Yes*, khi người nhận hồi đáp tin nhắn của bạn, tin nhắn sẽ được gửi qua cùng số trung tâm dịch vụ nhắn tin. Lưu ý rằng không phải tất cả dịch vụ mạng đều cung cấp tùy chọn này. Để biết tính khả dụng, liên hệ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ.

Tin nhắn đa phương tiện

➡ Chọn **Multimedia message**.

Danh sách các cài đặt sẽ mở ra:

- *Access point in use (Must be defined)* - Chọn điểm truy cập nào sẽ được sử dụng làm kết nối ưu tiên cho trung tâm nhắn tin đa phương tiện. Xem phần "[Cài đặt đa phương tiện](#)" ở trang 54.

Nếu bạn nhận được các thông số cài đặt tin nhắn đa phương tiện trong tin nhắn thông minh và lưu lại, các cài đặt nhận được sẽ được tự động sử dụng cho Điểm truy cập. Xem phần "[Nhận tin nhắn thông minh](#)" ở trang 55.

- *Multimedia reception* - Chọn:
 - *Only in home net.* - Để nhận tin nhắn đa phương tiện chỉ khi bạn đang ở trong mạng chủ. Khi bạn đang ở ngoài mạng chủ, điện thoại sẽ không nhận tin nhắn đa phương tiện.
 - *Always on* - Để luôn nhận tin nhắn đa phương tiện.
 - *Off* - Để không nhận bất kỳ tin nhắn đa phương tiện hoặc tin quảng cáo nào.
- *On receiving msg.* - Chọn:

- *Retr. immediately* - Để điện thoại tải về ngay các tin nhắn đa phương tiện. Nếu có tin nhắn trong tình trạng Tạm hoãn, bạn cũng sẽ nhận được các tin nhắn này.
- *Defer retrieval* - Để trung tâm nhắn tin đa phương tiện lưu lại tin nhắn để tải về sau. Để tải tin nhắn về, cài *On receiving msg.* sang *Retr. immediately*.
- *Reject message* - Để từ chối tin nhắn đa phương tiện. Trung tâm nhắn tin đa phương tiện sẽ xóa tin nhắn này.
- *Allow anon. messages* - Chọn *No* để từ chối tin nhắn gửi đến từ người gửi ẩn danh.
- *Receive adverts* - Xác định xem bạn có muốn nhận tin nhắn quảng cáo đa phương tiện hay không.
- *Reports* - Cài sang *Yes*, nếu bạn muốn tình trạng của tin nhắn đã gửi (*Pending, Failed, Delivered*) hiển thị trong phần Báo cáo.
- *Deny report sending* - Chọn *Yes*, nếu bạn không muốn điện thoại gửi báo cáo đã nhận tin nhắn đa phương tiện.

- *Message validity* (dịch vụ mạng) - Nếu người nhận không nhận được tin nhắn trong thời hạn còn hiệu lực, tin nhắn sẽ bị xóa khỏi trung tâm nhắn tin đa phương tiện. *Maximum time* là khoảng thời gian hiệu lực tối đa mà tin nhắn được phép lưu trên mạng.
- *Image size* - Xác định kích thước của tin nhắn đa phương tiện. Các tùy chọn là: *Small* (tối đa 160 x 120 pixel) và *Large* (tối đa 640 x 480 pixel).

Cài đặt mặc định của dịch vụ tin nhắn đa phương tiện là bật.

Hình thức của tin nhắn đa phương tiện có thể thay đổi tùy thuộc vào điện thoại nhận tin nhắn.

E-mail

➡ Chọn **E-mail**.

Mở *Mailbox in use* để chọn hộp thư bạn muốn sử dụng.

Cài đặt cho Hộp thư

▴ Các tùy chọn khi chỉnh sửa cài đặt e-mail: *Editing options, New mailbox, Delete, Help*, và *Exit*.

Chọn *Mailboxes* để mở danh sách các hộp thư đã được xác nhận. Nếu không có hộp thư nào được xác nhận, bạn sẽ được yêu cầu thực hiện điều này. Danh

sách các cài đặt sau sẽ hiển thị (thông tin này được nhà cung cấp dịch vụ e-mail cung cấp):

- *Mailbox name* - Đặt tên cho hộp thư.
- *Access point in use (Must be defined)* - Điểm truy cập Internet (IAP) được sử dụng cho hộp thư. Chọn một IAP trong danh sách. Xem phần "[Connection settings](#)" ở trang 86.
- *My e-mail address (Must be defined)* - Nhập vào địa chỉ e-mail được nhà cung cấp dịch vụ cung cấp. Địa chỉ phải chứa ký tự @. Tin trả lời sẽ được gửi đến địa chỉ này.
- *Outgoing mail server: (Must be defined)* - Nhập địa chỉ IP hoặc tên của máy tính sẽ gửi e-mail.
- *Send message* (dịch vụ mạng) - Xác định cách gửi e-mail từ điện thoại. *Immediately* - Điện thoại sẽ thử kết nối với hộp thư ngay sau khi bạn chọn *Send*. *During next conn.* - E-mail sẽ được gửi khi bạn kết nối với hộp thư từ xa.
- *Send copy to self* - Chọn *Yes* để lưu bản sao của e-mail vào hộp thư từ xa, đồng thời lưu vào địa chỉ đã được xác định trong *My e-mail address*.
- *Include signature* - Chọn *Yes* để kèm theo chữ ký vào tin nhắn e-mail và để viết hoặc chỉnh sửa chữ ký.
- *User name:* - Nhập vào tên thuê bao được nhà cung cấp dịch vụ cung cấp.
- *Password:* - Nhập mật mã vào. Để tăng độ an toàn, bạn có thể bỏ trống trường này, vì thế mỗi khi bạn kết nối với hộp thư từ xa, bạn sẽ được yêu cầu nhập mật khẩu. Ngược lại với mật khẩu sẽ được tự động gửi đi.
- *Incoming mail server: (Must be defined)* - Viết địa chỉ IP hoặc tên của máy tính sẽ nhận e-mail.
- *Mailbox type:* - Xác nhận giao thức e-mail được nhà cung cấp dịch vụ khuyến nghị. Các tùy chọn là *POP3* và *IMAP4*.
Cài đặt này chỉ có thể được chọn một lần và không thể thay đổi nếu bạn đã lưu hoặc đã thoát khỏi cài đặt hộp thư.
- *Security* - Được sử dụng với các giao thức POP3, IMAP4 và SMTP để bảo mật cho kết nối với hộp thư từ xa.

- *APOP secure login* - Được sử dụng với giao thức POP3 để mã hóa mật mã gửi đến server e-mail. Sẽ không hiển thị nếu IMAP4 được chọn cho *Mailbox type*..
- *Retrieve attachments* (sẽ không hiển thị nếu giao thức e-mail được cài sang POP3) - Để tải e-mail có hoặc không có tập tin đính kèm.
- *Retrieve headers* - Để giới hạn số tiêu đề e-mail mà bạn muốn tải về điện thoại. Các tùy chọn là *All* và *User defined*. Chỉ được sử dụng với giao thức IMAP4.

Service msg

➡ Chọn **Service message**.

Danh sách các cài đặt sẽ mở ra:

- *Service messages* - Chọn xem bạn muốn nhận hoặc không nhận tin nhắn dịch vụ.
- *Download messages* - Chọn để tải các tin nhắn về tự động hoặc sau khi được bạn thỏa thuận.

Cell broadcast

Kiểm tra với nhà cung cấp dịch vụ xem chức năng Tin nhắn quảng bá (dịch vụ mạng) hiện có không và các chủ đề và số chủ đề liên quan là gì.

➡ Chọn **Cell broadcast** để thay đổi các cài đặt:

- *Reception - On* hoặc *Off*.
- *Language - All* cho phép bạn nhận tin nhắn quảng bá bằng các ngôn ngữ hiện có. *Selected* cho phép bạn chọn ngôn ngữ thể hiện trong tin nhắn quảng bá. Nếu ngôn ngữ bạn chọn không có trong danh sách, chọn *Other*.
- *Topic detection* - Nếu bạn muốn nhận tin nhắn không thuộc bất kỳ chủ đề nào hiện có, *Topic detection* → *On* cho phép bạn lưu số chủ đề tự động. Số chủ đề sẽ được lưu vào danh sách chủ đề và sẽ không có tên khi hiển thị. Chọn *Off* nếu bạn không muốn lưu các số chủ đề mới tự động.

Cài đặt thư mục Other

➡ Chọn **Other**. Danh sách các cài đặt sẽ mở ra:

- *Save sent messages* - Chọn để lưu bản sao của mỗi tin nhắn văn bản, tin nhắn đa phương tiện hoặc e-mail mà bạn đã gửi vào thư mục Các tin đã gửi.

- *No. of saved msgs.* - Xác định xem có bao nhiêu tin nhắn đã gửi sẽ được lưu vào thư mục Các tin đã gửi cùng lúc. Giới hạn mặc định là 20 tin nhắn. Khi đã đạt giới hạn đó, tin nhắn cũ nhất sẽ bị xóa.

■ Chat

↩ Chọn **Menu** → **Chat**.



▀ Các tùy chọn trong menu Trò chuyện: *Open, Login, Logout, Settings, Help, và Exit.*

Chức năng Trò chuyện (dịch vụ mạng) cho phép bạn trò chuyện với người sử dụng tin nhắn trò chuyện và tham gia vào diễn đàn (các nhóm trò chuyện) với các chủ đề khác nhau. Khi bạn đã đăng ký vào dịch vụ trò chuyện, bạn có thể đăng nhập vào server trò chuyện của nhà cung cấp dịch vụ.

Kiểm tra tính khả dụng, giá cả và thuế của các dịch vụ trò chuyện với nhà điều hành mạng và/hoặc nhà cung cấp dịch vụ. Nhà cung cấp dịch vụ cũng sẽ hướng dẫn bạn cách sử dụng các dịch vụ này.

Để truy cập vào dịch vụ trò chuyện, bạn cần phải lưu các thông số cài đặt cho dịch vụ đó. Bạn có thể nhận các thông số cài đặt từ nhà điều hành mạng

hoặc nhà cung cấp dịch vụ. Xem phần "[Nhận tin nhắn thông minh](#)" ở [trang 55](#). Bạn cũng có thể nhập các thông số cài đặt theo cách thủ công. Xem phần "[Server Trò chuyện và Presence](#)" ở [trang 71](#).

Kết nối đến một server trò chuyện

↩ Chọn **Menu** → **Chat**.

1. Điện thoại sẽ tự động kết nối với server trò chuyện. Bạn có thể thay đổi server trò chuyện. Xem phần "[Server Trò chuyện và Presence](#)" ở [trang 71](#).
2. Khi kết nối đã được thiết lập, nhập tên thuê bao và mật mã của bạn vào và bấm phím điều khiển, hoặc bấm *Cancel* để thoát kết nối mạng. Khi không kết nối mạng, điện thoại sẽ không kết nối với server trò chuyện và bạn không thể gửi hoặc nhận tin nhắn. Để đăng nhập sau, chọn **Options** → *Login*.
Nhà cung cấp dịch vụ sẽ cung cấp cho bạn số thuê bao và mật mã.
Để thoát ra, chọn **Options** → *Logout*.

Hiệu chỉnh cài đặt trò chuyện

➡ Chọn **Options** → *Settings* → *Chat settings*.

- *Use screen name* - Chọn *Yes* để nhập bí danh (tối đa 10 ký tự).
- *Chat presence* - Để ngăn không cho người khác thấy bạn đang trực tuyến, chọn *Not active*.
- *Allow messages from* - Chọn *All*, *From chat contacts* hoặc *None*.
- *Allow invitations from* - Chọn *All*, *From chat contacts* hoặc *None*.
- *Message speed* - Chọn tốc độ tin nhắn mới sẽ được hiển thị.
- *Availability reloading* - Để chọn cách cập nhật thông tin cho các liên lạc trò chuyện biết bạn đang trực tuyến hay ngoại tuyến. Chọn *Automatic* hoặc *Manual*.
- *Reload availab. for* - Chọn *All contacts* hoặc *Selected contacts*.

Tham gia và thoát khỏi nhóm trò chuyện

➡ Chọn **Menu** → **Chat** → **Chat groups**.

Danh sách các nhóm trò chuyện mà bạn đã lưu hoặc đang tham gia sẽ hiển thị. Biểu tượng kế bên một nhóm sẽ cho biết loại nhóm đó:

▴ Các tùy chọn trong Các nhóm trò chuyện: *Open*, *Join group*, *Create new group*, *Leave chat group*, *Chat group*, *Search*, *Settings*, *Help*, và *Exit*.

-  - Nhóm mà bạn đã tạo và hiện đang tham gia.
-  - Nhóm mà bạn đã tạo nhưng chưa tham gia.
-  - Nhóm mà bạn đã lưu và hiện đang tham gia.
-  - Nhóm mà bạn đã lưu nhưng chưa tham gia.
-  - Nhóm mà bạn hiện đang tham gia nhưng chưa lưu.

Để tham gia một nhóm trò chuyện: Di chuyển đến một nhóm trong danh sách và bấm phím điều khiển. Để tham gia vào nhóm trò chuyện không có trong danh sách nhưng bạn biết mã ID của nhóm này, chọn **Options** → *Join group*. Nhập mã ID của nhóm vào và bấm phím điều khiển.

Bạn có thể di chuyển đến một nhóm, chọn **Options** → *Chat group*, sau đó chọn: *Save group*, *Delete*, *View members* để xem thành viên nào hiện đang tham gia vào nhóm, *Chat group details* để xem ID nhóm, chủ đề, thành viên, các quyền chỉnh sửa trong nhóm và xem nhóm này có cho phép gửi các thông tin riêng hay không và *Chat group settings* để xem và chỉnh sửa cài đặt nhóm trò chuyện. Xem phần "**Chỉnh sửa cài đặt nhóm trò chuyện**" ở trang 70.

Để thoát khỏi nhóm trò chuyện:
Chọn **Options** → *Leave chat group*.

Tìm người sử dụng và nhóm trò chuyện

↩ Chọn **Chat groups** → **Options** → **Search** → **Groups** hoặc **Users**.

- Bạn có thể tìm **Groups** theo *Group name*, *Topic*, và *Members* (mã thuê bao). Đối với các nhóm đã tìm thấy, bạn có thể chọn *New search*, *Join* và *Save group*.
- Bạn có thể tìm **Users** theo *User's name*, *User ID*, *Phone number*, và *E-mail address*. Đối với những

người sử dụng đã tìm thấy, bạn có thể chọn *New search*, *Open conversation*, *Add to Chat contact* để lưu số liên lạc, *Send invitation*, và *Add to blocked list* để khóa (hoặc mở khóa) các tin nhắn từ số liên lạc.

Khi kết quả tìm kiếm hiển thị, bạn có thể chọn **Options** → *New search*, *More results* của cùng điều kiện tìm, và *Previous results* để xem kết quả tìm kiếm trước đó.

Tán gẫu trong nhóm trò chuyện

↩ Chọn **Menu** → **Chat** → **Chat groups**.

Khi bạn đã tham gia vào nhóm trò chuyện, bạn có thể xem các tin nhắn được trao đổi trong nhóm và gửi tin nhắn riêng.

▴ Các tùy chọn trong khi trò chuyện: *Send*, *Send private msg.*, *Reply*, *Send invitation*, *Leave chat group*, *Save group*, *Record convers.*, *Stop recording*, *Help*, và *Exit*.

- Để gửi một tin nhắn, viết tin nhắn và bấm phím điều khiển.

- Để gửi một tin nhắn riêng đến một thành viên (nếu được phép), chọn **Options** → *Send private msg.*, chọn người nhận, viết tin nhắn và bấm phím điều khiển.

Để trả lời tin nhắn riêng gửi cho bạn, chọn **Options** → *Reply*.

Để mời các số liên lạc trò chuyện hiện đang trực tuyến tham gia vào nhóm (nếu được phép), chọn **Options** → *Send invitation*, chọn các số liên lạc bạn muốn mời, viết tin nhắn mời và bấm **Done**.

Ghi âm tin nhắn

Để ghi âm lại các mẫu tin trao đổi trong nhóm trò chuyện hoặc trong một cuộc trò chuyện riêng, chọn **Options** → *Record convers..* Nhập tên cho tin nhắn và bấm phím điều khiển. Để ngừng ghi âm, bấm **Options** → *Stop recording*.

Các tập tin tin nhắn đã ghi âm sẽ được lưu vào Ghi chú. Xem phần "Note (Ghi chú)" ở trang 96.

Khóa tin nhắn

Để ngăn không nhận tin nhắn từ người trò chuyện nào đó, chọn **Options** → *Blocking options*, sau đó chọn:

- *Add to blocked list* - Để khóa tin nhắn từ người sử dụng được chọn hiện tại.

- *Add ID to list manually* - Nhập mã thuê bao của người sử dụng vào và bấm phím điều khiển.
- *View blocked list* - Để xem những người sử dụng có tin nhắn bị khóa.
- *Unblock* - Chọn người sử dụng bạn muốn xóa khỏi danh sách bị khóa và bấm phím điều khiển.

Bắt đầu và xem cuộc trò chuyện riêng

↔ Chọn **Menu** → **Chat** → **Conversations**.

Thao tác này cho phép liệt kê một danh sách những người đang trò chuyện với bạn.

▴ Các tùy chọn trong Cuộc trò chuyện: *Send, Add to chat contact, Forward, Record convers./Stop recording, Blocking options, End conversation, Help, và Exit*.

Để bắt đầu cuộc trò chuyện mới, chọn **Options** → *New conversation*, sau đó chọn:

- *Select recipient* - Để xem danh sách các số liên lạc trò chuyện đã lưu hiện đang trực tuyến. Di chuyển đến số liên lạc này và bấm phím điều khiển.

- *Enter user ID* - Nhập mã thuê bao vào và bấm phím điều khiển. Mã thuê bao được nhà cung cấp dịch vụ cung cấp cho những người đăng ký dịch vụ này.

Để xem một cuộc trò chuyện đang diễn ra, di chuyển đến người sử dụng và bấm phím điều khiển. Để tiếp tục cuộc trò chuyện, viết tin nhắn của bạn và bấm phím điều khiển. Để trở về danh sách cuộc trò chuyện mà không đóng cuộc trò chuyện hiện tại, bấm **Back**.

Để đóng cuộc trò chuyện, chọn **Options** → *End conversation*.

Biểu tượng:  kế bên người sử dụng cho biết bạn có tin nhắn mới từ người đó.

Cuộc trò chuyện hiện thời sẽ tự đóng lại khi bạn thoát khỏi Trò chuyện.

Để lưu một người sử dụng vào sổ liên lạc trò chuyện, di chuyển đến người đó và chọn **Options** → *Add to Chat contact*.

Để tự gửi tin trả lời cho tin nhắn gửi đến, chọn **Options** → *Set auto reply on*. Nhập văn bản vào và bấm **Done**.

Các liên lạc

 Chọn **Menu** → **Chat** → **Chat contacts**.

 Các tùy chọn trong Liên lạc trò chuyện: *Open, Open conversation, Switch tracking on, Belongs to groups, New Chat contact, Edit, Delete, Reload user availab., Blocking options, Search, Settings, Help, và Exit*.

Danh sách các số liên lạc trò chuyện mà bạn đã lưu sẽ hiển thị.  sẽ hiển thị kế bên các số liên lạc hiện đang trực tuyến và  cho biết các số liên lạc hiện đang không kết nối mạng.

Để tạo một số liên lạc mới, chọn **Options** → *New chat contact*. Điền vào các trường *Name* và *User ID* và bấm **Done**.

Bạn có thể di chuyển đến một số liên lạc và bấm phím điều khiển để xem chi tiết. Bấm **Options** và chọn:

- *Edit* - Nhập chi tiết số liên lạc.
- *Open conversation* - Để bắt đầu một cuộc trò chuyện mới hoặc tiếp tục cuộc trò chuyện hiện tại với số liên lạc này.
- *Switch tracking on* - Bạn sẽ được thông báo mỗi khi số liên lạc đó trực tuyến hoặc ngoại tuyến.

- *Belongs to groups* - Để xem số liên lạc trò chuyện tham gia vào nhóm nào.
- *Reload user availab.* - Để cập nhật thông tin về các số liên lạc hiện đang trực tuyến hay không kết nối mạng. Tùy chọn này có thể không có nếu bạn cài *Availability reloading* sang *Automatic* trong **Chat settings**.
- *Editing rights* - Di chuyển đến các thành viên mà bạn muốn cấp quyền và cho phép mời các số liên lạc tham gia vào nhóm.
- *Group members* - Xem phần "**Hạn chế truy cập vào nhóm trò chuyện**" ở trang 71.
- *Banned* - Hiện thị danh sách các thành viên bị cấm.
- *Allow private msgs.* - Để cho phép hoặc không cho phép nhắn tin riêng giữa các thành viên.
- *Group ID* - Sẽ được tạo tự động và không thể thay đổi.

Tạo nhóm trò chuyện mới

↩ Chọn **Chat groups** → **Options** → **Create new group**.
Nhập cài đặt cho nhóm:

- *Group name, Group topic*, và *Welcome note* mà các thành viên sẽ nhìn thấy khi họ tham gia vào nhóm.
- *Group size* - Số thành viên tối đa được phép tham gia vào nhóm.
- *Allow search* - Cho phép người dùng khác có thể tìm thấy nhóm trò chuyện bằng chức năng tìm kiếm.

Chỉnh sửa cài đặt nhóm trò chuyện

↩ Chọn **Menu** → **Chat** → **Chat groups**.

Bạn có thể chỉnh sửa cài đặt cho một nhóm trò chuyện nếu bạn đã tạo nhóm và nếu người tạo nhóm cho phép bạn chỉnh sửa. Trong giao diện **Chat groups**, di chuyển đến nhóm bạn muốn và chọn **Options** → *Chat group* → *Chat group settings*. Xem phần "**Tạo nhóm trò chuyện mới**" ở trang 70.

Hạn chế truy cập vào nhóm trò chuyện

Bạn có thể tạo một nhóm trò chuyện nội bộ bằng cách tạo danh sách **Group members**. Chỉ những người sử dụng trên danh sách mới được phép tham gia vào nhóm. Chọn giao diện **Chat groups**, di chuyển đến nhóm đó và chọn **Options** → *Chat group* → *Chat group settings* → *Group members* → *Selected only*.

- Để thêm người dùng vào danh sách, chọn *Add* và *Chat contact* hoặc *Enter user ID*.
- Để xóa một người dùng ra khỏi danh sách, di chuyển đến người dùng đó và chọn *Remove*.
- Để xóa danh sách và cho phép tất cả người sử dụng tham gia vào nhóm lại, chọn *Remove all*.

Server Trò chuyện và Presence

☛ Chọn **Options** → **Settings** → **Server settings**. Bạn có thể nhận các cài đặt dưới dạng tin nhắn thông minh từ nhà cung cấp dịch vụ.

- Để thay đổi server trò chuyện hoặc presence mà bạn muốn kết nối đến, chọn *Default server*.
- Để thay đổi kiểu đăng nhập Presence, chọn *Login type* và chọn *Automatic*, *Aut. in home net.*, hoặc *Manual*.
- Để thay đổi kiểu đăng nhập Trò chuyện, chọn *Login type* và chọn *Automatic* hoặc *Manual*.
- Để thêm một server mới, chọn **Options** → *New server*. Nhập vào hoặc chọn các cài đặt: *Server name* và *Access point in use* để kết nối với server, *Web address* của server trò chuyện, *User ID* và đăng nhập *Password*. Xem phần "**Connection settings**" ở trang 86.

Bạn sẽ nhận Mã thuê bao và mật mã từ nhà cung cấp dịch vụ khi bạn đăng ký dịch vụ này. Nếu bạn không biết Số thuê bao hoặc mật mã, liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ.

8. Tools

Application

Chọn **Menu** → **Tools**
→ **Manager**.



Bạn có thể cài đặt các ứng dụng hệ điều hành Symbian tương thích (các tập tin SIS) và ứng dụng Java™ (Java MIDlets và MIDlet suites) trên điện thoại. Bạn cũng có thể cập nhật và gỡ bỏ cài đặt các ứng dụng từ điện thoại và theo dõi quá trình cài đặt.

Điện thoại của bạn hỗ trợ các ứng dụng Java J2ME™. Không tải các ứng dụng PersonalJava™ về vì bạn không thể cài đặt các ứng dụng này vào điện thoại được.

Các tùy chọn trong giao diện Quản lý ứng dụng chính:
Install, View details, View certificate, Update, Go to web address, Remove, View log, Send log, Settings, App. downloads, Help, và Exit.

Các ứng dụng trong mục quản lý Ứng dụng sử dụng bộ nhớ dùng chung. Xem phần "**Bộ nhớ dùng chung**" ở trang ix.

Khi mở mục Quản lý ứng dụng, bạn có thể thấy danh sách:

- Các ứng dụng được lưu trong Quản lý ứng dụng.
- Các ứng dụng được cài đặt toàn phần (được chỉ báo bằng).
- Các ứng dụng được cài đặt toàn phần mà bạn có thể tháo gỡ (Được chỉ báo bằng).

Bạn chỉ có thể sử dụng các ứng dụng hệ điều hành Symbian có phần mở rộng .SIS.

Việc để các ứng dụng chạy ẩn sẽ tiêu thụ pin nhiều hơn và đồng thời làm giảm tuổi thọ của pin.

Tải một ứng dụng

Máy của bạn hỗ trợ các chương trình ứng dụng Java J2ME™.

Bạn cần đảm bảo các ứng dụng này tương thích với máy của bạn trước khi tải về. Bạn có thể tải các chương trình ứng dụng Java mới về bằng nhiều cách:

- Chọn **Menu** → **Tools** → **Manager** sau đó chọn **Options** → **App. downloads** và danh sách các chỉ mục sẽ được hiển thị.

Chọn chỉ mục thích hợp để kết nối với trang bạn cần. Nếu không kết nối được, bạn không thể truy cập trang dịch vụ có các cài đặt kết nối đang sử dụng. Trong trường hợp này, vào menu *Web* và khởi động một nhóm cài đặt dịch vụ khác. Xem phần "[Tạo kết nối](#)" ở trang 106. Thử kết nối lại với trang này.

Để biết tính khả dụng, giá cả và thuê của các dịch vụ khác nhau, liên hệ với nhà điều hành mạng và/hoặc nhà cung cấp dịch vụ.

- Chọn **Menu** → **Web** → **Download**. Chọn tải về một ứng dụng hoặc trò chơi thích hợp.
- Sử dụng phần mềm cài đặt Nokia Application từ bộ PC Suite để tải các ứng dụng về điện thoại.



Chú ý: Chỉ cài đặt và sử dụng các ứng dụng và phần mềm khác từ các nguồn đảm bảo tính bảo mật và bảo vệ chống lại phần mềm có hại.

Lưu ý rằng khi tải một ứng dụng, ứng dụng có thể được lưu trong menu *Games* thay vì menu *Web*.

Cài đặt ứng dụng

Bạn có thể cài đặt các ứng dụng được khuyến nghị dùng cho điện thoại và phù hợp với hệ điều hành Symbian.

Nếu sử dụng ứng dụng không được khuyến nghị, điện thoại có thể hoạt động sai lệch, không như thiết kế ban đầu.

- Mở chương trình Quản lý Ứng dụng, di chuyển đến ứng dụng đó và chọn **Options** → *Install* để bắt đầu cài đặt.
- Cách khác, dò tìm trong bộ nhớ máy hoặc thẻ nhớ, chọn một ứng dụng và bấm phím điều khiển để bắt đầu quá trình cài đặt.

Các ứng dụng có thể được tải về điện thoại trong khi trình duyệt dưới dạng tập tin đính kèm trong các tin nhắn đa phương tiện hoặc e-mail, hoặc được nhận qua hồng ngoại hoặc công nghệ Bluetooth từ một thiết bị khác, ví dụ như điện thoại hoặc máy PC tương thích.



Chú ý: Chỉ nên sử dụng các dịch vụ mà bạn tin cậy và cung cấp các tính năng an toàn và bảo mật đủ để ngăn chặn các phần mềm có hại.

Để gia tăng sự bảo vệ, hệ thống cài đặt ứng dụng sử dụng các chứng chỉ và chữ ký kỹ thuật số cho các ứng dụng. Không cài đặt ứng dụng nếu Chức năng Quản lý ứng dụng cảnh báo về độ an toàn trong khi cài đặt.

Nếu bạn muốn cài đặt một ứng dụng có chứa phần cập nhật hoặc sửa chữa ứng dụng hiện tại, bạn chỉ có thể khôi phục ứng dụng như ban đầu nếu bạn có cài đặt ứng dụng gốc hoặc bản dự phòng đầy đủ của ứng dụng đã gỡ bỏ. Để khôi phục lại ứng dụng ban đầu, trước tiên tháo bỏ ứng dụng được cập nhật và chỉnh sửa, sau đó cài đặt lại từ ứng dụng gốc hoặc từ bản dự phòng.

Trong quá trình cài đặt, điện thoại sẽ kiểm tra tính toàn vẹn của ứng dụng được cài đặt. Điện thoại sẽ hiển thị một số thông tin giúp bạn quyết định sẽ xem tiếp tục hay hủy bỏ quá trình cài đặt. Khi ứng dụng đáp ứng được tính toàn vẹn, nó sẽ được cài đặt vào máy.

Cài đặt ứng dụng Java™

Quá trình cài đặt yêu cầu phải có tập tin .JAR. Nếu không có, điện thoại sẽ yêu cầu bạn tải tập tin này về. Nếu không có điểm truy cập nào được xác nhận cho Chương trình quản lý ứng dụng,

bạn sẽ được yêu cầu chọn một điểm truy cập. Trong quá trình tải tập tin .JAR về, bạn cần phải nhập tên thuê bao và mật mã để truy cập vào server. Nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp ứng dụng sẽ cung cấp cho bạn tên thuê bao và mật mã.

- Để khởi tạo một kết nối dữ liệu và xem thêm thông tin về ứng dụng, di chuyển đến ứng dụng đó và chọn **Options** → *Go to web address*.
- Để kết nối ứng dụng và kiểm tra xem có bản cập nhật ứng dụng nào hiện có không, di chuyển đến ứng dụng đó và chọn **Options** → *Update*.

Cài đặt Java

- Để thay đổi điểm truy cập mặc định mà ứng dụng Java sử dụng để tải về các dữ liệu bổ sung, chọn **Options** → *Settings* → *Access point*. Xem phần "**Access point**" ở trang 86.
- Để thay đổi các cài đặt bảo vệ xác định các hoạt động mà một ứng dụng Java được phép thực hiện, chọn **Options** → *Settings*.

Không phải tất cả ứng dụng Java đều cho phép bạn thay đổi cài đặt bảo vệ.

Vào một ứng dụng

1. Chọn **Menu** → **Web** → **Applications** → **Select application**.
2. Di chuyển đến một ứng dụng hoặc một nhóm ứng dụng (tên phụ thuộc vào ứng dụng).
3. Chọn **Options** → **Open** hoặc bấm phím **gọi**. Bạn sẽ vào ngay ứng dụng nếu chọn ứng dụng đơn.

Mặt khác, danh sách các ứng dụng trong nhóm ứng dụng được chọn sẽ hiển thị. Để bật một ứng dụng, di chuyển đến ứng dụng đó và chọn **Options** → **Open**, hoặc bấm phím **gọi**.

Lưu ý rằng việc sử dụng một số ứng dụng có thể làm tiêu hao pin nhanh hơn (do đó bạn cần nổi điện thoại với bộ sạc khi sử dụng các ứng dụng này).

Các tùy chọn khác có sẵn cho ứng dụng hoặc nhóm ứng dụng

- **Delete** - Để xóa chương trình ứng dụng hoặc nhóm chương trình ứng dụng này ra khỏi điện thoại.
- **Application access** - Để hạn chế ứng dụng truy cập mạng. Chọn **Ask first** và điện thoại sẽ yêu cầu khi truy cập mạng, **Always allowed**

để cho phép truy cập mạng, hoặc **Not allowed** để không cho phép truy cập mạng.

- **Update** - Để kiểm tra nếu phiên bản mới của chương trình ứng dụng có sẵn để tải về từ dịch vụ (dịch vụ mạng).
- **Go to web address** - Để cung cấp thêm thông tin hoặc dữ liệu cho chương trình ứng dụng từ trang Internet. Tính năng này cần được mạng hỗ trợ. Tính năng này chỉ được hiển thị nếu địa chỉ Internet được cung cấp cùng với chương trình ứng dụng.
- **Details** - Để xem thêm thông tin về chương trình ứng dụng.

Memory Status (Hiện trạng bộ nhớ Ứng Dụng)

↔ Chọn **Menu** → **Extras** → **Memory**.

Hiển thị dung lượng bộ nhớ dành cho cài đặt trò chơi và ứng dụng.

Ứng dụng sử dụng bộ nhớ dùng chung. Xem phần "**Bộ nhớ dùng chung**" ở trang ix.

Xóa một ứng dụng

1. Để xóa một ứng dụng, di chuyển đến ứng dụng đó và chọn **Options** → **Remove**.
2. Bấm **Yes** để xác nhận.

Nếu bạn xóa một ứng dụng, bạn chỉ có thể cài đặt lại ứng dụng này nếu bạn có bản cài đặt ứng dụng gốc hoặc bản dự phòng đầy đủ. Nếu bạn đã xóa ứng dụng, bạn sẽ không xem được các tài liệu được tạo bởi ứng dụng đó nữa. Các ứng dụng khác phụ thuộc vào ứng dụng này cũng có thể sẽ không hoạt động. Tham khảo tài liệu về ứng dụng cài đặt để biết chi tiết.

■ File Manager (Quản lý tập tin)



↩ Chọn **Menu** → **Tools** → **File manager**.

Trong chương trình Quản lý tập tin, bạn có thể duyệt, mở và quản lý các tập tin và thư mục trong bộ nhớ điện thoại hoặc thẻ nhớ.

▴ Các tùy chọn trong giao diện Quản lý tập tin chính: *Open, Send, Delete, Move to folder, Copy to folder, New folder, Mark/Unmark, Rename, Find, Receive via infrared, View details, Memory details, Help, và Exit.*

Mở chương trình Quản lý tập tin để xem danh sách các thư mục trong bộ nhớ điện thoại. Di chuyển phím điều khiển sang phải để xem các thư mục trên thẻ nhớ, nếu bạn đang sử dụng thẻ nhớ.

Bạn có thể trình duyệt, mở và tạo các thư mục, đánh dấu chọn, copy và chuyển các mục vào thư mục. Xem phần "[Các thao tác chung cho tất cả ứng dụng](#)" ở [trang 8](#).

Việc bảo vệ bản quyền có thể sẽ không cho phép sao chép, chỉnh sửa hay chuyển tiếp một số hình ảnh, kiểu chuông hay nội dung khác.

Nhận các tập tin qua Hồng ngoại

↩ Chọn **Options** → *Receive via infrared*.

Các tập tin nhận được sẽ được tự động lưu vào thư mục gốc và bạn có thể xóa hoặc copy sang các thư mục khác. Xem phần "[Kết nối Hồng ngoại](#)" ở [trang 116](#).

Dung lượng bộ nhớ đã dùng

↔ Chọn **Options** → *Memory details*.

Nếu điện thoại có cài đặt thẻ nhớ, bạn sẽ có hai bộ nhớ để xem, một cho thẻ nhớ và một cho bộ nhớ của điện thoại.

Di chuyển phím điều khiển sang phải hoặc sang trái để chuyển giữa thẻ nhớ này sang thẻ nhớ khác.

Để kiểm tra dung lượng đã dùng của bộ nhớ hiện hành, chọn **Options** → *Memory details*.

Điện thoại sẽ tính toán dung lượng xấp xỉ còn trống của bộ nhớ dùng để lưu dữ liệu và cài đặt ứng dụng mới.

Trong phần xem bộ nhớ, bạn có thể xem dung lượng bộ nhớ đã sử dụng cho các nhóm dữ liệu khác nhau: *Calendar, Contacts, Documents, Images, Sound files, Video clips, Messages, Applications, Mem. in use, và Free memory*.

Nếu bộ nhớ điện thoại gần hết, hãy xóa một số tập tin, hoặc chuyển chúng sang thẻ nhớ. Xem phần "**Giải quyết sự cố**" ở trang 121.

Voice command



↔ Chọn **Menu** → **Tools** → **Voice com..**

Bạn có thể dùng chức năng Lệnh thoại để kích hoạt các ứng dụng và cấu hình, và gọi số điện thoại trong Danh bạ mà không cần dùng đến màn hình điện thoại. Bạn chỉ cần ghi âm một từ, nhóm từ (lệnh thoại) sau đó phát âm lại để mở các ứng dụng, kích hoạt cấu hình hoặc quay số điện thoại.

Bạn chỉ có thể gán cho mỗi đối tượng một lệnh thoại duy nhất.

▴ Các tùy chọn trong giao diện Lệnh thoại chính: *Add voice command, Open, New application, Playback, Change, Delete, Delete all, Help, và Exit*.

Bất kỳ (những) lời nói nào đều có thể dùng làm lệnh thoại.

- Khi ghi âm, giữ điện thoại ở khoảng cách gần so với miệng. Sau khi nghe âm phát ra, đọc rõ (các) từ bạn muốn ghi âm làm khẩu lệnh.

Trước khi sử dụng chức năng khẩu lệnh, nên lưu ý:

- Khẩu lệnh không tùy thuộc vào ngôn ngữ mà tùy thuộc vào giọng người nói.

- Bạn phải đọc tên chính xác như khi ghi âm khẩu lệnh.
- Khẩu lệnh rất nhạy với tiếng ồn xung quanh. Ghi âm khẩu lệnh và sử dụng chúng trong môi trường yên tĩnh.
- Không chấp nhận các tên quá ngắn. Sử dụng các tên dài và tránh các tên tương tự cho các số điện thoại khác nhau.



Lưu ý: Sử dụng khẩu lệnh có thể gặp khó khăn trong một môi trường ồn ào hoặc trong trường hợp khẩn cấp, vì thế bạn không nên chỉ dựa vào chức năng quay số bằng khẩu lệnh trong mọi trường hợp.

Gán một lệnh thoại cho một ứng dụng

1. Trong giao diện Lệnh thoại, di chuyển đến ứng dụng bạn muốn thêm lệnh thoại và chọn **Options** → *Add voice tag*.

Để cài lệnh thoại cho một cấu hình, bạn phải mở thư mục Cấu hình và chọn cấu hình cụ thể.

Để thêm một ứng dụng vào danh sách ứng dụng trong giao diện lệnh thoại, chọn **Options** → *New application*, di chuyển đến ứng dụng bạn muốn thêm vào và bấm **Select**.

2. Thông báo *Press 'Start', then speak after tone* sẽ hiển thị.
 - Bấm **Start** để ghi âm lệnh thoại. Điện thoại sẽ phát một âm báo và thông báo *Speak now* sẽ hiển thị.
3. Đọc lệnh thoại. Điện thoại sẽ ngưng ghi âm sau khoảng 5 giây.
4. Sau khi ghi âm, điện thoại sẽ phát lệnh thoại đã ghi và thông báo *Playing voice command* sẽ hiển thị. Nếu bạn không muốn lưu cuộc ghi âm, bấm **Quit**.
5. Khi đã lưu xong lệnh thoại, thông báo *Voice command saved* sẽ hiển thị và một tiếng bíp sẽ phát ra. Bạn sẽ nhìn thấy một biểu tượng  kế bên ứng dụng.

Kích hoạt một ứng dụng bằng lệnh thoại

1. Ở chế độ chờ, bấm và giữ **phím chọn phải**. Một âm ngắn sẽ phát ra và thông báo *Speak now* sẽ hiển thị.
2. Khi bạn khởi động một ứng dụng bằng lệnh thoại, giữ điện thoại ở khoảng cách gần so với miệng và mặt và phát âm lệnh thoại thật rõ ràng.
3. Điện thoại sẽ phát lại khẩu lệnh gốc và kích hoạt ứng dụng. Nếu điện thoại phát lệnh thoại không đúng, bấm **Retry**.

Phát lại, xóa hoặc đổi lệnh thoại

Để phát lại, xóa hoặc thay đổi lệnh thoại, di chuyển đến mục có lệnh thoại (được chỉ báo bằng ☎), chọn **Options**, rồi chọn:

- *Playback* - Để nghe lại lệnh thoại.
- *Change* - Ghi âm một lệnh thoại mới. Bấm **Start** để ghi âm.
- *Delete* - Để xóa lệnh thoại.

■ Device manager

↩ Chọn **Menu** → **Tools** → **Device mgr.**

Trình Quản lý thiết bị cho phép bên thứ ba, chẳng hạn như nhà cung cấp dịch vụ, hỗ trợ bạn cài đặt trực tiếp cho điện thoại. Để dùng chức năng quản lý thiết bị, điện thoại của bạn phải được kết nối và đồng bộ với máy chủ của bên thứ ba. Bạn có thể bắt đầu phiên đồng bộ từ điện thoại của mình, và có thể chấp nhận hay từ chối yêu cầu đồng bộ do máy chủ khởi tạo.

▴ Các tùy chọn trong giao diện Quản lý thiết bị chính:

Start configuration, New server profile, Edit profile, Delete, Enable config. / Disable config., View log, Help, và Exit.

Chức năng này phụ thuộc vào nhà điều hành và chỉ có hiệu lực trên một số loại điện thoại. Liên hệ nhà cung cấp dịch vụ để biết tính khả dụng và thông tin chi tiết.

Bạn phải xác định cấu hình quản lý thiết bị trước khi kết nối vào máy chủ. Bên thứ ba đang hỗ trợ bạn sẽ giúp bạn cài đặt cấu hình này:

- *Server name* - Hiển thị tên server.
- *Server ID* - Mã số nhận dạng máy chủ quản lý thiết bị từ xa.
- *Server password* - Mật khẩu dùng khi máy chủ thông báo. Nhập mật khẩu được máy chủ quản lý thiết bị cấp trong khi đồng bộ với điện thoại của bạn.
- *Access point* - Điểm truy cập Internet mà điện thoại bạn dùng để thiết lập kết nối đến máy chủ. Chọn một điểm trong danh sách điểm truy cập trên điện thoại bạn.
- *Host address* - Địa chỉ URL của máy chủ quản lý thiết bị.
- *Port* - Cổng máy chủ quản lý thiết bị.
- *User name* - Tên thuê bao bạn dùng cho cấu hình này.
- *Password* - Mật mã bạn dùng cho cấu hình này.
- *Allow configuration* - Chức năng quản lý thiết bị được cho phép trên máy chủ. Chọn *Yes* hoặc *No*.
- *Auto-accept all reqs.* - Tự động hoặc chấp nhận quản lý thiết bị trên máy chủ này. Chọn *Yes* để cho phép đồng bộ mà không cần xác nhận, hoặc chọn *No* để xác nhận mỗi khi thực hiện đồng bộ.

9. Cài đặt riêng điện thoại

■ Profiles (Cấu hình)



↩ Chọn **Menu** →
Profiles.

Tùy chọn trong giao diện
Cấu hình chính: *Activate*,
Personalise, *Create new*,
Delete profile, *Help*, và
Exit.

Trong Cấu hình, bạn có thể điều chỉnh và tạo các kiểu chuông điện thoại cho các sự kiện, môi trường hoặc nhóm người gọi khác nhau. Bạn có thể thấy cấu hình được chọn hiện tại ở phía trên màn hình điện thoại ở chế độ chờ. Nếu cấu hình Bình thường đang được sử dụng, chỉ có ngày hiện tại được hiển thị.

Để thay đổi cấu hình, di chuyển đến một cấu hình và chọn **Options** → *Activate*.

Để chỉnh sửa một cấu hình, di chuyển đến cấu hình đó trong danh sách Cấu hình và chọn **Options** → *Personalise*. Để tạo một cấu hình mới, chọn **Options** → *Create new*. Một danh sách các cài đặt cấu hình sẽ mở ra. Di chuyển đến cài đặt bạn muốn thay đổi và bấm phím điều khiển để mở các tùy chọn:

- *Ringling tone* - Để cài kiểu chuông cho các cuộc gọi thoại, hãy chọn một kiểu trong danh sách. Bấm phím bất kỳ để ngừng âm thanh. Nếu bạn sử dụng thẻ nhớ, chuông sẽ được lưu vào thẻ nhớ và biểu tượng  hiển thị kế bên tên kiểu chuông. Kiểu chuông sử dụng bộ nhớ dùng chung. Xem phần "**Bộ nhớ dùng chung**" ở trang ix. Bạn cũng có thể thay đổi các kiểu chuông trong Danh bạ. Xem phần "**Thêm nhạc chuông**" ở trang 26.
- *Ringling type* - Khi chọn *Ascending*, âm lượng chuông sẽ bắt đầu ở mức một và tăng dần từng mức cho đến mức đã cài.
- *Ringling volume* - Bạn có thể cài mức độ âm lượng của kiểu chuông và âm báo có tin nhắn.
- *Message alert tone* - Cài âm báo cho tin nhắn.
- *Chat alert tone* - Cài âm báo cho tin nhắn trò chuyện.
- *Vibrating alert* - Cài chế độ rung cho điện thoại khi có các cuộc gọi và tin nhắn đến.

- *Keypad tones* - Cài mức âm lượng cho âm bàn phím.
- *Warning tones* - Điện thoại sẽ phát âm báo, khi pin yếu chẳng hạn.
- *Alert for* - Cài điện thoại chỉ reo các cuộc gọi từ các số điện thoại thuộc nhóm người gọi đã chọn. Điện thoại sẽ bỏ qua khi có cuộc gọi đến từ số máy không thuộc nhóm đã chọn. Các tùy chọn là *All calls* hoặc (danh sách các nhóm liên lạc, nếu bạn đã tạo).

■ Themes

➡ Chọn **Menu** → **Themes**.



▴ Các tùy chọn trong giao diện Chủ đề chính: *Preview*, *Apply*, *Edit*, *Theme downloads*, *Help*, và *Exit*.

Bạn có thể thay đổi màn hình hiển thị bằng cách chọn một chủ đề. Một chủ đề có thể bao gồm các hình nền tĩnh, bảng màu, màn hình bảo vệ và hình nền trong 'Menu nhanh'. Chính sửa một chủ đề để thể hiện cá tính cho chiếc điện thoại của bạn.

Khi mở **Themes**, bạn sẽ thấy một danh sách các chủ đề hiện có. Chủ đề đang được sử dụng được chỉ báo bằng một dấu chọn. Di chuyển phím điều khiển sang phải để xem các chủ đề trên thẻ nhớ, nếu bạn đang sử dụng thẻ nhớ.

Để xem trước một chủ đề, di chuyển đến chủ đề đó và chọn **Options** → *Preview* để xem chi mục. Bấm *Apply* để kích hoạt tùy chọn. Bạn có thể kích hoạt một chủ đề mà không cần xem trước bằng cách chọn **Options** → *Apply* trong giao diện chính.

Nhóm các yếu tố từ nhiều chủ đề khác, hoặc hình ảnh từ Bộ sưu tập để tạo thêm nhiều chủ đề của riêng bạn.

Chỉnh sửa một chủ đề:

1. Di chuyển đến một chủ đề, chọn **Options** → *Edit* và chọn:

- *Wallpaper* - Để chọn một hình từ một trong các chủ đề hiện có hoặc chọn hình của riêng bạn từ Bộ sưu tập để làm hình nền khi ở chế độ chờ.
- *Colour palette* - Thay đổi tông màu được sử dụng trên màn hình.

- *Screen saver* - Chọn nội dung hiển thị trên thanh màn hình bảo vệ: ngày và giờ hoặc đoạn văn bản do bạn tự soạn. Vị trí và màu nền của thanh màn hình bảo vệ sẽ thay đổi từng phút một. Màn hình bảo vệ cũng sẽ thay đổi để chỉ báo số tin nhắn mới hoặc các cuộc gọi bị nhỡ. Bạn cũng có thể cài khoảng thời gian trước khi màn hình bảo vệ được kích hoạt. Xem phần "[Phone settings](#)" ở trang 84.

- *Image in 'Go to'* - Để chọn một hình từ một trong các chủ đề hiện có hoặc chọn hình của riêng bạn từ Bộ sưu tập để làm hình nền trong Menu nhanh.

2. Di chuyển đến yếu tố cần được chỉnh sửa và chọn **Options** → *Change*.
3. Chọn **Options** → *Set* để chọn cài đặt hiện thời. Để xem trước yếu tố đã chọn, chọn **Options** → *Preview*. Lưu ý bạn không thể xem trước tất cả các yếu tố.

Để khôi phục chủ đề được chọn hiện thời trở về cài đặt gốc, chọn **Options** → *Restore orig. theme* khi chỉnh sửa một chủ đề.

■ Settings



Thay đổi cài đặt chung

↩ Chọn **Menu** → **Settings**

1. Di chuyển đến nhóm cài đặt và bấm phím điều khiển để mở ra.
2. Di chuyển đến cài đặt bạn muốn thay đổi và bấm phím điều khiển để:
 - chuyển đổi giữa các tùy chọn nếu chỉ có hai tùy chọn (**Bật/Tắt**),
 - mở danh sách tùy chọn hoặc chức năng chỉnh sửa,
 - mở khung trượt và di chuyển phím điều khiển sang phải hoặc sang trái để tăng hoặc giảm giá trị tương ứng.

Bạn cũng có thể nhận một số tin nhắn từ nhà cung cấp dịch vụ dưới dạng tin nhắn ngắn. Xem phần "[Nhận tin nhắn thông minh](#)" ở trang 55.

Phone settings

➡ Chọn **Phone**.



General

- *Phone language* - Thay đổi ngôn ngữ dùng để hiển thị văn bản trên điện thoại của bạn. Việc thay đổi này cũng có thể ảnh hưởng đến các định dạng ngày và giờ và các dấu phân cách, ví dụ như trong các phép tính. Nếu bạn chọn *Automatic*, điện thoại sẽ chọn ngôn ngữ tùy theo thông tin lưu trên thẻ SIM của bạn. Sau khi bạn đã thay đổi ngôn ngữ hiển thị, bạn phải khởi động lại máy.

Thay đổi cài đặt cho *Phone language* hoặc *Writing language* sẽ ảnh hưởng đến từng ứng dụng trong điện thoại và thay đổi này được duy trì cho đến khi bạn thay đổi các thông số cấu hình này lần nữa.

- *Writing language* - Thay đổi ngôn ngữ viết trên điện thoại. Sự thay đổi này sẽ ảnh hưởng đến:
 - các ký tự có sẵn khi bạn bấm phím bất kỳ 1 - 9
 - tự điển tiên đoán được sử dụng

- các ký tự đặc biệt khi bạn bấm phím * và phím 1.
- *Dictionary* - Cài kiểu nhập văn bản tiên đoán *On* hoặc *Off* cho tất cả các chương trình chỉnh sửa trên điện thoại. Chọn ngôn ngữ dùng cho kiểu nhập văn bản tiên đoán trong danh sách ngôn ngữ hiện có. Bạn cũng có thể thay đổi cài đặt này khi đang soạn thảo văn bản. Bấm phím # và chọn *Dictionary* → *Dictionary on* hoặc *Off*.
- *Welcome note or logo* - Biểu tượng chào hoặc lời chào sẽ được hiển thị nhanh mỗi khi bạn bật điện thoại. Chọn *Default* nếu bạn muốn sử dụng ảnh tĩnh hay ảnh động mặc định. Chọn *Text* để viết lời chào (tối đa 50 chữ). Chọn *Image* để chọn hình chụp hoặc hình ảnh từ Bộ sưu tập.
- *Orig. phone settings* - Cài lại một số cài đặt trở về giá trị ban đầu. Để thực hiện, bạn cần phải có mã khóa. Xem phần "[Security](#)" ở [trang 90](#). Sau khi cài đặt lại các cài đặt về giá trị ban đầu, điện thoại có thể cần nhiều thời gian hơn khi khởi động. Tất cả tài liệu và tập tin bạn đã tạo đều không bị thay đổi.

Standby mode

- *Left selection key* và *Right selection key* - Thay đổi các phím tắt nằm trên phím chọn trái  và phím chọn phải  các phím chọn khi ở chế độ chờ. Ngoài các ứng dụng này, bạn có thể cài phím tắt dùng cho một chức năng nào đó, ví dụ, *New message*.

Bạn chỉ có thể tạo các phím tắt cho các ứng dụng hoặc chức năng được cài đặt sẵn.

Display

- *Brightness* - Điều chỉnh độ sáng cho màn hình.
- *Screen saver timeout* - Màn hình riêng sẽ được kích hoạt khi hết thời gian nghỉ. Khi màn hình riêng được kích hoạt, màn hình sẽ trống và bạn có thể nhìn thấy thanh màn hình riêng.
 - Bấm phím bất kỳ để tắt màn hình riêng.

Call settings

 Chọn **Call**.



Send my caller ID (dịch vụ mạng)

- Cài số điện thoại hiển thị (*Yes*) hoặc giấu số điện thoại của mình (*No*) từ người mà

bạn đang gọi điện. Hoặc giá trị tùy chọn này sẽ được nhà cung cấp dịch vụ cài đặt khi bạn đăng ký.

Call waiting (dịch vụ mạng)

- Mạng sẽ báo cho bạn biết có một cuộc gọi đến đang chờ trong khi bạn đang đàm thoại. Chọn *Activate* để yêu cầu mạng kích hoạt cuộc gọi chờ, *Cancel* để yêu cầu mạng tắt cuộc gọi chờ, hoặc *Check status* để kiểm tra xem chức năng này đã được kích hoạt hay chưa.

Automatic redial

- Khi cài đặt này được kích hoạt, điện thoại sẽ cố nối cuộc gọi tối đa mười lần sau lần gọi không được. Bấm phím **kết thúc** để ngừng tự động quay lại số.

Summary after call

- Kích hoạt chức năng này nếu bạn cần xem thông tin nhanh các thông tin gần đúng về thời lượng của cuộc gọi sau cùng.

Speed dialling

- Chọn *On*, và các số điện thoại đã được gán cho các phím quay số nhanh (**2 - 9**) có thể được quay bằng cách bấm và giữ phím số tương ứng. Xem

phần "Gán các phím quay số nhanh" ở trang 27.

Anykey answer

- Chọn *On* và bạn có thể trả lời cuộc gọi đến bằng cách bấm nhanh phím bất kỳ, ngoại trừ **phím chọn phải**. —, phím nguồn và phím **kết thúc**.

Line in use (dịch vụ mạng)

- Cài đặt này chỉ được hiển thị khi SIM hỗ trợ hai số thuê bao, tức hai số điện thoại. Chọn số điện thoại (*Line 1* hoặc *Line 2*) bạn muốn sử dụng để thực hiện cuộc gọi và gửi tin nhắn ngắn. Bạn có thể trả lời cuộc gọi trên cả hai số máy bất kể đã chọn số máy nào.



Lưu ý: Bạn không thể thực hiện cuộc gọi nếu bạn chọn *Line 2* mà không thuê bao dịch vụ mạng này.

Để ngăn việc chọn lựa này, chọn *Line change* → *Disable* nếu thẻ SIM hỗ trợ chức năng này. Để thay đổi chức năng này bạn cần có mã PIN2.

Connection settings



↔ Chọn **Connection settings**.

Access point

Ở đây bạn có thể xem một giải thích ngắn cho mỗi cài đặt có thể cần dùng cho các kết nối dữ liệu và điểm truy cập khác nhau. Nếu bạn chưa sử dụng điện thoại để kết nối WAP, bạn cần phải liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để được hỗ trợ trong lần kết nối đầu tiên.

Nhiều nhà cung cấp dịch vụ sẽ yêu cầu bạn sử dụng điểm IAP làm điểm truy cập mặc định. Các nhà cung cấp dịch vụ khác cho phép bạn sử dụng điểm truy cập WAP. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để biết thêm thông tin.

Bắt đầu điền các thông số cài đặt từ thông số đầu tiên, tùy thuộc vào kết nối dữ liệu mà bạn chọn (*Data bearer*), chỉ có một số trường nhất định là có hiệu lực.

- *Connection name* - Đặt tên mô tả cho kết nối.
- *Data bearer* - Các tùy chọn là *GPRS*, *Data call* hoặc *High speed (GSM)*. Tùy thuộc vào kiểu kết nối dữ liệu bạn chọn, chỉ có một số trường cài đặt có thể sử dụng. Điền tất cả các trường được

đánh dấu bằng thông báo **Must be defined** hoặc có dấu hoa thị. Các trường khác có thể để trống, trừ phi bạn được nhà cung cấp dịch vụ hướng dẫn làm cách khác.

Để có thể sử dụng kết nối dữ liệu, nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ phải hỗ trợ chức năng này, và nếu cần, kích hoạt chức năng này bằng thẻ SIM của bạn.

- *Access point name* (chỉ dành cho dữ liệu gói) - Điện thoại sẽ yêu cầu tên điểm truy cập để thiết lập kết nối với mạng GPRS. Bạn có thể nhận tên điểm truy cập từ nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ.
- *Dial-up number* - Số điện thoại modem của điểm truy cập.
- *User name* - Nhập tên thuê bao nếu nhà cung cấp dịch vụ yêu cầu. Máy sẽ yêu cầu tên thuê bao để thiết lập kết nối dữ liệu, tên thuê bao này thường được nhà cung cấp dịch vụ cung cấp. Tên thuê bao được phân biệt chữ hoa và chữ thường.
- *Prompt password* - Nếu bạn phải nhập mật mã mới mỗi khi đăng nhập vào một

server, hoặc nếu bạn không muốn lưu mật mã của bạn vào điện thoại, chọn *Yes*.

- *Password* - Máy sẽ yêu cầu mật khẩu để thiết lập kết nối dữ liệu, mật khẩu này thường được nhà cung cấp dịch vụ cung cấp. Mật khẩu thường được phân biệt chữ hoa và chữ thường. Khi bạn nhập mật khẩu, các ký tự bạn nhập sẽ được hiển thị nhanh sau đó chuyển sang các dấu hoa thị (*). Cách dễ nhất để nhập số là bấm và giữ số cần nhập, sau đó là nhập các ký tự chữ.
- *Authentication - Normal/Secure*.
- *Homepage* - Tùy thuộc vào các cài đặt bạn đang cài, nhập:
 - địa chỉ dịch vụ, hoặc
 - địa chỉ của trung tâm nhắn tin đa phương tiện.
- *Data call type - Analogue, ISDN v.110, hoặc ISDN v.120* sẽ xác định khi nào điện thoại sẽ dùng kết nối analog hoặc kết nối kỹ thuật số. Cài đặt này tùy thuộc vào cả mạng GSM và Nhà cung cấp dịch vụ Internet (ISP) của bạn, do một số mạng GSM không hỗ trợ một số kiểu kết nối ISDN. Để biết thêm chi tiết, liên hệ ISP của bạn. Nếu

kết nối ISDN sẵn sàng, thì việc thiết lập kết nối sẽ nhanh hơn phương pháp dùng kết nối analog.

- *Maximum data speed*- Các tùy chọn là *Automatic*, 9600, 14400, 19200, 28800, 38400 hoặc 43200, tùy thuộc vào việc chọn *Data call type*. Tùy chọn này cho phép bạn giới hạn tốc độ kết nối tối đa khi sử dụng dữ liệu GSM. Tốc độ truyền dữ liệu càng cao thì chi phí sẽ càng đắt hơn, tùy thuộc nhà cung cấp dịch vụ.

Tốc độ trên đại diện cho tốc độ tối đa mà phiên kết nối của bạn có thể hoạt động. Trong phiên kết nối, tốc độ truyền có thể thấp hơn, tùy theo điều kiện của mạng.

Chọn → Cài đặt nâng cao

- *Phone IP address* - Địa chỉ IP của điện thoại.
- *Primary name server* - Địa chỉ IP của server DNS chính.
- *Second. name server* - Địa chỉ IP của server DNS phụ.
- *Proxy serv. address* - Địa chỉ IP của máy chủ proxy.

- *Proxy port number* - Số cổng của máy chủ proxy.

Để nhập các cài đặt này, hãy liên hệ nhà cung cấp dịch vụ Internet.

Các cài đặt sau sẽ được hiển thị nếu bạn đã chọn chế độ gọi dữ liệu làm kiểu kết nối:

- *Use callback* - Tùy chọn này cho phép máy chủ gọi lại cho bạn sau khi nhận tín hiệu kết nối ban đầu của bạn. Liên hệ nhà cung cấp dịch vụ để đăng ký thuê bao dịch vụ này.

Điện thoại sẽ đón cuộc gọi lại với giá thiết cuộc gọi này có cài đặt cuộc gọi dữ liệu tương tự như cuộc gọi yêu cầu gọi lại mà điện thoại đã gửi đi. Mạng phải hỗ trợ kiểu cuộc gọi này theo cả hai hướng đến và đi từ điện thoại.

- *Callback type* - Các tùy chọn là *Use server no./ Use other no..* Bạn nên hỏi nhà cung cấp dịch vụ để có cài đặt chính xác.
- *Callback number* - Nhập vào số gọi dữ liệu của điện thoại mà máy chủ sẽ dùng để gọi lại. Thông thường, đây là số điện thoại của cuộc gọi dữ liệu từ máy bạn.

- *Use PPP compression* - Khi được cài *Yes*, tùy chọn này sẽ nâng cao tốc độ truyền dữ liệu, nếu được máy chủ PPP từ xa hỗ trợ. Nếu có trục trặc khi thiết lập kết nối, hãy thử cài tùy chọn này sang *No*. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để biết thêm hướng dẫn.
- *Use login script* - Các tùy chọn là *Yes/No*.
- *Login script* - Nhập mã script đăng nhập vào.
- *Modem initialisation* (Chuỗi kích hoạt modem) - Điều khiển modem của bạn bằng các lệnh AT. Nếu cần, bạn hãy nhập các ký tự chỉ định bởi nhà cung cấp dịch vụ Internet.

GPRS

➡ Chọn **GPRS**.

Các cài đặt GPRS ảnh hưởng đến tất cả các điểm truy cập dùng kết nối truyền dữ liệu.

GPRS connection - Nếu bạn chọn *When available* và nếu mạng hỗ trợ dữ liệu gói, điện thoại sẽ đăng ký vào mạng GPRS và các tin nhắn ngắn sẽ được gửi qua GPRS. Tương tự, việc bắt đầu một phiên truyền dữ liệu hiện hành, ví dụ như, để gửi

và nhận e-mail, sẽ được thực hiện nhanh hơn. Nếu bạn chọn *When needed*, điện thoại sẽ sử dụng kết nối dữ liệu gói chỉ khi bạn khởi động một ứng dụng hoặc một hoạt động liên quan đến dữ liệu gói. Kết nối GPRS có thể bị đóng lại khi không có ứng dụng nào sử dụng đến.

Nếu không có hòa mạng GPRS và bạn đã chọn *When available*, điện thoại sẽ cố gắng thiết lập kết nối truyền dữ liệu gói định kỳ.

Access point - Bạn sẽ cần đến tên điểm truy cập nếu muốn sử dụng điện thoại như một modem truyền dữ liệu cho máy tính.

Cuộc gọi data

➡ Chọn **Data call**.

Cài đặt *Data call* sẽ ảnh hưởng đến tất cả các điểm truy cập dùng cuộc gọi dữ liệu qua mạng GSM.

Online time - Nếu không có tác vụ nào diễn ra thì cuộc gọi dữ liệu sẽ tự động ngắt kết nối khi hết thời gian nghỉ. Trong **Options** → *Change*, chọn *User defined* để nhập thời gian vào hoặc *Unlimited*.

Date and time

➡ Chọn **Date and time**.



Cài đặt *Date and time* cho phép bạn cài đặt ngày và giờ trong máy, kể cả việc thay đổi dạng thức hiển thị ngày, giờ và dấu phân cách.

- *Time* và *Date* - để đặt ngày và giờ.
- *Date format* - chọn dạng hiển thị theo cách của Châu Âu, Mỹ hay Nhật.
- *Date separator* - để chọn các dấu phân cách ngày.
- *Time format* - để chọn định dạng *24-hour* và *12-hour*.
- *Time separator* - để chọn các dấu phân cách giờ.
- *Clock type* → *Analogue* hoặc *Digital* - Để thay đổi cách hiển thị đồng hồ ở chế độ chờ. Xem phần "[Clock \(Đồng hồ\)](#)" ở trang 98.
- *Clock alarm tone* - Để thay đổi âm báo được phát khi đến thời gian báo thức.
- *Auto time update* - Cho phép lấy thông tin cập nhật về ngày, giờ và múi giờ về máy (dịch vụ mạng). Để cài đặt *Auto time update* có hiệu lực, bạn cần khởi động điện

thoại lại. Sau đó kiểm tra xem có cảnh báo nào xuất hiện do tác động của cài đặt *Auto time update*.

- *GMT offset* - Để thay đổi múi giờ của đồng hồ.
- *Daylight-saving* - Để bật hoặc tắt chức năng tiết kiệm năng lượng vào ban ngày.

Security

➡ Chọn **Security**.



Điện thoại và SIM

Bạn có thể chọn các mã sau: mã khóa, mã PIN và mã PIN2. Các mã này có thể chỉ gồm các số từ 0 đến 9.

Tránh sử dụng mã truy cập tương tự với các số khẩn cấp, như 112 để tránh việc tình cờ quay số khẩn cấp.

PIN code request - Khi kích hoạt tính năng này, bạn sẽ phải nhập mã PIN mỗi lần bật điện thoại. Lưu ý một số thẻ SIM không cho phép tắt chức năng hỏi mã PIN.

PIN code/PIN2 code/Lock code - Mở cài đặt này nếu bạn muốn thay đổi mã.

Autolock period - Bạn có thể cài đặt thời hạn cho chức năng tự khóa, là khoảng thời gian nghỉ của điện thoại mà sau

đó máy sẽ tự khóa lại và để sử dụng máy lại, bạn cần nhập đúng mã khóa. Nhập thời gian nghỉ theo phút hoặc chọn *None* để tắt chức năng tự động khóa này.

- Để mở khóa điện thoại, nhập mã khóa vào.

Lock if SIM changed - Chọn *Yes* nếu bạn muốn điện thoại yêu cầu nhập mã mở khóa khi một thẻ SIM lạ được cài vào máy. Điện thoại quản lý một danh sách các thẻ SIM được xem là thẻ của chủ điện thoại.

▀ Các tùy chọn trong giao diện Gọi số ẩn định: *Open, Call, Activ. fixed dialling, Deact. fixed dialling, New contact, Edit, Delete, Add to Contacts, Add from Contacts, Find, Mark/Unmark, Help*, và *Exit*.

Fixed dialling - Bạn có thể giới hạn cuộc gọi đến các số điện thoại đã chọn nếu chức năng này được thẻ SIM hỗ trợ. Bạn cũng cần có mã PIN2. Khi chức năng này được kích hoạt, bạn chỉ có thể gọi đến các số điện thoại đã qui định trong danh sách số gọi ẩn định hoặc các số điện thoại có cùng chữ số với các số điện thoại trong danh sách này.

- Bấm phím điều khiển để bật chức năng *Fixed dialling*.
- Để thêm số mới vào danh sách Số gọi ẩn định, chọn **Options** → *New contact* hoặc *Add from Contacts*.

Closed user group (dịch vụ mạng) - Bạn có thể xác định nhóm người nhất định mà bạn có thể gọi đến và ngược lại. Để biết thêm thông tin, liên hệ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ. Chọn: *Default* để kích hoạt nhóm mặc định theo thỏa thuận với nhà điều hành mạng, *On* nếu bạn muốn sử dụng nhóm khác (bạn cần biết chỉ số của nhóm), hoặc *Off*.

Khi sử dụng các chức năng bảo vệ để hạn chế cuộc gọi (như chặn cuộc gọi, nhóm nội bộ và gọi số ẩn định), bạn chỉ có thể gọi đến các số điện thoại khẩn cấp được lập trình trong điện thoại.

Confirm SIM services (dịch vụ mạng) - Để cài điện thoại hiển thị các thông báo xác nhận khi bạn đang sử dụng dịch vụ trên thẻ SIM.

Quản lý chứng chỉ

▀ Các tùy chọn trong giao diện quản lý chứng chỉ:

Certificate details, Delete, Trust settings, Mark/Unmark, Help, và *Exit*.

Trong giao diện quản lý chứng chỉ, bạn sẽ thấy một danh sách các chứng chỉ hợp lệ được lưu trong điện thoại của bạn. Di chuyển phím điều khiển sang phải để xem danh sách các chứng chỉ cá nhân, nếu có.

Một số dịch vụ trình duyệt sử dụng chứng chỉ bảo vệ, chẳng hạn như dịch vụ ngân hàng, sử dụng chứng chỉ bảo vệ để kiểm tra chữ ký hoặc chứng chỉ server hoặc các chứng chỉ bảo vệ khác.

Các chứng chỉ server được dùng để nâng cao độ bảo mật khi kết nối giữa điện thoại và cổng giao tiếp mạng. Điện thoại nhận chứng chỉ server từ nhà cung cấp dịch vụ trước khi thiết lập kết nối và thời hạn của chứng chỉ sẽ được kiểm tra bằng chứng chỉ bảo vệ được lưu trong điện thoại. Điện thoại không lưu chứng chỉ server.

Bạn có thể sẽ cần đến các chứng chỉ server, ví dụ như khi bạn:

- muốn kết nối trực tuyến vào hệ thống ngân hàng hay các trang khác hoặc vào một máy chủ ở xa để thực hiện các thao tác liên quan đến chuyển giao thông tin mật, hoặc
- muốn khẳng định tính xác thực của phần mềm khi tải về và khi cài đặt phần mềm.



Chú ý: Lưu ý ngay cả khi việc sử dụng các chứng nhận này không an toàn khi kết nối từ xa và việc cài đặt phần mềm tương đối nhỏ, chúng vẫn phải được dùng đúng cách để có thể tận dụng lợi ích có được từ các tính năng an toàn nâng cao. Các chứng chỉ này tự bản thân chúng không cung cấp các tính năng bảo mật; mục quản lý chứng chỉ phải chứa các chứng chỉ chính xác, xác thực hoặc đáng tin cậy để đảm bảo cái thiện tính an toàn khả dụng. Các chứng chỉ đều có thời hạn sử dụng. Nếu chúng nhận Hết hạn hoặc Chúng nhận không hợp lệ hiển thị, ngay cả khi chứng nhận của bạn vẫn còn hợp lệ, bạn cần kiểm tra lại xem ngày giờ trên máy bạn có được cài đúng không.

Trước khi thay đổi bất kỳ cài đặt chứng chỉ nào, bạn cần đảm bảo rằng bạn thật tin người sở hữu chứng chỉ và chứng chỉ này thật sự thuộc sở hữu của người được liệt kê trong danh sách.

Thay đổi cài đặt ủy thác của chứng chỉ hợp lệ

- Di chuyển đến một chứng chỉ hợp lệ và chọn **Options** → *Trust settings*. Tùy theo loại chứng chỉ được chọn, một danh sách các ứng dụng có thể dùng đến chứng chỉ này sẽ được hiển thị. Ví dụ:

App. installation/Yes - Chứng chỉ này có thể dùng để chứng thực nguồn gốc phần mềm mới.

Internet/Yes - Chứng chỉ có thể dùng để chứng thực cho mạng chủ e-mail và hình ảnh.

Call barring (Chặn cuộc gọi)



➡ Chọn **Call barring**.

Chức năng Chặn cuộc gọi (dịch vụ mạng) cho phép bạn giới hạn điện thoại gọi và nhận cuộc gọi. Để sử dụng chức năng này, bạn sẽ cần dùng mật mã chặn cuộc gọi được nhà cung cấp dịch vụ cung cấp.

- Di chuyển đến một trong các tùy chọn chặn cuộc gọi.
- Chọn **Options** → *Activate* để yêu cầu mạng kích hoạt dịch vụ chặn cuộc gọi, *Cancel* để yêu cầu tắt dịch vụ chặn cuộc gọi, hoặc *Check*

status để kiểm tra xem các cuộc gọi có bị chặn hay không.

- Chọn **Options** → *Edit barrings passw.* để thay đổi mật mã chặn cuộc gọi.
- Chọn **Options** → *Cancel all barrings* để hủy tất cả dịch vụ chặn cuộc gọi hiện hành.

Bạn không thể sử dụng tính năng chặn cuộc gọi và chuyển hướng cuộc gọi cùng lúc.

Khi đã chặn các cuộc gọi, bạn vẫn có thể dùng điện thoại để gọi các số điện thoại khẩn cấp.

Mạng



➡ Chọn **Network**.

Operator selection

- Automatic* - Cài điện thoại tự động tìm kiếm và chọn một trong các mạng di động có trong khu vực sử dụng.
- Manual* - Chọn mạng theo ý muốn từ danh sách các mạng theo cách thủ công. Nếu việc kết nối vào mạng tự chọn không thành công, điện thoại sẽ báo lỗi và yêu cầu bạn chọn lại mạng. Mạng được chọn để kết nối phải được thỏa thuận chuyển vùng với mạng đăng ký, nghĩa là, nhà điều hành mạng dùng cho thẻ SIM của bạn.

Cell info display

- *On* - Cài điện thoại chỉ báo khi sử dụng mạng di động dựa trên công nghệ Mạng Di động Siêu vi (MCN) và kích hoạt việc nhận thông tin mạng (dịch vụ mạng).

Enhancement (Phụ kiện)



➡ Chọn **Enhancement**.

Di chuyển đến thư mục phụ kiện và chọn các cài đặt sau:

- *Default profile* - Chọn cấu hình bạn muốn kích hoạt mỗi khi nối một phụ kiện nào đó với điện thoại.
- *Automatic answer* - Cài điện thoại tự động trả lời cuộc gọi đến sau 5 giây sau khi bạn nối phụ kiện này với điện thoại. Nếu chức năng *Ringing type* được cài là *Beep once* hoặc *Silent*, điện thoại sẽ không dùng tính năng tự động trả lời và bạn sẽ phải trả lời theo cách thủ công.

■ Go to (Menu nhanh)



➡ Chọn **Menu** → **Go to** hoặc bấm **Go to** khi ở chế độ chờ.

▀ Các tùy chọn trong giao diện Menu nhanh chính: *Open*, *Edit shortcut name*, *Shortcut icon*, *Delete shortcut*, *Move*, *List view*, *Grid view*, *Help*, và *Exit*.

Sử dụng Menu nhanh để lưu các phím tắt, đường dẫn đến các mục bạn thường sử dụng như hình ảnh, video clip, ghi chú, các tập tin ghi âm và các chỉ mục.

Phím tắt mặc định là:



- mở trình chỉnh sửa Ghi chú,
- mở Lịch của ngày hiện tại và
- mở Hộp thư Tin nhắn.

Các phím tắt chỉ có thể được thêm vào từ một số chức năng. Không phải tất cả các ứng dụng đều có chức năng này.

Thêm và sử dụng phím tắt:

1. Mở một ứng dụng và di chuyển đến mục bạn muốn cài làm phím tắt.
2. Chọn **Options** → *Add to 'Go to'* và bấm **OK**.
 - **Để mở một phím tắt**, di chuyển đến một biểu tượng và bấm phím điều khiển. Tập tin sẽ được mở bằng một ứng dụng tương ứng.
 - **Để xóa một phím tắt**, di chuyển đến phím tắt bạn muốn xóa và chọn **Options** → *Delete shortcut*. Xóa một phím tắt sẽ không ảnh hưởng đến tập tin mà phím tắt đó tham chiếu tới.
 - **Để thay đổi tên phím tắt**, chọn **Options** → *Edit shortcut name*. Đặt tên mới. Thay đổi này chỉ ảnh hưởng đến phím tắt, không ảnh hưởng đến tập tin hoặc mục mà phím tắt đó tham chiếu tới.

10. Extra (Mở rộng)

■ Note (Ghi chú)



↔ Chọn **Menu** →
Extras → **Notes**.

Bạn có thể liên kết các ghi chú với Menu nhanh và gửi đến các thiết bị khác. Bạn có thể lưu các tập tin dạng ký tự nhận được vào mục Ghi chú.

- Bấm các phím từ **0 - 9** để bắt đầu viết. Bấm phím **xóa** để xóa các ký tự. Bấm **Done** để lưu lại.

■ Calculator (Máy tính)



↔ Chọn **Menu** → **Extras** →
Calculator.

1. Nhập số thứ nhất của phép tính vào. Nếu bạn nhập sai, bấm phím **xóa** để xóa.
2. Di chuyển đến một phép tính và bấm phím điều khiển để chọn.
3. Nhập số thứ hai vào.
4. Để thực hiện phép tính, di chuyển đến **=** và bấm phím điều khiển.

▴ Các tùy chọn trong Máy tính: *Last result*, *Memory*, *Clear screen*, *Help*, và *Exit*.



Lưu ý: Máy tính có độ chính xác giới hạn và được thiết kế để thực hiện các phép tính đơn giản.

- Để thêm dấu thập phân, bấm phím **#**.
- Chọn  và  để xem các phép tính trước đó và di chuyển vào trong bảng tính.

■ Converter (Bộ chuyển đổi)



↔ Chọn **Menu** →
Extras → **Converter**.

Trong Bộ chuyển đổi, bạn có thể chuyển đổi các số đo, ví dụ như *Length*, từ đơn vị này sang đơn vị khác, ví dụ chuyển từ *Yards* sang *Metres*.

Bộ chuyển đổi có độ chính xác giới hạn và có thể có lỗi làm tròn số.

Chuyển đổi đơn vị

▴ Các tùy chọn trong Bộ chuyển đổi: *Conversion type*, *Currency rates* (không áp dụng cho các đơn vị khác), *Help*, và *Exit*.

Để chuyển đổi tiền tệ, bạn phải nhập tỉ giá hối đoái vào. Xem phần "**Cài đặt tiền tệ và tỉ giá hối đoái**" ở trang 97.

1. Di chuyển đến trường *Type* và bấm phím điều khiển để mở danh sách các số đo. Di chuyển đến số đo bạn muốn sử dụng và bấm **OK**.
2. Di chuyển đến trường *Unit* đầu tiên và bấm phím điều khiển để mở danh sách các đơn vị hiện có. Chọn đơn vị mà bạn muốn chuyển đổi và bấm **OK**.
3. Di chuyển đến trường *Unit* kế tiếp và chọn đơn vị **đến** mà bạn muốn chuyển đổi.
4. Di chuyển đến trường *Amount* đầu tiên và nhập giá trị bạn muốn chuyển đổi. Trường *Amount* còn lại sẽ tự động thay đổi để hiển thị giá trị thay đổi.

Bấm phím **#** để thêm dấu thập phân và bấm phím ***** cho dấu **+**, **-** (dành cho nhiệt độ), và **E** (số mũ).

Thứ tự chuyển đổi sẽ thay đổi nếu bạn nhập giá trị vào trường *Amount* thứ hai. Kết quả sẽ hiển thị trong trường *Amount* đầu tiên.

Cài đặt tiền tệ và tỉ giá hối đoái

Trước khi bạn có thể thực hiện việc chuyển đổi tiền tệ, bạn cần phải chọn một loại tiền tệ (thường là nội tệ) và thêm tỉ giá hối đoái vào.

Tỉ giá tiền tệ luôn là 1. Đồng tiền gốc xác định tỉ giá chuyển đổi của đồng tiền khác.

1. Chọn *Currency* làm loại số đo và chọn **Options** → *Currency rates*. Danh sách các loại tiền tệ sẽ mở ra và bạn có thể thấy loại tiền tệ gốc hiện thời ở đầu danh sách.
2. Để thay đổi đơn vị tiền tệ cơ sở, chuyển đến loại tiền tệ (thường là nội tệ), và chọn **Options** → *Set as base curr.*.
3. Nhập tỉ giá vào, di chuyển đến tiền tệ và nhập tỉ giá mới vào, điều đó có nghĩa là có bao nhiêu đơn vị tiền tệ sẽ bằng một đơn vị của đồng tiền gốc mà bạn đã chọn.
4. Sau khi bạn đã nhập tất cả các tỉ giá cần thiết, bạn có thể thực hiện việc chuyển đổi. Xem phần "**Chuyển đổi đơn vị**" ở trang 96.

■ Recorder (Máy ghi âm)



↔ Chọn **Menu** →
Extras → **Recorder**.

Máy ghi âm cho phép bạn ghi âm lại các cuộc trò chuyện và memo thoại. Nếu bạn đang ghi âm lại cuộc trò chuyện, người đối thoại sẽ nghe một tiếng bíp mỗi 5 giây trong quá trình ghi âm.

Các tập tin ghi âm sẽ được lưu vào Bộ sưu tập. Xem phần "**Gallery (Bộ sưu tập)**" ở trang 36.

▀ Các tùy chọn trong Máy ghi âm: *Record sound clip, Delete, Rename sound clip, Send, Go to Gallery, Settings, Add to 'Go to', Help, và Exit.*

- Chọn **Options** → *Record sound clip* và di chuyển đến một chức năng và bấm phím điều khiển để chọn chức năng đó. Chọn:

- để ghi âm, - để tạm ngưng, - để ngừng, - để tiến nhanh về trước, - để lui về hoặc - để nghe một tập tin âm thanh đã mở.

Bạn không thể sử dụng máy ghi âm khi đang có một cuộc gọi hoặc một kết nối GPRS đang hoạt động.

■ Clock (Đồng hồ)



↔ Chọn **Menu** →
Extras → **Clock**.

Thay đổi cài đặt đồng hồ

▀ Các tùy chọn trong Đồng hồ: *Set alarm, Reset alarm, Remove alarm, Settings, Help, và Exit.*

- Để thay đổi ngày tháng, chọn **Options** → *Settings* trong Đồng hồ.

Cài đặt âm báo

1. Để cài một âm báo mới, chọn **Options** → *Set alarm*.
2. Nhập thời gian báo vào và bấm **OK**. Khi âm báo được kích hoạt, chỉ báo 📌 sẽ hiển thị.
- Để hủy một âm báo, vào chức năng Đồng hồ và chọn **Options** → *Remove alarm*.

Tắt đồng hồ báo thức

- Bấm **Stop** để tắt âm báo.
- Bấm **Snooze** để ngừng âm báo khoảng 5 phút, sau đó sẽ tiếp tục lại. Bạn có thể thực hiện tối đa năm lần.

Nếu đến giờ báo thức trong khi tắt điện thoại, điện thoại sẽ tự bật và phát âm báo. Nếu bạn bấm **Stop**, điện thoại sẽ hỏi bạn

có muốn khởi động để gọi điện không. Bấm **No** để tắt điện thoại hoặc **Yes** để gọi và nhận cuộc gọi. Không nên bấm **Yes** khi việc sử dụng điện thoại vô tuyến có thể gây nhiễu sóng hoặc nguy hiểm.

Cài đặt riêng âm báo

- Để cài đặt riêng âm báo, chọn **Options** → **Settings**.
- Di chuyển đến **Clock alarm tone** và bấm phím điều khiển.
- Khi di chuyển qua danh sách âm báo, bạn có thể dừng lại để nghe âm báo đó trước khi chọn. Bấm **Select** để chọn âm báo hiện thời.

Memory card (Thẻ nhớ)



➡ Chọn **Menu** → **Extras** → **Memory card**.

▴ Các tùy chọn trong thẻ nhớ: *Remove mem. card*, *Backup phone mem.*, *Restore from card*, *Format mem. card*, *Memory card name*, *Set password*, *Change password*, *Remove password*, *Unlock memory card*, *Memory details*, *Help*, và *Exit*.

Để biết thêm chi tiết về việc chèn thẻ nhớ vào điện thoại, xem hướng dẫn trong phần Để bắt đầu sử dụng. Bạn có thể sử dụng thẻ nhớ để lưu các tập tin đa phương tiện như các đoạn video clip và tập tin âm thanh, hình ảnh, dữ liệu nhắn tin và để dự phòng thông tin trong bộ nhớ điện thoại.

Điện thoại Nokia có kèm theo thẻ RS-MMC có chứa các ứng dụng bổ sung từ nhà phát triển độc lập. Các ứng dụng này được các nhà phát triển thiết kế tương thích với điện thoại của bạn.

Chỉ sử dụng thẻ MMC tương thích với điện thoại này. Thẻ MMC tương thích với điện thoại của bạn là Reduced Size Dual Voltage MultiMediaCard. Các loại thẻ nhớ khác, như thẻ SD sẽ không vừa với khe thẻ MMC và cũng không tương thích với điện thoại này. Sử dụng thẻ nhớ không tương thích có thể làm hư thẻ cũng như thiết bị và dữ liệu lưu trong thẻ có thể bị mất.

Thông tin chi tiết về cách sử dụng thẻ nhớ với các tính năng và các ứng dụng khác của điện thoại được mô tả trong các phần tính năng và ứng dụng tương ứng.

Giữ tất cả thẻ nhớ ngoài tầm với trẻ em.

Định dạng thẻ nhớ

Khi định dạng lại thẻ nhớ, tất cả dữ liệu có trên thẻ sẽ bị mất.

Một số thẻ nhớ đã được định dạng trước và một số khác cần phải định dạng. Tham khảo ý kiến người bán lẻ để xác định xem bạn có phải định dạng thẻ nhớ trước khi sử dụng hay không.

- Chọn **Options** → *Format mem. card.*

Chọn **Yes** để xác nhận. Khi đã định dạng xong, nhập tên cho thẻ nhớ (tối đa 11 ký tự chữ hoặc số).

Dự phòng và khôi phục thông tin

Để dự phòng thông tin từ bộ nhớ điện thoại sang thẻ nhớ, chọn

- Options** → *Backup phone mem.*

Để khôi phục thông tin từ thẻ nhớ sang bộ nhớ điện thoại, chọn

- Options** → *Restore from card.*

Bạn chỉ có thể dự phòng và khôi phục lại bộ nhớ điện thoại trên cùng một điện thoại.

Khóa thẻ nhớ

Để cài mật mã khóa thẻ nhớ không bị sử dụng trái phép, chọn

- Options** → *Set password.*

Bạn sẽ được yêu cầu nhập và xác nhận mật mã. Mật mã có thể dài tám ký tự.

Mật mã sẽ được lưu vào điện thoại và bạn không cần phải nhập lại khi bạn đang sử dụng thẻ nhớ trên cùng điện thoại. Nếu bạn muốn sử dụng thẻ nhớ trên một điện thoại khác, bạn sẽ được yêu cầu nhập mật mã.

Mở khóa thẻ nhớ

Nếu bạn chèn một thẻ nhớ được bảo vệ bằng mật mã vào điện thoại, bạn sẽ được yêu cầu nhập mật mã của thẻ. Để mở khóa thẻ:

- Chọn **Options** → *Unlock memory card.*

Khi đã xóa mật mã, thẻ nhớ sẽ mở khóa và bạn có thể sử dụng thẻ trên một điện thoại khác không cần mật mã.

Kiểm tra dung lượng bộ nhớ đã dùng

Bạn có thể kiểm tra dung lượng bộ nhớ đã dùng dành cho các nhóm dữ liệu khác nhau và bộ nhớ còn trống để cài đặt các ứng dụng hoặc phần mềm mới vào thẻ nhớ:

- Chọn **Options** → *Memory details.*

■ Wallet (Chi tiêu)



↔ Chọn **Menu**

→ **Extras** → **Wallet**.

▮ Các tùy chọn trong giao diện chi tiêu chính: *Open*, *Settings*, *Help*, và *Exit*.

Chức năng chi tiêu cung cấp cho bạn khu vực để bạn lưu trữ các thông tin cá nhân như số thẻ tín dụng hoặc thẻ rút tiền, địa chỉ và dữ liệu hữu ích khác như tên thuê bao và mật mã.

Thông tin lưu trong Chi tiêu có thể được truy nhập dễ dàng trong khi trình duyệt để tự động điền vào các tờ khai trực tuyến trên trang trình duyệt, ví dụ khi dịch vụ yêu cầu chi tiết thẻ tín dụng. Dữ liệu trong chi tiêu được mã hóa và bảo vệ bằng một mã chi tiêu do bạn quy định.

Bạn có thể nhóm dữ liệu chi tiêu vào các cấu hình có thể truy cập, ví dụ khi mua hàng trực tuyến chẳng hạn.

Do đặc tính, chức năng chi tiêu sẽ tự động đóng lại sau 5 phút. Nhập mã chi tiêu để truy cập lại nội dung của ứng dụng này. Bạn có thể thay đổi khoảng thời gian tự động hết hạn này, nếu cần. Xem phần "[Cài đặt chi tiêu](#)" ở [trang 104](#).

Nhập mã chi tiêu

Mỗi lần mở Chi tiêu, bạn sẽ được yêu cầu nhập mã chi tiêu.

Khi mở chức năng chi tiêu lần đầu tiên, bạn cần tạo mã truy cập riêng.

1. Nhập mã bạn chọn vào (4 - 10 chữ số) và bấm **OK**.
2. Bạn sẽ được yêu cầu xác nhận mã. Nhập cùng mã PIN vào và bấm **OK**. Không cho người khác biết mã chi tiêu của bạn.
3. Nhập mã mà bạn đã tạo và bấm **OK**.

Nếu bạn nhập mã chi tiêu sai ba lần liên tục, ứng dụng chi tiêu sẽ bị khóa trong 5 phút. Thời gian khóa sẽ tăng lên nếu bạn vẫn nhập sai mã chi tiêu.

Nếu bạn quên mã chi tiêu, bạn phải cài lại mã mới và bạn sẽ bị mất tất cả thông tin được lưu trong chi tiêu. Xem phần "[Cài đặt lại chi tiêu và mã chi tiêu](#)" ở [trang 104](#).

Lưu chi tiết thẻ cá nhân

1. Chọn mục *Cards* trong menu chi tiêu chính và bấm phím điều khiển.
2. Chọn loại thẻ trong danh sách và bấm phím điều khiển.

- *Payment cards* - Thẻ tín dụng hoặc thẻ rút tiền.
 - *Loyalty cards* - Thẻ thành viên và thẻ lưu.
 - *Online acc. cards* - Tên thuê bao và mật khẩu cho các dịch vụ trực tuyến.
 - *Address cards* - Các thông tin liên lạc chính cho việc liên lạc tại nhà riêng/cơ quan.
 - *User info cards* - Các sở thích cá nhân được tùy chỉnh cho các dịch vụ trực tuyến.
3. Chọn **Options** → *New card*. Một tờ khai trống sẽ mở ra.
 4. Điền vào các trường dữ liệu và bấm **Done**.

Bạn cũng có thể nhận thông tin thẻ về điện thoại trực tiếp từ nhà cung cấp thẻ hoặc nhà cung cấp dịch vụ (nếu họ cung cấp dịch vụ này). Bạn sẽ được thông báo như là người sẽ sở hữu thẻ chi tiêu ấy. Lưu lại hoặc loại bỏ thẻ chi tiêu. Bạn có thể xem và đổi tên thẻ đã lưu nhưng bạn không thể chỉnh sửa thẻ.

Bạn có thể mở, chỉnh sửa hoặc xóa các trường trong thẻ. Bất kỳ thay đổi nào cũng sẽ được lưu lại.

 Các tùy chọn khi xem hoặc chỉnh sửa chi tiết thẻ: *Delete*, *Help*, và *Exit*.

Tạo ghi chú cá nhân

Ghi chú cá nhân là phương tiện dùng để lưu trữ các thông tin nhạy cảm, ví dụ như số tài khoản ngân hàng. Bạn có thể truy cập dữ liệu trong ghi chú cá nhân từ trang trình duyệt. Bạn cũng có thể gửi một ghi chú dưới dạng tin nhắn.

- Chọn mục *Personal notes* trong menu chi tiêu chính và bấm phím điều khiển.
- Chọn **Options** → *New note*. Một ghi chú trống sẽ mở ra.
- Bấm phím từ **0 - 9** để bắt đầu soạn thảo. Bấm phím **xóa** để xóa các ký tự. Bấm **Done** để lưu lại.

Tạo cấu hình chi tiêu

Khi bạn đã lưu các chi tiết cá nhân, bạn có thể kết hợp chúng thành một cấu hình chi tiêu. Sử dụng một cấu hình chi tiêu để lấy dữ liệu chi tiêu từ các thẻ khác nhau và từ các loại trên trang trình duyệt.

1. Chọn mục *Wallet profiles* trong menu chi tiêu chính và bấm phím điều khiển.

2. Chọn **Options** → *New profile*. Bạn đang mở mẫu cấu hình chi tiêu mới.

3. Điền vào các trường như hiển thị bên dưới và bấm **Done**.

Một số vùng này phải chứa các dữ liệu được chọn từ mục chi tiêu. Lưu dữ liệu dưới loại liên quan trước khi tạo một cấu hình chi tiêu, nếu không bạn sẽ không thực hiện được việc tạo cấu hình.

- *Profile name* - Chọn và nhập tên cấu hình.
- *Payment card* - Chọn một thẻ trong danh mục Thẻ thanh toán.
- *Loyalty card* - Chọn một thẻ trong danh mục Thẻ khách hàng.
- *Online access card* - Chọn một thẻ trong danh mục Thẻ truy cập Trực tuyến.
- *Shipping address* - Chọn một địa chỉ trong danh mục Thẻ địa chỉ.
- *Billing address* - Mặc định địa chỉ này tương tự như Địa chỉ liên lạc. Nếu bạn yêu cầu một địa chỉ khác, chọn một địa chỉ từ mục Thẻ ghi Địa chỉ.

- *User info card* - Chọn một thẻ trong danh mục Thẻ thông tin.
- *Receive e-receipt* - Chọn nơi đến từ danh mục Thẻ địa chỉ.
- *Deliver e-receipt* - Chọn *To phone*, *To e-mail*, hoặc *To pho. & e-mail*.
- *RFID sending* - Cài *On* hoặc *Off*. Xác định gửi hoặc không gửi mã nhận dạng điện thoại cùng với cấu hình chi tiêu (cho sự phát triển mở rộng dựa trên RFID).

Lấy thông tin từ chi tiêu trên trang trình duyệt

Khi sử dụng các dịch vụ di động trực tuyến có hỗ trợ chức năng chi tiêu, bạn có thể tải dữ liệu được lưu trong chi tiêu lên để tự động nhập các chi tiết vào tờ khai trực tuyến. Ví dụ, bạn có thể tải các chi tiết thẻ thanh toán lên mà không cần nhập số thẻ và ngày hết hạn (tùy thuộc vào nội dung trình duyệt). Bạn cũng có thể tải tên thuê bao và mật mã được lưu dưới dạng thẻ truy cập khi kết nối với dịch vụ di động yêu cầu xác nhận. Xem phần "[Mua một mục](#)" ở trang 109.

Cache là một vị trí bộ nhớ được dùng để lưu dữ liệu tạm thời. Nếu bạn thử truy cập hoặc đã truy cập các thông tin bảo mật cần đến mật mã, làm trống bộ nhớ cache sau mỗi lần sử dụng. Thông tin hoặc dịch vụ mà bạn đã truy cập sẽ được lưu trong bộ nhớ cache. Để xóa bộ nhớ cache, chọn **Menu** → *Web* → **Options** → *Navigation options* → *Clear Cache*.

Xem chi tiết vé

 Các tùy chọn trong giao diện Vé: *View*, *Delete*, *Rename*, *Mark/Unmark*, *Help*, và *Exit*.

Bạn có thể nhận các thông báo của vé mua hàng trực tuyến qua trình duyệt. Các thông báo đã nhận được lưu trong chi tiêu. Để xem các thông báo:

1. Chọn mục *Tickets* trong menu Chi tiêu chính và bấm phím điều khiển.
2. Chọn **Options** → *View*.

Cài đặt chi tiêu

Chọn **Options** → *Settings* trong menu Chi tiêu chính:

- *Wallet code* - Thay đổi mã chi tiêu. Bạn sẽ được yêu cầu nhập mã hiện tại vào, tạo một mã mới và xác nhận mã này.

- *RFID* - Cài mã ID điện thoại, loại và các tùy chọn gửi (cho sự phát triển mở rộng dựa trên RFID).
- *Automatic close* - Thay đổi thời gian nghỉ tự động (1-60 phút). Sau khoảng thời gian này, bạn sẽ phải nhập lại mã chi tiêu để có thể truy cập vào nội dung.

Cài đặt lại chi tiêu và mã chi tiêu

Để cài lại nội dung của Chi tiêu và mã chi tiêu:

1. Nhập vào ***#7370925538#** khi ở chế độ chờ.
2. Nhập mã khóa điện thoại và bấm **OK**. Xem phần "*Security*" ở trang 90.
3. Bạn sẽ được yêu cầu xác nhận việc xóa dữ liệu. Bấm **OK**.

Khi mở lại mục Chi tiêu, bạn phải nhập mã chi tiêu mới. Xem phần "*Nhập mã chi tiêu*" ở trang 101.

11. Các Dịch vụ và Ứng dụng

■ Web (Trình duyệt di động)



↩ Chọn **Menu** → **Web**

hoặc bấm và giữ phím **0** khi ở chế độ chờ.

Rất nhiều nhà cung cấp dịch vụ cung cấp các trang web được thiết kế đặc biệt cho điện thoại di động, có thể cung cấp các dịch vụ như tin tức, dự báo thời tiết, ngân hàng, thông tin du lịch, giải trí và trò chơi. Với chức năng trình duyệt di động, bạn có thể xem các dịch vụ này bằng các trang WAP được viết bằng ngôn ngữ HTML, WML, XHTML được viết bằng ngôn ngữ XHTML, hoặc kết hợp giữa ngôn ngữ WML và XHTML. Nếu bạn chưa sử dụng điện thoại để kết nối WAP, bạn cần phải liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để được hỗ trợ trong lần kết nối đầu tiên.

Kiểm tra tính khả dụng, giá cả và thuế của các dịch vụ với nhà điều hành mạng và/hoặc nhà cung cấp dịch vụ. Nhà cung cấp dịch vụ cũng sẽ hướng dẫn bạn cách sử dụng các dịch vụ này.



Chú ý: Chỉ nên sử dụng các dịch vụ mà bạn tin cậy và cung cấp các tính

năng an toàn và bảo mật đủ để ngăn chặn các phần mềm có hại.

Các bước cơ bản để truy cập

- Lưu các cài đặt cần thiết để truy cập dịch vụ trình duyệt bạn muốn sử dụng. Xem phần "[Cài đặt dịch vụ duyệt web cho điện thoại](#)" ở trang 105.
- Kết nối với dịch vụ. Xem phần "[Tạo kết nối](#)" ở trang 106.
- Bắt đầu duyệt trang web. Xem phần "[Trình duyệt](#)" ở trang 107.
- Ngắt kết nối với dịch vụ. Xem phần "[Ngưng kết nối](#)" ở trang 110.

Cài đặt dịch vụ duyệt web cho điện thoại

Nhận các cài đặt qua tin nhắn thông minh

Bạn có thể nhận các cài đặt dịch vụ trong một tin nhắn văn bản đặc biệt, còn gọi là tin nhắn thông minh, từ nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ, nơi cung cấp dịch vụ này. Xem phần "[Nhận tin nhắn thông](#)

minh" ở trang 55. Để biết thêm thông tin, liên hệ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ.

Nhập cài đặt theo cách thủ công

Thực hiện theo các hướng dẫn được nhà cung cấp dịch vụ cung cấp.

1. Chọn **Menu** → **Settings** → **Connection** → **Access points** và xác định cài đặt cho điểm truy cập. Xem phần "Connection settings" ở trang 86.
2. Chọn **Menu** → **Web** → **Options** → *Bookmark manager* → *Add bookmark*. Đặt một tên cho chỉ mục và địa chỉ của trang trình duyệt xác định điểm truy cập hiện tại. Chọn **Options** → *Save* để lưu lại các cài đặt.

Tạo kết nối

Khi bạn đã lưu tất cả các cài đặt kết nối cần thiết, bạn có thể truy cập các trang trình duyệt.

Có ba cách truy cập trang trình duyệt:

- Chọn trang chủ (🏠) của nhà cung cấp dịch vụ.
- Chọn một chỉ mục từ giao diện Chỉ mục.

- Bấm các phím từ **2 - 9** để nhập địa chỉ của dịch vụ trình duyệt. Trường Menu nhanh nằm ở cuối màn hình lập tức được kích hoạt và bạn có thể tiếp tục nhập địa chỉ ở đó.

Sau khi bạn đã chọn một trang hoặc viết xong địa chỉ, bấm phím điều khiển để bắt đầu tải trang đó về.

Bookmark (Chỉ mục)

Điện thoại của bạn có một số chỉ mục dẫn đến một số trang không liên kết với Nokia. Nokia sẽ không đảm bảo hoặc chấp thuận các trang này. Nếu muốn truy cập các trang này, bạn nên đề phòng về sự an toàn hoặc nội dung của chúng như ở bất kỳ trang Internet nào.

▴ Các tùy chọn trong giao diện Chỉ mục (khi một chỉ mục hoặc thư mục được chọn): *Open, Download, Back to page, Bookmark manager, Mark/Unmark, Navigation options, Advanced options, Send, Find bookmark, Details, Settings, Help, và Exit.*

Trong giao diện Chỉ mục, bạn có thể thấy các chỉ mục dẫn tới các loại trang trình duyệt khác nhau.

Các chỉ mục được chỉ báo bằng các biểu tượng sau:

 - Trang bắt đầu được xác định cho điểm truy cập trình duyệt. Nếu bạn sử dụng điểm truy cập khác để trình duyệt, trang bắt đầu sẽ thay đổi tương ứng.

 - Trang truy cập sau cùng. Khi kết thúc một phiên truy cập dịch vụ, điện thoại sẽ lưu địa chỉ của trang mà bạn vừa truy cập trong bộ nhớ cho đến khi bạn vào trang mới trong lần truy cập kế tiếp.

Khi bạn di chuyển qua các chỉ mục, bạn có thể thấy địa chỉ của chỉ mục được đánh dấu sáng trong trường Menu nhanh ở cuối màn hình.

 - chỉ mục hiển thị tiêu đề.

Thêm chỉ mục theo cách thủ công

1. Trong giao diện Chỉ mục, chọn **Options** → *Bookmark manager* → *Add bookmark*.
2. Điền thông tin vào các trường dữ liệu. Chỉ địa chỉ được xác nhận. Điểm truy cập mặc định sẽ được gán cho chỉ mục nếu không có giá trị nào khác được chọn. Bấm phím * để nhập các ký tự đặt biệt như /, ., :, và @. Bấm phím xóa để xóa các ký tự.

3. Chọn **Options** → *Save* để lưu chỉ mục.

Trình duyệt

Trên một trang trình duyệt, các liên kết mới sẽ xuất hiện với đường gạch dưới màu xanh và các trang đã liên kết có màu tím. Những hình chứa trang liên kết có đường viền màu xanh xung quanh.

 Các tùy chọn khi trình duyệt: *Open, Service options, Bookmarks, Save as bookmark, View image, Navigation options, Advanced options, Send bookmark, Find, Details, Settings, Help*, và *Exit*.

Các phím và lệnh được sử dụng trong khi trình duyệt

- Để mở một liên kết, bấm phím điều khiển.
- Để cuộn qua giao diện, sử dụng phím điều khiển.
- Để nhập chữ và số trong một trường, bấm các phím từ 0 - 9. Bấm phím * để nhập các ký tự đặt biệt như /, ., :, và @. Bấm phím xóa để xóa các ký tự.
- Để trở về trang trước trong khi trình duyệt, bấm **Back**. Nếu lệnh **Back** không có, chọn **Options** → *Navigation*

options → *History* để xem danh sách theo thứ tự thời gian của các trang mà bạn đã xem trong suốt một phiên trình duyệt. Danh sách các trang đã xem sẽ bị xóa sau mỗi lần kết thúc phiên trình duyệt.

- Để kiểm tra và đánh dấu các hộp chọn, bấm phím điều khiển.
- Để tải về nội dung mới nhất từ server, chọn **Options** → *Navigation options* → *Reload*.
- Để mở danh sách phụ chứa các lệnh hoặc thao tác trên trang trình duyệt đang mở, chọn **Options** → *Service options*.
- Để ngắt kết nối với dịch vụ và thoát khỏi trang trình duyệt, bấm và giữ phím **kết thúc**.

Lưu chỉ mục

- Để lưu một chỉ mục trong khi trình duyệt, chọn **Options** → *Save as bookmark*.
- Để lưu một chỉ mục nhận được trong tin nhắn thông minh, mở tin nhắn trong Hộp thư đến trong mục Tin nhắn và chọn **Options** → *Save to bookmarks*. Xem phần "**Nhận tin nhắn thông minh**" ở trang 55.

Xem các trang đã lưu

 Các tùy chọn trong giao diện Các trang đã lưu: *Open*, *Back to page*, *Reload*, *Saved pages*, *Mark/Unmark*, *Navigation options*, *Advanced options*, *Details*, *Settings*, *Help*, và *Exit*.

Nếu bạn thường trình duyệt các trang có chứa thông tin không thay đổi, bạn có thể lưu lại để xem không cần kết nối.

- Để lưu một trang trong khi trình duyệt, chọn **Options** → *Advanced options* → *Save page*.

Các trang đã lưu được chỉ báo bằng các biểu tượng sau:



- Trang trình duyệt đã lưu.

Trong giao diện các trang đã lưu, bạn cũng có thể tạo các thư mục để lưu lại các trang mà bạn đã trình duyệt.

Các thư mục được chỉ báo bằng các biểu tượng sau:



- Thư mục có chứa các trang trình duyệt đã lưu.

- Để mở giao diện Các trang đã lưu, di chuyển phím điều khiển sang phải trong giao diện Chỉ mục. Trong giao diện Các trang đã lưu, bấm phím điều khiển để mở một trang đã lưu.

Để bắt đầu kết nối với dịch vụ trình duyệt và để tải về lại các trang, chọn **Options** →

Navigation options → *Reload*.

Điện thoại sẽ ở trạng thái trực tuyến sau khi bạn tải lại trang đó.

Cache là một vị trí bộ nhớ được dùng để lưu dữ liệu tạm thời. Nếu bạn thủ truy cập hoặc đã truy cập các thông tin bảo mật cần đến mật mã, làm trống bộ nhớ cache sau mỗi lần sử dụng.

Thông tin hoặc dịch vụ mà bạn đã truy cập sẽ được lưu trong bộ nhớ cache. Để xóa bộ nhớ cache, chọn **Menu** → *Web* → **Options** → *Navigation options* → *Clear Cache*.

Tải về

Bạn có thể tải về các mục như kiểu chuông, hình ảnh, logo mạng, phần mềm và video clip sử dụng trình duyệt di động. Các mục này có thể được cung cấp miễn phí hoặc bạn có thể mua chúng.

Khi đã tải về, các mục này sẽ được xử lý bằng các ứng dụng tương ứng trên điện thoại, ví dụ hình ảnh tải về sẽ được lưu trong Bộ sưu tập.



Chú ý: Chỉ cài đặt và sử dụng các ứng dụng và phần mềm khác từ các nguồn đảm bảo tính bảo mật và bảo vệ chống lại phần mềm có hại.

Mua một mục

Để tải về một mục:

1. Di chuyển đến liên kết và chọn **Options** → *Open*.
2. Chọn tùy chọn thích hợp để mua mục đó, ví dụ: Mua.

Đọc cẩn thận tất cả thông tin được cung cấp.

Nếu các nội dung trực tuyến phù hợp, bạn có thể sử dụng thông tin chi tiêu để đặt mua:

1. Chọn **Options** → *Open wallet*. Bạn sẽ được yêu cầu nhập mã chi tiêu. Xem phần "**Nhập mã chi tiêu**" ở trang 101.
2. Chọn loại thẻ tương ứng trong mục chi tiêu của bạn.
3. Chọn *Fill in*. Thông tin chi tiêu được chọn sẽ được tải lên.

Nếu chi tiêu của bạn không có chứa tất cả các thông tin cần thiết để mua hàng, bạn sẽ được yêu cầu nhập các chi tiết còn lại theo cách thủ công.

Việc bảo vệ bản quyền có thể sẽ không cho phép sao chép, chỉnh sửa hay chuyển tiếp một số hình ảnh, kiểu chuông hay nội dung khác.

Kiểm tra một mục trước khi tải về

Bạn có thể nhìn thấy các chi tiết của một mục trước khi tải về. Chi tiết có thể bao gồm giá cả, mô tả tổng quát và kích thước của mục đó.

- Di chuyển đến liên kết và chọn **Options** → *Open*.
Chi tiết của một mục sẽ được hiển thị trên điện thoại.
- Nếu bạn muốn tiếp tục tải về, bấm *Accept* hoặc nếu bạn muốn hủy việc tải về, bấm *Cancel*.

Ngưng kết nối

- Chọn **Options** → *Advanced options* → *Disconnect*, hoặc
- Bấm và giữ phím **kết thúc** để thoát khỏi trình duyệt và trở về chế độ chờ.

Cài đặt trình duyệt

Chọn **Options** → *Settings*:

- *Default access point* - Để thay đổi điểm truy cập mặc định, bấm phím điều khiển để mở danh sách các điểm truy cập hiện có. Điểm truy cập mặc định hiện thời sẽ được tô sáng. Xem phần "*Connection settings*" ở trang 86.
- *Show images* - Chọn xem hoặc không xem hình ảnh khi đang trình duyệt. Nếu bạn chọn *No*, bạn có thể tải hình ảnh về sau trong khi duyệt bằng cách chọn **Options** → *Show images*.
- *Font size* - Bạn có thể chọn năm cỡ chữ trong trình duyệt: *Smallest*, *Normal*, và *Largest*.
- *Default encoding* - Để bảo đảm trang trình duyệt của bạn hiển thị đúng nội dung, hãy chọn ngôn ngữ phù hợp.
- *Automatic bookmarks* - Chọn *On* nếu bạn muốn các chỉ mục được tự động lưu vào thư mục *Auto. bookmarks* khi bạn trình duyệt trang web. Khi bạn chọn *Hide folder*, các chỉ mục vẫn được tự động lưu vào thư mục.

- *Screen size* - Chọn cách sử dụng phần hiển thị trên màn hình để xem các trang nội dung.
- *Rendering* - Chọn chất lượng hình ảnh cho các trang. Chất lượng hình càng cao, tốc độ tải trang về càng chậm, và ngược lại.
- *Cookies - Allow/Reject*. Bạn có thể bật hoặc tắt chức năng nhận và gửi cookie (phương tiện của nhà cung cấp để xác định người sử dụng và tần xuất thông tin được sử dụng).
- *Security warnings* - Chọn ẩn hoặc hiển thị các thông báo về bảo mật.
- *Conf. DTMF sending - Always/First time only*. Chọn xem bạn có muốn xác nhận trước khi điện thoại gửi âm DTMF trong khi cuộc gọi thoại đang diễn ra hay không. Xem phần "[Các tùy chọn trong khi gọi](#)" ở trang 13. Ví dụ, bạn có thể thực hiện cuộc gọi trong khi đang trình duyệt, gửi âm DTMF trong khi đang có một cuộc gọi thoại, lưu tên và số điện thoại từ trang trình duyệt vào Danh bạ.

- *Wallet* - Chọn *On* để mở chức năng chi tiêu tự động khi một trang trình duyệt tương thích mở ra.

■ Games (Trò chơi)

↩ Chọn **Menu** → **Games**.

Để bắt đầu một trò chơi, di chuyển đến biểu tượng trò chơi và bấm phím điều khiển. Để biết hướng dẫn về cách chơi trò chơi, chọn **Options** → *Help*.

12. Connectivity (Kết nối)

■ Bộ PC Suite

Bạn có thể sử dụng điện thoại với các ứng dụng truyền thông dữ liệu và kết nối với máy PC. Với bộ PC Suite, bạn có thể đồng bộ danh bạ, lịch, ghi chú và ghi chú việc giữa điện thoại và máy PC tương thích hoặc đồng bộ server Internet từ xa (dịch vụ mạng).

Bạn có thể tìm thêm thông tin về bộ PC Suite và các liên kết tải về trên vùng hỗ trợ trên trang web của Nokia

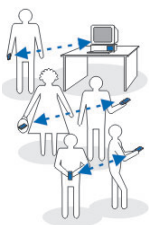
www.nokia-asia.com/support.

■ Kết nối Bluetooth

↩ Chọn **Menu** → **Connectivity** → **Bluetooth**.



Thiết bị này tuân theo Thông số công nghệ vô tuyến Bluetooth 1.1 hỗ trợ các cấu hình sau: Bộ tai nghe, Cấu hình Mở rộng Đối tượng, Cấu hình Truyền Tập tin, Cấu hình mạng Quay số và Cấu hình Fax. Để đảm bảo khả năng tương tác giữa các thiết bị khác nhau hỗ trợ



công nghệ vô tuyến Bluetooth, hãy sử dụng các phụ kiện được Nokia phê chuẩn cho kiểu điện thoại này. Hãy kiểm tra với các nhà sản xuất của các thiết bị khác để xác định khả năng tương thích với thiết bị này.

Có thể có các hạn chế khi sử dụng công nghệ Bluetooth ở một số nơi. Hãy kiểm tra với nhà chức trách địa phương hay nhà cung cấp dịch vụ của bạn.

Các tính năng sử dụng công nghệ vô tuyến Bluetooth hoặc cho phép các tính năng như vậy hoạt động ẩn trong khi đang sử dụng các tính năng khác sẽ làm hao pin và giảm thời gian hoạt động của pin.

Công nghệ Bluetooth cho phép các kết nối không dây giữa các thiết bị điện tử trong phạm vi tối đa 10 mét. Một kết nối Bluetooth có thể được sử dụng để gửi hình ảnh, video, văn bản, danh thiếp, ghi chú lịch hay để kết nối vô tuyến đến các thiết bị tương thích sử dụng công nghệ Bluetooth, ví dụ như máy tính. Lưu ý rằng không phải tất cả máy tính sử dụng công nghệ Bluetooth đều phải tương thích.

Vì các thiết bị sử dụng công nghệ Bluetooth liên lạc qua sóng radio, điện thoại và các thiết bị khác không cần phải đặt cùng phương. Hai thiết bị chỉ cần cách nhau tối đa 10 mét, mặc dù kết nối này có thể bị nhiễu sóng do các vật cản như tường hoặc các thiết bị điện tử khác. Sử dụng công nghệ Bluetooth sẽ làm hao pin và làm giảm thời gian hoạt động của điện thoại. Nên tính đến vấn đề này khi thực hiện các chức năng khác trên điện thoại. Có một số hạn chế về việc sử dụng các thiết bị sử dụng công nghệ Bluetooth. Vui lòng kiểm tra với chính quyền nước sở tại.

Khi kích hoạt công nghệ Bluetooth lần đầu tiên, bạn sẽ được yêu cầu nhập tên điện thoại.

Bạn được khuyến nghị

- sử dụng điện thoại ở chế độ ẩn.
- đồng ý liên lạc trước với người khác qua BT.

Bạn cũng có thể tắt chức năng BT mà không ảnh hưởng đến các chức năng khác của điện thoại.

Cài đặt kết nối Bluetooth

- *Bluetooth - On/Off*.
- *My phone's visibility - Shown to all* - Điện thoại của bạn có thể được các thiết bị Bluetooth khác nhận thấy hoặc *Hidden* - Các thiết bị khác không thể nhận thấy điện thoại của bạn. Vì các lý do an toàn, chế độ ẩn được khuyến cáo sử dụng vào bất cứ khi nào có thể được.
- *My phone's name* - Đặt tên cho điện thoại của bạn.

Sau khi bạn đã kích hoạt và thay đổi kết nối Bluetooth *My phone's visibility* sang *Shown to all*, người dùng thiết bị Bluetooth khác có thể nhìn thấy điện thoại và tên này.

Gửi dữ liệu qua công nghệ Bluetooth

Bạn chỉ có thể kích hoạt một kết nối Bluetooth cùng một thời điểm.

1. Mở một ứng dụng có lưu mục mà bạn muốn gửi. Ví dụ, để gửi một hình chụp đến một thiết bị khác, mở ứng dụng Bộ sưu tập.
2. Di chuyển đến mục bạn muốn gửi và chọn **Options** → *Send* → *Via Bluetooth*.

3. Điện thoại bắt đầu dò tìm các thiết bị có trong phạm vi. Các thiết bị sử dụng công nghệ Bluetooth trong phạm vi kết nối lần lượt xuất hiện trên màn hình điện thoại. Bạn có thể nhìn thấy một biểu tượng thiết bị, tên thiết bị, loại thiết bị hoặc một tên ngắn. Các thiết bị được ghép nối sẽ hiển thị với biểu tượng . Thiết bị ghép nối là thiết bị có thiết lập kết nối Bluetooth giữa điện thoại và thiết bị khác.

- Để hủy bỏ việc dò tìm, bấm **Stop**. Danh sách thiết bị sẽ ngưng và bạn có thể thực hiện một kết nối đến một trong các thiết bị đã tìm thấy.

4. Khi đang dò tìm thiết bị, một vài thiết bị chỉ có thể hiển thị địa chỉ thiết bị duy nhất. Để tìm địa chỉ duy nhất của điện thoại, nhập vào mã số ***#2820#** ở chế độ chờ khi kết nối Bluetooth được kích hoạt.

Nếu bạn đã dò thấy những thiết bị trước đây, một danh sách thiết bị đã tìm thấy trước đó được hiển thị trước. Để bắt đầu cuộc dò tìm mới, chọn *More devices*. Nếu bạn tắt điện thoại, danh sách các thiết bị bị xóa và việc dò tìm

thiết bị cần phải được bắt đầu lại trước khi gửi dữ liệu.

5. Di chuyển đến thiết bị bạn muốn kết nối và bấm **Select**. Mục bạn đang gửi sẽ được copy vào Hộp thư đi và thông báo *Connecting* sẽ hiển thị.

6. Đang ghép nối (nếu thiết bị khác không yêu cầu, đến bước 7.)

- Nếu thiết bị khác yêu cầu ghép nối trước khi dữ liệu có thể truyền, một âm báo sẽ phát ra và bạn được yêu cầu nhập mã khóa.
- Tạo mã khóa cho riêng bạn (1-16 ký tự, số) và thỏa thuận với người dùng thiết bị khác để sử dụng cùng mã khóa. Mã khóa này chỉ được sử dụng một lần và bạn không cần phải nhớ mã này.
- Sau khi ghép nối, thiết bị sẽ được lưu vào giao diện Các thiết bị ghép nối.

7. Khi kết nối đã được thiết lập, thông báo *Sending data* sẽ hiển thị.

Dữ liệu nhận được qua kết nối Bluetooth có thể được tìm thấy trong thư mục Hộp thư đến trong phần Nhắn tin.

Xem phần "**Inbox (Hộp thư đến)**" ở trang 54.

Biểu tượng cho các thiết bị khác nhau:

-  - *Computer*,  - *Phone*,
-  - *Audio/video*, và
-  - *Bluetooth device*.

Nếu không gửi được, tin nhắn hoặc dữ liệu sẽ bị xóa. Thư mục Nháp trong Nhấn tin sẽ không lưu các tin nhắn đã gửi qua kết nối Bluetooth.

Kiểm tra trạng thái của kết nối Bluetooth

- Khi  hiển thị ở chế độ chờ, kết nối Bluetooth sẽ được kích hoạt.
- Khi  nhấp nháy, điện thoại của bạn đang cố kết nối với thiết bị khác.
- Khi  hiển thị liên tục, kết nối Bluetooth sẽ được kích hoạt.

Giao diện thiết bị ghép nối

Các thiết bị được ghép nối sẽ được nhận ra dễ dàng hơn, chúng được chỉ báo bằng  trong danh sách kết quả tìm kiếm. Trong giao diện Bluetooth chính, di chuyển phím điều khiển sang phải để mở danh sách các thiết bị ghép nối (  ).

- **Để ghép nối một thiết bị:** Chọn **Options** → *New paired device*. Điện thoại sẽ bắt đầu dò tìm thiết bị. Di chuyển đến thiết bị bạn muốn ghép nối và bấm **Select**. Trao đổi mã khóa. Thiết bị sẽ được thêm vào danh sách Thiết bị ghép nối.
- **Để hủy việc ghép nối:** Di chuyển đến thiết bị bạn muốn hủy ghép nối và bấm phím **xóa** hoặc chọn **Options** → *Delete*. Nếu bạn muốn hủy tất cả các ghép nối, chọn **Options** → *Delete all*.
Nếu hiện tại bạn đang kết nối với một thiết bị và xóa ghép nối với thiết bị đó, ghép nối sẽ bị xóa và việc kết nối thiết bị sẽ chấm dứt, kết nối Bluetooth vẫn duy trì hoạt động trên điện thoại cầm tay.
- **Để gán hoặc không gán quyền cho thiết bị:** Di chuyển đến thiết bị và chọn **Options** → *Set as authorised*. Các kết nối giữa điện thoại và thiết bị này có thể được thực hiện mà bạn không biết. Bạn không cần chấp nhận hoặc gán quyền. Chỉ sử dụng tình trạng này cho những thiết bị của chính mình mà những người khác không có quyền

truy cập đến, ví dụ như máy PC hoặc những thiết bị thuộc về người mà bạn tin cậy. Biểu tượng  sẽ được bổ sung kế tiếp vào những thiết bị đã được gán quyền trong giao diện Thiết bị ghép nối. *Set as unauthorised* - Yêu cầu kết nối từ thiết bị này phải được chấp nhận tuần tự.

Nhận dữ liệu qua công nghệ vô tuyến Bluetooth

Khi bạn nhận dữ liệu qua công nghệ vô tuyến Bluetooth, một âm báo sẽ phát ra và bạn sẽ được hỏi có muốn nhận tin nhắn này không. Nếu bạn chấp nhận, tin này sẽ được đưa vào thư mục Hộp thư đến trong Tin nhắn. Các tin nhắn nhận được qua Bluetooth được chỉ báo bằng . Xem phần "[Inbox \(Hộp thư đến\)](#)" ở trang 54.

Ngắt kết nối Bluetooth

Một kết nối Bluetooth sẽ tự động ngắt sau khi gửi hoặc nhận dữ liệu.

Kết nối Hồng ngoại



➡ Chọn **Menu** → **Connectivity** → **Infrared**.

Qua hồng ngoại, bạn có thể gửi hoặc nhận dữ liệu như danh thiếp và ghi chú lịch đến và từ điện thoại hoặc thiết bị dữ liệu tương thích.

Không nên hướng tia IR (hồng ngoại) vào mắt hoặc làm nhiễu sóng các thiết bị hồng ngoại khác. Thiết bị này là sản phẩm laser Cấp 1.

Gửi và nhận dữ liệu qua hồng ngoại

1. Bảo đảm rằng cổng hồng ngoại của các thiết bị gửi và nhận đang hướng vào nhau và không có vật cản nào giữa các thiết bị. Khoảng cách tối ưu giữa hai thiết bị là 1 mét. Xem phần "[Các phím và bộ phận](#)" ở trang 5.
2. Người nhận sẽ kích hoạt cổng hồng ngoại.
Để khởi động cổng hồng ngoại của điện thoại nhận dữ liệu qua hồng ngoại, vào **Menu** → **Connectivity** → **Infrared**.
3. Người gửi sẽ chọn chức năng hồng ngoại theo ý muốn để bắt đầu truyền dữ liệu.

Để gửi dữ liệu qua hồng ngoại, chọn **Options** → *Send* → *Via infrared* trong một ứng dụng.

Nếu việc truyền dữ liệu không bắt đầu trong vòng 1 phút sau khi khởi động cổng hồng ngoại, việc kết nối sẽ bị hủy và phải được bắt đầu lại.

Tất cả các mục nhận được qua hồng ngoại sẽ được đưa vào thư mục Hộp thư đến trong Tin nhắn. Tin nhắn hồng ngoại mới được chỉ báo bằng .

Kiểm tra trạng thái của kết nối hồng ngoại.

- Khi  nhấp nháy, điện thoại đang cố kết nối với thiết bị khác hoặc kết nối đã bị mất.
- Khi  hiển thị liên tục, kết nối hồng ngoại đã được kích hoạt và điện thoại sẵn sàng gửi và nhận dữ liệu qua cổng hồng ngoại.

■ Connection manager (Quản lý kết nối)



➡ Chọn **Menu** → **Connectivity** → **Connection manager**.

▀ Các tùy chọn trong giao diện Quản lý kết nối khi đang có một hoặc nhiều kết nối:

Details, Disconnect, Disconnect all, Help và *Exit*.

Trong mục Quản lý kết nối, bạn có thể xác định trạng thái của nhiều kết nối dữ liệu, xem chi tiết lượng dữ liệu đã gửi và nhận, và kích thích các kết nối chưa dùng đến.

Bạn chỉ có thể xem chi tiết các kết nối dữ liệu. Những cuộc gọi thoại sẽ không được liệt kê.

Khi bạn mở mục Quản lý kết nối, bạn có thể thấy một danh sách:

- Mở các kết nối dữ liệu,  - *Data call*,  - *GPRS*.
- Trạng thái của từng kết nối.
- Lượng dữ liệu tải lên và tải về của từng kết nối (chỉ kết nối GPRS).
- Thời lượng kết nối (Chỉ kết nối cuộc gọi dữ liệu).



Lưu ý: Thời gian thực sự mà nhà cung cấp dịch vụ tính cước cho các cuộc gọi có thể khác nhau, tùy thuộc các tính năng mạng, hoàn tất việc thanh toán, v.v...

Xem chi tiết kết nối

Để xem chi tiết của một phiên kết nối, di chuyển đến một kết nối và chọn **Options** →

Details. Các tùy chọn sau sẽ hiển thị:

- *Name* - Tên Điểm Truy cập Internet (IAP) đang dùng.

- *Bearer* - Loại kết nối dữ liệu: *Data call* hoặc *GPRS*.
- *Status* - Tình trạng hiện thời của phiên kết nối.
- *Received* - Lượng dữ liệu, tính theo byte mà điện thoại đã nhận.
- *Sent* - Lượng dữ liệu, tính theo byte mà điện thoại đã gửi.
- *Duration* - Khoảng thời gian kết nối được thiết lập.
- *Speed* - Tốc độ nhận và gửi dữ liệu hiện tại theo KB/giây.
- *Dial-up* (GSM - Số kết nối đã sử dụng, hoặc *Name* (GPRS - tên điểm truy cập đã sử dụng).
- *Shared* (sẽ không hiển thị nếu kết nối không được dùng chung) - Số ứng dụng sử dụng cùng kết nối.

Ngưng kết nối

- Di chuyển đến một kết nối và chọn **Options** → *Disconnect* để chỉ kết thúc kết nối đó.
- Chọn **Options** → *Disconnect all* để đóng tất cả các kết nối hiện thời.

■ Kết nối điện thoại của bạn với máy tính tương thích

Để biết thêm thông tin về cách tạo kết nối với máy tính tương thích qua USB, hồng ngoại hoặc Bluetooth và cách cài đặt Nokia PC Suite, xem tài liệu Hướng dẫn Sử dụng Nhanh dành cho Nokia PC Suite. Để biết thêm thông tin về cách sử dụng Nokia PC Suite, Xem phần trợ giúp trên PC Suite hoặc vào trang hỗ trợ www.nokia-asia.com/support.

■ Sử dụng điện thoại làm modem

↩ Chọn **Menu** → **Connectivity** → **Modem**.

Sử dụng điện thoại làm modem để kết nối Internet với một máy PC tương thích, hoặc để gửi và nhận các bản fax.

Bạn có thể tìm thấy các hướng dẫn cài đặt chi tiết trong phần PC Suite của tài liệu hướng dẫn sử dụng. Bạn có thể tìm thêm thông tin về bộ PC Suite và các liên kết tải về trên vùng hỗ trợ trên trang web của Nokia www.nokia-asia.com/support.

■ Synchronise (Đồng bộ)



↔ Chọn **Menu** →
Connectivity → **Sync.**

Ứng dụng Sync cho phép bạn đồng bộ Lịch hoặc danh bạ với các ứng dụng Sổ địa chỉ và Lịch khác nhau trên máy tính tương thích hoặc trên Internet. Đồng bộ được thực hiện qua dữ liệu GSM hoặc qua kết nối dữ liệu.

Ứng dụng Đồng bộ sử dụng công nghệ SyncML để đồng bộ. Để có thêm thông tin về tính tương thích SyncML, xin liên hệ với nhà cung cấp ứng dụng Lịch và Sổ địa chỉ mà bạn muốn đồng bộ dữ liệu với điện thoại.

Tạo một cấu hình đồng bộ mới

▀ Tùy chọn trong menu chính Đồng bộ từ xa:

Synchronise, New sync profile, Edit sync profile, Delete, View log, Help, và Exit.

1. Nếu không có cấu hình nào được quy định, điện thoại sẽ hỏi xem bạn có muốn tạo một cấu hình mới không. Chọn **Yes**.
Để tạo thêm cấu hình mới, chọn **Options** → *New sync profile*. Chọn hoặc dùng

giá trị mặc định hoặc sao chép giá trị của cấu hình đã có và sử dụng như một cấu hình mới.

2. Xác định:

Sync profile name - Đặt tên mô tả cho cấu hình.

Data bearer - Chọn *Web* để đồng bộ với server trên Internet hoặc *Bluetooth* để đồng bộ với một thiết bị ở vị trí gần, ví dụ như máy tính tương thích.

Access point - Chọn một điểm truy cập bạn muốn sử dụng để kết nối dữ liệu.

Host address - Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ hoặc người quản trị hệ thống để có mật mã đúng.

Port - Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ hoặc người quản trị hệ thống để có mật mã đúng.

User name - Mã thuê bao của bạn cho server đồng bộ. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ hoặc người quản trị hệ thống để có mã số đúng.

Password - Nhập mật mã vào. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ hoặc người quản trị hệ thống để có mật mã đúng.

Allow sync requests -

Để cho phép các đồng bộ được server này kích hoạt.

Accept all sync reqs. -

Để cài điện thoại yêu cầu bạn xác nhận trước khi chấp nhận việc đồng bộ từ server này.

Di chuyển phím điều khiển sang phải và chọn ứng dụng bạn muốn đồng bộ.

Các ứng dụng sẵn sàng cho việc đồng bộ có thể khác nhau. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để biết thêm thông tin.

3. Bấm **Done** để lưu các cài đặt.

Đồng bộ dữ liệu

Trong giao diện Sync chính, bạn có thể nhìn thấy các cấu hình khác nhau và dữ liệu nào sẽ được đồng bộ: Lịch, Danh bạ hoặc cả hai.

1. Trong giao diện chính, di chuyển đến một cấu hình và chọn **Options** →

Synchronise. Tình trạng đồng bộ sẽ được hiển thị ở phía dưới màn hình.

Để hủy quá trình đồng bộ trước khi kết thúc, bấm

Cancel.

2. Bạn sẽ được thông báo khi quá trình đồng bộ hoàn tất.

- Sau khi quá trình đồng bộ hoàn tất, chọn **Options** → *View log* để mở nhật ký ghi lại tình trạng đồng bộ (*Complete* hoặc *Incomplete*) và có bao nhiêu mục lịch hoặc số liên lạc đã được thêm vào, cập nhật, xóa hoặc loại bỏ (không được đồng bộ) trên điện thoại hoặc trên server.

13. Giải quyết sự cố

Không đủ bộ nhớ

Khi các thông báo sau hiển thị, bộ nhớ điện thoại đã gần hết và bạn phải xóa bớt một số dữ liệu:

Not enough memory to perform operation.
Delete some data first.
 hoặc *Memory low. Delete some data.* Để xem loại dữ liệu bạn có và dung lượng bộ nhớ mà những nhóm dữ liệu khác nhau sử dụng, vào **File manager** và chọn **Options** → *Memory details*.

Bạn nên xóa các mục sau thường xuyên để tránh làm bộ nhớ mau đầy:

- Các tin nhắn trong các thư mục Hộp thư đến, Nháp và Đã gửi trong mục Nhắn tin.
- Các tin nhắn e-mail đã tải về từ bộ nhớ điện thoại.
- Các trang trình duyệt đã lưu.
- Các hình ảnh và hình chụp trong Hình ảnh.

Để xóa thông tin liên lạc, ghi chú lịch, thời gian gọi, cước cuộc gọi, điểm trò chơi hoặc bất kỳ dữ liệu nào khác, hãy vào ứng dụng tương ứng để xóa dữ liệu.

Nếu bạn đang xóa nhiều mục và các thông báo sau hiển thị: *Not enough memory to perform operation. Delete some data first.* hoặc *Memory low. Delete some data.* thử xóa từng mục (bắt đầu từ mục có kích thước nhỏ nhất).

Xóa bộ nhớ lịch - Để xóa nhiều sự kiện cùng một lúc, hãy vào kiểu xem tháng và chọn **Options** → *Delete entry* → hoặc:

- *Before date* - để xóa tất cả các ghi chú lịch được đặt trước ngày cụ thể. Nhập ngày đứng trước các ghi chú lịch sẽ bị xóa. hoặc
- *All entries* - để xóa tất cả các ghi chú lịch.

Xóa thông tin nhật ký - Để xóa tất cả nội dung của nhật ký, Nhật ký cuộc gọi mới nhất và các Báo cáo gửi tin nhắn cố định, vào Nhật ký và chọn **Options** → *Clear log* hoặc vào *Settings* → *Log duration* → *No log*.

Các cách lưu dữ liệu khác nhau:

- Sử dụng Nokia PC Suite để tạo bản dự phòng cho tất cả các dữ liệu vào máy tính tương thích.

- Gửi hình ảnh đến địa chỉ e-mail và sau đó lưu hình ảnh vào máy tính của bạn (dịch vụ mạng).
- Gửi dữ liệu qua cổng Hồng ngoại hoặc công nghệ Bluetooth đến một thiết bị tương thích.
- Lưu dữ liệu trên thẻ nhớ tương thích.

■ Hỏi&Đáp

Camera

- Hỏi: Vì sao hình ảnh có vẻ lem nhem?

Đáp: Kiểm tra xem cửa sổ bảo vệ ống kính camera có sạch không.

Bluetooth

- Hỏi: Vì sao tôi không thể ngắt kết nối Bluetooth?

Đáp: Nếu có một thiết bị khác kết nối với điện thoại, bạn có thể ngắt kết nối từ thiết bị đó hoặc ngưng kích hoạt Bluetooth. Chọn Bluetooth và chọn cài đặt *Bluetooth* → *Off*.

- Hỏi: Vì sao tôi không thể tìm thấy thiết bị đã kích hoạt Bluetooth của người bạn?

Đáp: Kiểm tra xem cả bạn và bạn của bạn đã kích hoạt Bluetooth hay chưa.

Kiểm tra xem khoảng cách giữa hai thiết bị có quá 10 mét không hoặc không có bức tường hoặc vật chướng ngại nào giữa hai thiết bị.

Kiểm tra xem thiết bị kia có đang ở chế độ "Ẩn" hay không.

Kiểm tra xem cả hai thiết bị có tương thích không.

Nhắn tin đa phương tiện

- Hỏi: Tôi phải xử lý như thế nào khi điện thoại thông báo không thể nhận tin nhắn đa phương tiện do bộ nhớ đầy?

Đáp: Dung lượng bộ nhớ cần thiết sẽ được chỉ báo trong thông báo lỗi: *Not enough memory to retrieve message. Delete some data first*. Để xem loại dữ liệu bạn có và dung lượng bộ nhớ mà những nhóm dữ liệu khác nhau sử dụng, vào **File manager** và chọn **Options** → *Memory details*.

- Hỏi: Làm thế nào để ngắt kết nối dữ liệu khi điện thoại cứ lặp đi lặp lại phiên kết nối? Một thông báo ngắn trên màn hình sẽ cho biết điện thoại đang tải hoặc đang cố gắng

tải về một tin nhắn. Chuyện gì đang xảy ra?

Đáp: Điện thoại đang cố nhận tin nhắn đa phương tiện về từ trung tâm nhắn tin đa phương tiện.

Kiểm tra xem cài đặt tin nhắn đa phương tiện đã được xác nhận đúng chưa và không có lỗi nào trong phần nhập số điện thoại và địa chỉ. Chọn **Messaging** và chọn **Options**

→ *Settings* →

Multimedia message.

Để ngừng kết nối dữ liệu, bạn có các tùy chọn sau: Chọn

Messaging và chọn **Options**

→ *Settings* →

Multimedia message, sau đó:

- Chọn *On receiving msg.* → *Defer retrieval* nếu bạn muốn trung tâm nhắn tin đa phương tiện lưu lại tin nhắn để tải về sau, ví dụ sau khi bạn đã kiểm tra các cài đặt. Sau thay đổi này, điện thoại vẫn cần gửi thông tin về mạng. Để tải tin nhắn sau, chọn *Retr.* *immediately*.
- Chọn *On receiving msg.* → *Reject message* - nếu bạn muốn

từ chối tất cả tin nhắn đa phương tiện gửi đến. Sau thay đổi này, điện thoại vẫn cần gửi thông tin về mạng và trung tâm nhắn tin đa phương tiện sẽ xóa tất cả tin nhắn đa phương tiện đang chờ gửi cho bạn.

- Chọn *Multimedia reception* → *Off* - nếu bạn muốn bỏ qua tất cả tin nhắn đa phương tiện gửi đến. Sau thay đổi này, điện thoại sẽ không thực hiện bất kỳ kết nối mạng nào liên quan đến nhắn tin đa phương tiện.

Nhắn tin

- Hỏi: Vì sao tôi không thể chọn một số liên lạc?

Đáp: Nếu bạn không thể chọn một số liên lạc trong Danh bạ, có thể số điện thoại và địa chỉ e-mail đó không có trên thẻ liên lạc. Thêm các thông tin còn thiếu này vào thẻ liên lạc trong ứng dụng Danh bạ.

Lịch

- Hỏi: Tạo sao các số trong tuần bị thiếu?

Đáp: Nếu bạn đã thay đổi cài đặt Lịch, ngày đầu tuần không phải là Thứ Hai, số tuần sẽ không hiển thị.

Dịch vụ Trình duyệt

- Hỏi: *No valid access point defined. Define one in Web settings.*
Đáp: Cài đặt các thông số trình duyệt chính xác. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để được hướng dẫn thêm.

Nhật ký

- Hỏi: Vì sao nhật ký hiển thị trống?
Đáp: Có thể bạn đã kích hoạt một bộ lọc và không có sự kiện liên lạc nào thích hợp với bộ lọc mà bạn đã đăng nhập vào. Để xem tất cả các sự kiện, chọn **Options** → *Filter* → *All communication*.

Kết nối với máy PC

- Hỏi: Vì sao tôi gặp sự cố khi kết nối điện thoại với máy PC?
Đáp: Bảo đảm bộ Nokia PC Suite đã được cài đặt và chạy trên máy PC. Xem phần Hướng dẫn Sử dụng Nhanh dành cho Nokia PC Suite. Để biết thêm thông tin về cách sử dụng Nokia PC Suite, Xem phần trợ giúp trên PC Suite hoặc vào trang hỗ trợ www.nokia-asia.com/support.

Mã truy nhập

- Hỏi: Mật mã để khóa, mã PIN hoặc mã PUK là gì?
Đáp: Mã khóa mặc định là **12345**. Nếu bạn quên hoặc làm mất mã khóa, liên hệ với đại lý bán lẻ của bạn.
Nếu bạn quên hoặc làm mất mã PIN hoặc mã PUK hoặc nếu bạn không nhận được các mã này, liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ mạng.
Để biết thêm thông tin về mật mã, liên hệ với nhà cung cấp điểm truy cập, ví dụ Nhà cung cấp Dịch vụ Internet (ISP), nhà cung cấp dịch vụ hoặc nhà điều hành mạng.

Ứng dụng bị treo.

- Hỏi: Làm thế nào để đóng ứng dụng đang bị treo?
Đáp: Mở ứng dụng, chuyển cửa sổ ứng dụng bằng cách bấm và giữ . Sau đó di chuyển đến ứng dụng và bấm phím **xóa** để đóng ứng dụng lại.

14. Thông tin về pin

■ Sạc và Xả pin

Điện thoại được cấp điện bằng một loại pin có thể sạc lại được.

Lưu ý rằng pin mới chỉ nạp đầy điện sau hai hoặc ba lần sạc và xả pin!

Pin có thể được sạc và xả hàng trăm lần nhưng cuối cùng cũng sẽ hư. Khi thời gian hoạt động (thời gian thoại và thời gian chờ) ngắn hơn nhiều so với bình thường, đó là lúc bạn phải mua pin mới.

Chỉ sử dụng pin và sạc lại pin bằng bộ sạc do nhà sản xuất cung cấp. Rút dây bộ sạc ra khi không sử dụng. Không nên để pin nổi với bộ sạc quá một tuần, độ bền của pin có thể giảm đi do sạc quá lâu. Nếu để pin sạc đầy nhưng không sử dụng thì pin sẽ tự xả theo thời gian.

Nhiệt độ thất thường sẽ ảnh hưởng đến khả năng nạp điện cho pin.

Chỉ sử dụng pin đúng mục đích. Không nên sử dụng bộ sạc hoặc pin đã bị hư.

Không nên để pin chập mạch. Chập mạch có thể bất ngờ xảy ra khi để một vật bằng kim loại (đồng tiền, kẹp giấy hoặc cây bút) tiếp xúc trực tiếp với cực + và cực - của pin (mảnh kim loại trên pin) ví dụ khi bạn mang pin dự phòng ở trong túi hoặc ví. Việc chập mạch các cực pin có thể làm hư pin hoặc vật nổi hai cực.

Để pin trong môi trường nóng hoặc lạnh, chẳng hạn như trong xe đóng kín cửa vào mùa đông hoặc mùa hè sẽ làm giảm điện tích và độ bền của pin. Nên giữ pin luôn ở nhiệt độ khoảng từ 15°C đến 25°C (59°F đến 77°F).

Điện thoại sẽ tạm ngừng hoạt động khi pin nóng hoặc lạnh, ngay cả khi pin được sạc đầy. Hoạt động của pin đặc biệt bị giới hạn ở nhiệt độ dưới đông.

Không được bỏ pin vào trong lửa!

Bỏ pin theo quy định của địa phương (ví dụ như tái chế). Không được bỏ pin như rác sinh hoạt.

■ Phải An toàn. Sử dụng Sản phẩm chính hãng.

Hãy luôn sử dụng các Phụ kiện Chính hãng Nokia để bảo đảm an toàn cho bạn. Để chắc chắn là bạn đang sử dụng pin chính hãng Nokia, hãy mua pin tại một đại lý phân phối sản phẩm Nokia được ủy quyền, xem xét logo Phụ kiện Chính hãng Nokia trên bao bì và kiểm tra các tính năng an toàn của pin sẽ được trình bày dưới đây. Các tính năng an toàn này chỉ có ở chúng loại pin chính hãng Nokia với các nhãn ảnh ba chiều.

Các bước sau nhằm giúp bạn xác định sản phẩm pin của mình đích thực là Phụ kiện Chính hãng Nokia. Tuy nhiên, việc thực hiện đầy đủ các bước cũng không phải là bảo đảm xác thực pin chính hãng. Nếu bạn có bất cứ nghi ngờ rằng pin của bạn không phải là Phụ kiện Chính hãng Nokia, bạn nên ngưng sử dụng ngay lập tức và mang sản phẩm tới trung tâm dịch vụ Nokia hay đại lý phân phối sản phẩm được ủy quyền để được hỗ trợ.

Bạn kiểm tra tính năng an toàn của pin như thế nào?

Bước 1:



Khi nhìn vào nhãn ảnh ba chiều, bạn phải thấy được biểu tượng hai Bàn tay Kết nối của Nokia từ một góc độ nhất định và logo Phụ kiện Chính hãng Nokia khi nhìn từ góc độ khác.

Bước 2:



Khi bạn nghiêng ảnh ba chiều của logo sang bên trái, phải, trên và dưới, bạn phải thấy được 1, 2, 3 và 4 điểm lần lượt trên mỗi cạnh.

Bước 3:



Cào cạnh của nhãn để làm hiện ra mã pin 20 số. Bạn có thể đọc mã pin 20 số bắt đầu ở số từ trên xuống dưới, ví dụ
12345678919876543210.

Bước 4:



Xác nhận tính hợp lệ của mã pin 20 số trên bằng cách kiểm chứng nó trên trang web của Nokia hoặc thông qua tin nhắn văn bản.

2 cách để xác nhận mã pin 20 số

- Vào trang web www.nokiaoriginals.com/ check và thực hiện theo các chỉ dẫn; hoặc
- Vào chức năng Tin nhắn, vào phần Soạn tin nhắn.
Nhập vào mã pin 20 số ở trên, ví dụ
12345678919876543210 và gửi tới số +61 427 15 15 15. Bạn sẽ bị tính phí nhắn tin SMS. Nếu bạn đang thực hiện việc kiểm chứng ở ngoài nước Úc, cước phí SMS quốc tế sẽ được áp dụng.

Sau khi đã hoàn thành tất cả các bước, bạn sẽ nhận được một tin nhắn thông báo tính hợp lệ của mã pin mà bạn đã nhập.

Nếu bạn cần được hỗ trợ xác nhận mã pin, liên hệ với các Trung tâm Chăm sóc Khách hàng của Nokia tại địa phương được liệt kê trên trang web www.nokia-asia.com/carecentrelocator.

Phải làm gì khi pin của bạn không phải là chính hãng?

- Sau khi đã hoàn thành bốn bước trên, nếu bạn không thể xác nhận được pin đang sử dụng là chính hãng hay không, hãy ngưng sử dụng pin. Việc sử dụng pin không được nhà sản xuất phê chuẩn có thể gây nguy hiểm, hiệu năng hoạt động kém hoặc gây hại cho thiết bị và phụ kiện. Điều này cũng có thể làm mất hiệu lực của các phê chuẩn hay bảo hành đối với thiết bị.
- Hãy liên hệ với nhà bán lẻ nơi bán pin cho bạn để có hướng giải quyết tiếp theo.

Để biết thêm thông tin về Phụ kiện Chính hãng Nokia, hãy vào trang web www.nokiaoriginals.com.

15. Các phụ kiện chính hãng

Một loạt phụ kiện hiện đang có sẵn cho điện thoại của bạn. Chọn các phụ kiện thích hợp với nhu cầu liên lạc của riêng mình.



Một vài phụ kiện được mô tả chi tiết dưới đây.

Để biết thêm về các phụ kiện có sẵn, liên hệ với đại lý tại địa phương. Sau đây là một số hướng dẫn thực tế về cách sử dụng phụ kiện:

- Để phụ kiện ngoài tầm với của trẻ em.
- Khi bạn rút dây dẫn của bất kỳ phụ kiện nào ra, cầm vào phích cắm, không nên kéo dây.
- Thường xuyên kiểm tra mọi thiết bị điện thoại di động trong xe đã được lắp và vận hành đúng chưa.

Chỉ sử dụng pin, bộ sạc và phụ kiện do nhà sản xuất điện thoại kiểm duyệt. Việc sử dụng bất kỳ loại nào khác sẽ làm mất hiệu lực kiểm duyệt hoặc bảo hành và có thể gây nguy hiểm.

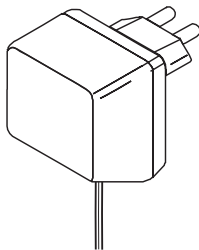
■ Điện nguồn

Loại	Công nghệ	Thời gian thoại *	Thời gian chờ *
BL-5B	Li-Ion	Đạt 2 giờ - 4 giờ	Đạt 100 giờ - 150 giờ

* Thời gian hoạt động có thể thay đổi tùy thuộc thẻ SIM, các cài đặt mạng và sử dụng, cách thức và môi trường sử dụng. Sử dụng đài FM và bộ tai nghe tích hợp sẽ ảnh hưởng đến thời gian thoại và thời gian chờ.

Bộ Sạc Chuẩn (ACP-7)

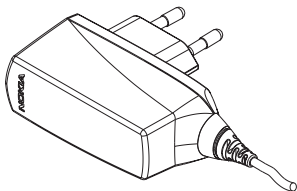
Bộ sạc nhỏ gọn và bền ACP-7 cho phép sạc pin nhanh chóng và tiện lợi. Bạn có thể dễ dàng nối bộ sạc với điện thoại hoặc để sạc bàn.



Lưu ý: Các loại phích cắm thay đổi theo thị trường.

Bộ sạc du lịch (ACP-12)

Bộ sạc du lịch gọn nhẹ với công nghệ chuyển đổi đa điện áp (100 - 240V). Giúp bạn sạc điện thoại dễ dàng và tiện lợi.



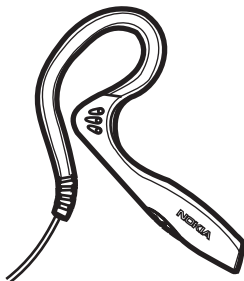
Lưu ý: Các loại phích cắm thay đổi theo thị trường.

■ Âm thanh

Bộ tai nghe (HDB-4)

Bộ tai nghe gọn nhẹ này có kiểu dáng Nokia tuyệt đẹp và nổi bật. Mang đến cho bạn chất lượng âm thanh tuyệt hảo và bạn có thể trả lời và kết thúc cuộc gọi

bằng cách bấm nút trên bộ phận micrô của bộ tai nghe.



16. Giữ gìn và Bảo trì

Điện thoại là sản phẩm được thiết kế cao cấp và tinh vi, vì vậy phải được giữ gìn cẩn thận. Những đề nghị sau đây sẽ giúp bạn thực hiện tốt các quy định bảo hành.

- Giữ điện thoại khô ráo. Chất kết tủa, độ ẩm và tất cả các loại chất lỏng hoặc ẩm ướt có chứa khoáng chất sẽ ăn mòn các mạch điện tử. Nếu điện thoại bị ẩm ướt, tháo pin ra khỏi điện thoại và để điện thoại thật khô trước khi đặt pin trở lại.
- Không nên sử dụng hoặc đặt điện thoại ở những nơi có bụi bẩn. Các bộ phận di động và các linh kiện điện tử của điện thoại có thể bị hư.
- Không nên cất điện thoại ở những nơi khô nóng. Nhiệt độ cao có thể làm giảm độ bền của thiết bị điện tử, làm hư pin, cong hoặc cháy một số linh kiện nhựa.
- Không nên cất điện thoại ở những nơi quá lạnh. Khi điện thoại trở về nhiệt độ bình thường của nó, hơi ẩm đọng lại trong điện thoại sẽ gây hư hỏng các bản mạch điện tử.
- Không tìm cách mở điện thoại khác với những điều chỉ dẫn trong sách hướng dẫn này.

- Không làm rơi, đập, hoặc lắc điện thoại. Việc dùng mạnh tay có thể làm hư các bản mạch điện tử bên trong điện thoại.
- Không sử dụng hóa chất mạnh, chất tẩy rửa, hoặc xà phòng đậm đặc để lau chùi điện thoại.
- Không được sơn điện thoại. Nước sơn có thể làm nghẽn các bộ phận di động và khiến điện thoại hoạt động không chính xác.
- Dùng miếng vải mềm, sạch và khô để lau chùi các ống kính (ví dụ như camera, bộ cảm biến khoảng cách, và bộ cảm biến ánh sáng).
- Chỉ sử dụng ăng-ten được cung cấp hoặc ăng-ten thay thế đã qua kiểm duyệt. Việc sửa đổi hoặc lắp ăng-ten không được kiểm duyệt có thể làm hư điện thoại và vi phạm các quy định về các dịch vụ vô tuyến.

Tất cả các đề nghị trên sẽ áp dụng chung cho điện thoại, pin, bộ sạc hoặc bất kỳ phụ kiện cải tiến nào. Nếu điện thoại không hoạt động, đem máy đến dịch vụ được ủy quyền gần nhất để được sửa chữa.

17. Thông tin bổ sung về sự an toàn

■ Môi trường hoạt động

Phải tuân thủ các luật lệ đặc biệt hiện hành ở những nơi có qui định và đồng thời phải luôn tắt điện thoại ở những nơi bị cấm sử dụng, hoặc có thể gây nhiễu sóng hoặc nguy hiểm.

Chỉ sử dụng điện thoại ở vị trí vận hành thông thường. Để tuân theo các quy định về mức độ phơi nhiễm sóng điện từ, chỉ sử dụng các phụ kiện được Nokia chấp thuận để sử dụng với kiểu điện thoại này. Khi điện thoại đang bật và đang được mang bên người, luôn sử dụng ngăn chứa hoặc bao đeo được phê chuẩn.

Các bộ phận của điện thoại có từ tính. Điện thoại có thể hút các vật chất bằng kim loại, và những người có thiết bị trợ thính không nên cầm điện thoại ở tai có đeo thiết bị trợ thính. Luôn đặt điện thoại nằm trong giá đỡ vì tai nghe của điện thoại có thể hút các vật chất bằng kim loại. Không được đặt thẻ tín dụng hoặc các thiết bị lưu trữ có từ tính khác gần điện thoại vì thông tin được lưu trữ có thể bị xóa.

■ Thiết bị y tế

Khi sử dụng bất kỳ thiết bị vô tuyến nào, kể cả điện thoại di động, đều có thể gây nhiễu sóng một số chức năng của các thiết bị y tế vốn không được bảo vệ đúng mức. Tham vấn với bác sĩ hoặc nhà sản xuất thiết bị y tế để biết các thiết bị này có được

bảo vệ khỏi năng lượng bức xạ sóng vô tuyến không hoặc nếu có bất kỳ thắc mắc nào khác. Tắt điện thoại ở trung tâm y tế khi có dán qui định hướng dẫn ở những nơi này. Bệnh viện hoặc các trung tâm y tế có thể sử dụng thiết bị nhạy với sóng vô tuyến.

Máy điều hòa nhịp tim

Các nhà sản xuất máy điều hòa nhịp tim khuyến nghị đặt điện thoại cầm tay vô tuyến cách máy điều hòa nhịp tim tối thiểu là 6 inch (15,3 cm) để tránh gây nhiễu sóng. Những khuyến nghị này là kết quả của quá trình nghiên cứu độc lập, đồng thời cũng là khuyến nghị của viện Nghiên cứu Công nghệ Vô tuyến. Người đeo máy điều hòa nhịp tim nên:

- đặt điện thoại cách máy điều hòa nhịp tim ít nhất 6 inch (15,3 cm) khi bật điện thoại;
- không để điện thoại trong túi áo ngực; và
- nghe bằng tai đối diện với máy điều hòa nhịp tim để giảm thiểu nguy cơ nhiễu sóng.

Nếu có lý do nghi ngờ máy điều hòa nhịp tim đang bị nhiễu sóng, tắt điện thoại ngay.

Thiết bị trợ thính

Một số thiết bị vô tuyến kỹ thuật số có thể gây nhiễu sóng thiết bị trợ thính. Bạn có thể tham vấn với nhà cung cấp dịch vụ nếu bị nhiễu sóng.

■ Phụ kiện cải tiến

Một số nguyên tắc sử dụng phụ kiện và phụ kiện cải tiến

- Giữ tất cả phụ kiện và phụ kiện cải tiến ngoài tầm tay trẻ em.
- Khi bạn rút dây dẫn của bất kỳ phụ kiện hoặc phụ kiện cải tiến nào ra, cắm vào phích cắm, không nên kéo dây.
- Kiểm tra thường xuyên xem các phụ kiện lắp trên xe có được gắn và hoạt động đúng không.
- Việc lắp bất kỳ phụ kiện phức tạp nào trên xe đều phải được nhân viên có khả năng chuyên môn thực hiện.

■ Xe cộ

Một số tín hiệu vô tuyến có thể ảnh hưởng không tốt đến các hệ thống điện tử chưa được bảo vệ đúng mức hoặc lắp đặt không đúng trong các xe mô tô, ví dụ như hệ thống bơm xăng điện tử, hệ thống thắng chống trượt (chống xóc) điện tử, hệ thống kiểm soát tốc độ điện tử, hệ thống túi đệm khí). Để biết thêm thông tin, kiểm tra với nhà sản xuất hoặc người đại diện về bất kỳ thiết bị nào được gắn trên xe.

Chỉ những nhân viên có khả năng chuyên môn mới được sửa chữa điện thoại di động, hoặc lắp điện thoại trong xe. Lắp đặt sai hoặc sửa chữa điện thoại không đúng có thể gây nguy hiểm và làm mất hiệu lực bảo hành cho sản phẩm. Thường xuyên kiểm tra mọi thiết bị điện thoại di động trong xe đã được lắp và vận hành đúng chưa. Không lưu trữ hoặc chuyên chở các chất lỏng dễ cháy, gas hoặc chất nổ chung với điện thoại, các phụ kiện cải tiến hoặc phụ tùng điện thoại. Đối với xe hơi có trang bị túi đệm khí, xin lưu ý túi đệm khí khi nổ sẽ tạo ra một lực lớn. Không được đặt đồ vật, kể cả thiết bị vô tuyến lắp sẵn hoặc di động ở khu vực phía trên túi đệm khí hoặc khu vực sử dụng túi đệm khí. Nếu thiết bị vô tuyến trên xe không được lắp đặt đúng thì khi túi đệm khí nổ có thể gây thương tật nghiêm trọng.

Cấm sử dụng điện thoại di động khi ở trên máy bay. Tắt điện thoại di động trước khi máy bay cất cánh. Sử dụng điện thoại vô tuyến trên máy bay có thể gây nguy hiểm cho việc vận hành máy bay, làm gián đoạn mạng điện thoại vô tuyến và có thể xem là bất hợp pháp.

■ Môi trường có khả năng gây nổ

Tắt điện thoại khi ở trong khu vực dễ phát nổ và phải tuân theo tất cả các bảng hướng dẫn. Môi trường có khả năng gây nổ bao gồm cả các khu vực nơi bạn thường được yêu cầu tắt máy xe. Các tia lửa trong những khu vực như thế có thể phát cháy nổ gây thương tật hoặc thậm chí tử vong.

Tắt điện thoại tại các trạm tiếp nhiên liệu, ví dụ như ở gần nơi đổ xăng tại các trạm dịch vụ. Hãy tuân theo các quy định hạn chế việc sử dụng các thiết bị vô tuyến tại các kho hàng, kho lưu trữ và phân phối nhiên liệu, nhà máy hóa chất hoặc khu vực đang tiến hành phá nổ. Những khu vực có khả năng gây nổ không phải luôn được niêm yết rõ ràng. Những khu vực này bao gồm dưới boong tàu, các phương tiện chuyên chở hoặc kho hóa chất, các phương tiện sử dụng khí đốt lỏng (như propan hay butan); ở môi trường không khí có hóa chất hay những hạt nhỏ thóc gạo, bụi hoặc bột kim loại.

■ Thông tin an toàn về các trò chơi video

Chứng nhạy cảm ánh sáng

Một tỉ lệ rất nhỏ người dân có thể gặp chứng nhạy cảm ánh sáng khi bị tiếp xúc với các hình ảnh trực quan, bao gồm các đèn chớp hoặc các mẫu hình có thể xuất hiện trong các trò chơi video. Ngay cả những người không có tiền sử bệnh này hoặc bệnh động kinh có thể vẫn có thể,

trong một số trường hợp mà bác sĩ chưa chẩn đoán được, xuất hiện những cơn động kinh do nhạy cảm với ánh sáng khi xem các trò chơi video. Những sự lên cơn này có thể có nhiều triệu chứng khác nhau, gồm có mê sảng, giảm thị lực, co giật mắt hoặc mặt, co giật hoặc lắc tay hoặc chân, mất phương hướng, rối loạn, hoặc mất nhận thức tạm thời. Hội chứng này cũng có thể gây ra sự mất ý thức hoặc chứng co giật có thể dẫn đến chấn thương do té ngã hoặc va chạm vào các vật xung quanh.

Ngừng chơi ngay lập tức và tham vấn bác sĩ nếu bạn cảm thấy bất kỳ triệu chứng nào như trên. Người lớn cho phép trẻ thiếu niên (hoặc trẻ nhỏ) chơi các trò chơi nên theo dõi để hỏi con trẻ của họ về các triệu chứng này vì chúng dễ gặp những chứng bệnh này hơn người lớn. Nguy cơ của chứng động kinh do nhạy sáng có thể được giảm thiểu bằng cách chơi trong phòng được chiếu sáng tốt và không chơi khi bạn đang buồn ngủ hoặc mệt mỏi. Nếu bạn hoặc bất cứ người thân nào của bạn có tiền sử các chứng bệnh này hoặc bệnh động kinh, hãy tham vấn bác sĩ trước khi chơi.

Chơi game an toàn

Ngưng chơi ít nhất mỗi nửa giờ một lần. Ngưng chơi ngay nếu bạn bắt đầu cảm thấy mệt mỏi hoặc nếu bạn cảm thấy có cảm giác khó chịu hoặc nhói đau ở bàn tay và/hoặc cánh tay. Nếu các triệu chứng trên vẫn tiếp tục xuất hiện, hãy đi khám bác sĩ.

Việc sử dụng hiệu ứng rung có thể làm các chấn thương nặng thêm. Không nên bật hiệu ứng rung nếu bạn thấy có bất cứ cảm giác đau nào trong xương hoặc khớp ngón tay, bàn tay, cổ tay hoặc cánh tay.

■ Cuộc gọi khẩn cấp



Chú ý: Cũng như các thiết bị vô tuyến khác, điện thoại này sử dụng tín hiệu truyền thanh, mang vô tuyến và hữu tuyến cũng như các chức năng khác do người sử dụng lập trình. Do đó, các kết nối không đảm bảo trong mọi điều kiện. Bạn không nên chỉ dựa vào điện thoại vô tuyến cho các cuộc liên lạc khẩn cấp như cấp cứu y tế chẳng hạn.

Nếu đang sử dụng một số tính năng nhất định, trước tiên bạn cần tắt các tính năng này mới có thể gọi số khẩn cấp được. Nếu thiết bị này đang ngoại tuyến hoặc đang ở chế độ trên máy bay, bạn phải thay đổi cấu hình để kích hoạt chức năng điện thoại trước khi bạn có thể thực hiện cuộc gọi khẩn cấp. Để biết thêm thông tin, tham khảo tài liệu này hoặc tham khảo ý kiến của nhà cung cấp dịch vụ.

Khi gọi số khẩn cấp, cung cấp tất cả thông tin cần thiết càng chính xác càng tốt. Điện thoại vô tuyến có thể là phương tiện liên lạc duy nhất tại hiện trường xảy ra tai nạn. Không nên cúp điện thoại trừ khi được yêu cầu.

Để gọi khẩn cấp:

1. Bật điện thoại nếu chưa bật.
Kiểm tra cường độ tín hiệu mạng thích hợp.
Một số mạng có thể yêu cầu phải lắp đúng thẻ SIM hợp lệ vào điện thoại.
2. Bấm phím **kết thúc** nhiều lần để xóa màn hình hiển thị và sẵn sàng cho các cuộc gọi.
3. Nhập số điện thoại khẩn cấp chính thức tại nơi ở hiện thời của bạn. Số khẩn cấp thay đổi tùy theo địa phương.
4. Bấm phím **gọi**.

■ Thông tin về chứng nhận (SAR)

Kiểu điện thoại này đáp ứng các quy định quốc tế về tiếp xúc với sóng vô tuyến.

Điện thoại di động là một thiết bị truyền và nhận sóng vô tuyến. Điện thoại được thiết kế và sản xuất sao cho không vượt quá giới hạn tiếp xúc với tần số vô tuyến (RF) được qui định bởi hướng dẫn quốc tế (ICNIRP). Các giới hạn này là phần hướng dẫn toàn diện và thiết lập các mức độ tiếp xúc sóng vô tuyến cho phép dành cho công chúng. Các hướng dẫn này được triển khai bởi các tổ chức khoa học độc lập định kỳ và qua việc đánh giá các nghiên cứu khoa học. Các hướng dẫn này bao gồm một ngưỡng an toàn đáng kể được thiết kế để bảo đảm an toàn của tất cả mọi người, bất kể tuổi tác cũng như sức khỏe. Tiêu chuẩn tiếp xúc dành cho điện thoại di động áp dụng một đơn vị đo được gọi là Tỷ lệ Hấp thụ Riêng, hoặc SAR. Giới hạn SAR được nêu trong hướng dẫn quốc tế là 2,0 W/kg*. Các thử nghiệm về SAR được tiến hành theo vị trí vận hành chuẩn khi điện thoại truyền ở mức năng lượng được chứng nhận là cao nhất trong mọi băng tần thử nghiệm. Mặc dù SAR được kiểm tra ở mức năng lượng cao nhất, nhưng mức SAR thực sự của điện thoại trong khi vận hành có thể dưới giá trị cực đại này. Lý do là điện thoại được thiết kế để vận hành ở nhiều mức năng lượng để chỉ sử dụng năng lượng mà mạng yêu cầu.

Nói chung, nếu bạn càng gần trạm phát, thì năng lượng phát ra càng thấp.

Giá trị SAR cao nhất dành cho kiểu điện thoại này được thử nghiệm khi đặt ở tai là 0,39 W/kg. Trong khi có những khác biệt giữa các mức SAR của các điện thoại khác nhau và ở các vị trí khác nhau, các mức độ này đều tuân theo các hướng dẫn quốc tế thích hợp về tiếp xúc sóng vô tuyến.

Sản phẩm này đáp ứng các tiêu chuẩn tiếp xúc RF khi cầm ở vị trí thông thường gần tai hoặc cách xa cơ thể ít nhất 2,2 cm. Khi sử dụng túi đeo, đai đeo hoặc ngăn chứa để mang điện thoại bên mình, bạn cần đảm bảo các thiết bị này không chứa kim loại và cách xa cơ thể ít nhất 2,2 cm.

*Giới hạn SAR dành cho công chúng sử dụng điện thoại di động là 2,0 watts/kilogram (W/kg) trung bình trên mười gram mô. Các hướng dẫn này bao gồm một ngưỡng an toàn đáng kể để bảo vệ thêm cho công chúng và để giải thích cho bất kỳ thay đổi nào trong việc đo đạc. Giá trị SAR khác nhau tùy thuộc vào các yêu cầu báo cáo trong nước và hệ thống mạng. Để biết thêm thông tin về SAR ở những khu vực khác, vui lòng xem mục thông tin sản phẩm tại địa chỉ web: www.nokia-asia.com.

Từ mục

A

An toàn cho người sử dụng vi
Application 72

Â

Âm thanh 129
tắt chuông báo 12

B

Bắt đầu và xem cuộc trò
chuyện riêng 68
Bộ đếm dữ liệu GPRS 21
Bộ nhớ dùng chung ix
Bộ Sạc Chuẩn (ACP-7) 128
Bộ sạc du lịch (ACP-12) 129
Bộ tai nghe (HDB-4) 129
Bật radio 42
Bật và tắt điện thoại 3
Bookmark (Chỉ mục) 106
Browsing 107

C

Các bước cơ bản để truy cập 105
Các cài đặt bộ đàm 14
Các chức năng gọi điện 11
Các chỉ báo cần biết 6
Các dịch vụ mạng viii
Các Dịch vụ và Ứng dụng 105
Các liên lạc 69
Các phím và bộ phận 5
Các phụ kiện chính hãng 128
Các thư mục mặc định khác 37
Các thao tác chung cho
tất cả ứng dụng 8
Các tùy chọn trong khi gọi 13
Các yêu cầu gọi lại 16
Cài đặt đa phương tiện 54
Cài đặt ứng dụng 73
Cài đặt âm báo 98
Cài đặt camera 39

Cài đặt chỉ tiêu 104
Cài đặt dành cho e-mail 54
Cài đặt dịch vụ duyệt web
cho điện thoại 105
Cài đặt kết nối Bluetooth 113
Cài đặt lại chỉ tiêu và mã chỉ tiêu 104
Cài đặt nhắn tin 60
Cài đặt riêng điện thoại 81
Cài đặt thư mục Other 64
Cài đặt tiền tệ và tỉ giá hối đoái 97
Cài đặt trình duyệt 110
Cài đặt Visual Radio 46
Calculator (Máy tính) 96
Calendar (Lịch) 33
Call barring (Chặn cuộc gọi) 93
Call duration (Thời gian gọi) 20
Call settings 85
Call waiting - Cuộc gọi chờ
(dịch vụ mạng) 13
Camera 38
Cập nhật thông tin Hiện diện 31
Cấu hình Presence 32
Cell broadcast 60, 64
Chụp hình hoặc ghi một
đoạn video clip 38
Chuyển đổi đơn vị 96
Clock (Đồng hồ) 98
Connectivity (Kết nối) 112
Conference call (Cuộc gọi hội
nghị - dịch vụ mạng) 12
Connection manager
(Quản lý kết nối) 117
Connection settings 86
Contact (Danh bạ) 25
Converter (Bộ chuyển đổi) 96
Copy văn bản 24
Cuộc gọi
chuyển 13
quốc tế 11
Cuộc gọi khẩn cấp 134

D

Dự phòng và khôi phục thông tin 100
Danh mục Kênh 46
Date and time 90
Dịch vụ Presence 28
Device manager 79
Dò sóng và lưu kênh radio 43
Downloading files 37
Dung lượng bộ nhớ đã dùng 77

Đ

Để bắt đầu sử dụng 1
Đồng bộ dữ liệu 120
Định dạng thẻ nhớ 100
Điều chỉnh âm lượng 9
Điện thoại của bạn 5

E

E-mail 62
Enhancement (Phụ kiện) 94
Extra (Mở rộng) 96

F

File Manager(Quản lý tập tin) 76

G

Gửi dữ liệu qua công nghệ
Bluetooth 113
Gán các phím quay số nhanh 27
Gán một lệnh thoại cho
một ứng dụng 78
Gallery (Bộ sưu tập) 36
Games (Trò chơi) 111
Giữ gìn và Bảo trì 130
Giá trị SAR 135
Giải quyết sự cố 121
Hỏi&Đáp 122
Giới thiệu điện thoại viii
Giao diện thiết bị ghép nối 115
Go to (Menu nhanh) 94

H

Hộp thư thoại 11
thay đổi số điện thoại 11
Hiệu chỉnh cài đặt trò chuyện 66

I

Inbox (Hộp thư đến) 54

K

Kết nối đến một server trò chuyện 65
Kết nối điện thoại của bạn với
máy tính tương thích 118
Kết nối Bluetooth 112
Kết nối dịch vụ bộ đàm 15
Kết nối Hồng ngoại 116
Kích hoạt một ứng dụng
bằng lệnh thoại 79
Khóa bàn phím (Bảo vệ phím) 7
Khóa thẻ nhớ 100
Kiểm tra dung lượng bộ nhớ
đã dùng 100

L

Lưu chi tiết thẻ cá nhân 101
Lắp thẻ SIM và thẻ MMC 1
Lấy thông tin từ chi tiêu trên
trang trình duyệt 103
Log-Nhật ký điện thoại và nhật
ký chung 19

M

Mở tập tin 36
Môi trường có khả năng gây nổ 133
Môi trường hoạt động 131
Mã truy cập x
Mã khóa x
Mã PIN x
Mã PIN2 x
Mã PUK và mã PUK2 x
Mailbox 57
Mạng 93
Media (Phương tiện) 36
Memory card (Thẻ nhớ) 99

Memory Status (Hiện trạng bộ nhớ Ứng Dụng) 75
Menu 7
Messaging 51
Mẹo nhỏ khi viết văn bản 23
Movie director 49
Movies, muvees
 quick muvees 49
 tùy chỉnh muvees 49
My folders (Thư mục riêng) 56

N

Ngưng kết nối 110, 118
Ngắt kết nối Bluetooth 116
Nhận các tập tin qua Hồng ngoại 76
Nhận dữ liệu qua công nghệ vô tuyến Bluetooth 116
Nhận tin nhắn dịch vụ 56
Nhận tin nhắn thông minh 55
Nhập dữ liệu từ điện thoại tương thích 35
Nhập mã chi tiêu 101
Nhật ký cuộc gọi mới nhất 19
Note (Ghi chú) 96

O

Outbox 59

P

Phái An toàn. Sử dụng Sản phẩm chính hãng. 126
Phát các tập tin media 48
Phát lại, xóa hoặc đổi lệnh thoại 79
Phone settings 84
Phụ kiện, pin và bộ sạc ix
Pin 128
Positioning (Định vị) 32
Profiles (Cấu hình) 81
Push To Talk (Bộ đàm) 13

Q

Quản lý số liên lạc 25
Quay số bằng khẩu lệnh 26

R

RealPlayer 47
Recorder (Máy ghi âm) 98

S

Sử dụng điện thoại làm modem 118
Sử dụng các nhóm 17
Sử dụng danh sách kênh 44
Sử dụng kiểu nhập tiên đoán 22
Sử dụng kiểu nhập truyền thống 22
Sử dụng radio 43
Sạc pin 3
Sạc và Xả pin 125
Security 90
Server Trò chuyện và Presence 71
Service command 60
Service msg 64
Setting (Cài đặt) 50
Settings 83
Speed dialling (Quay số nhanh) 11
Synchronise (Đồng bộ) 119

T

Tải e-mail về từ hộp thư 57
Tải một ứng dụng 72
Tải về 109
Tán gẫu trong nhóm trò chuyện 67
Tạo các mục nhập lịch 33
Tạo cấu hình chi tiêu 102
Tạo ghi chú cá nhân 102
Tạo kết nối 106
Tạo một cấu hình đồng bộ mới 119
Tạo nhóm trò chuyện mới 70
Tìm người sử dụng và nhóm trò chuyện 67
Text message 60
Thực hiện cuộc gọi bộ đàm 15
Thực hiện cuộc gọi thoại 11
Tháo thẻ Multimedia trong khi điện thoại đang hoạt động 2

Tham gia và thoát khỏi nhóm
 trò chuyện 66
 Thêm nhạc chuông 26
 Thông tin an toàn về các trò
 chơi video 133
 Thông tin bổ sung về sự an toàn 131
 Thông tin Cá nhân 25
 Thông tin tổng quát x
 Thông tin về chứng nhận (SAR) 135
 Thông tin về pin 125
 loại 128
 Thay đổi cài đặt 49
 Thay đổi cài đặt đồng hồ 98
 Thay đổi cài đặt chung 83
 Thay đổi người có thể xem thông tin
 Hiện diện của bạn 29
 Thay đổi thông tin khả dụng
 của bạn 28
 Themes 82
 Thiết bị y tế 131
 Tin nhắn đa phương tiện 61
 Tin nhắn thoại 11
 Tools 72
 Trả lời hoặc từ chối cuộc gọi 12
 Trợ giúp 10
 Trình duyệt 107

U

Uploading images to an
 image server 38

V

Vào một ứng dụng 75
 Viết và gửi tin nhắn 52
 Viết văn bản 22
 Visual Radio 41
 Voice command 77

W

Wallet (Chi tiêu) 101
 Web (Trình duyệt di động) 105

X

Xe cộ 132
 Xem các đối tượng đa
 phương tiện 55
 Xem các tin nhắn trong thẻ SIM 59
 Xem chi tiết kết nối 117
 Xem chi tiết vé 104
 Xem hình 40
 Xem lịch 34
 Xem Nội dung Trực quan 45
 Xem nhật ký chung 20
 Xóa các tin nhắn e-mail 58
 Xóa một ứng dụng 75